

PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

10\$00



PHỔ THÔNG

Tạp-chí Văn-Hóa ra ngày 1 và 15

Giám-đọc : **NGUYỄN - VỸ**

Số

in thêm

Sinh Càng

162

1 - 12 - 65



● VÕ QUANG YẾN ● CHOLOKOV ● DUY
SINH ● NHẤT TUẤN ● TÂN PHONG ● ĐIỀU
HUYỀN ● JAYA PANRANG ● DUY THỨC
● HOÀNG THẮNG ● TRẦN TUẤN KIẾT ●
TRỊNH VĂN TIẾN ● TRẦN BỬU ĐỨC ●
NGUYỄN TƯỜNG THỊNH ● NGUYỄN VƯƠNG

sắp xuất bản, tháng 11-1965 :

MỒ HÔI NƯỚC-MẮT

truyện dài tình cảm và xã-hội

CỦA

NGUYỄN-VỸ

(Yêu cầu các Đại lý thân-mến ở Thủ-đô và các tỉnh cho biết trước số lượng cần dùng đủ tiêu thụ ở mỗi địa phương)

sẽ tiếp tục xuất bản :

- « MÌNH ƠI » ! bốn quyển I, II, III, IV
- VĂN-THI-SĨ TIỀN-CHIẾN, ba quyển I, II, III
- THƠ LÊN RUỘT (Thơ trào lộng về thời thế)
- TUẤN, CHÀNG TRAI NƯỚC VIỆT bốn quyển I, II, III, IV
- GIẤC MƠ HOA . . . :

và tất cả các tác-phẩm (Thơ và Văn), đã đăng liên tục trong tạp-chí Phổ-Thông từ số 1.

CÁC ĐỐI-NHÂN — TẠP-CHÍ PHỔ-THÔNG — NGUYỄN-VỸ

NGUỒN VUI — SỨC KHỎE

của mọi người và
trong mọi gia - đình



HƯỚC NGỌT CON CỌP Ở ĐẦU
ĐÂY LÀ KHỎE MẠNH SỐNG LÂU. YÊU ĐU

PHỔ-THÔNG

TẠP - CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-đọc, Chủ-bút : Nguyễn - Vũ

Tòa-soạn : 231, đường Phạm-Ngũ-Lão, Sài-gon — Đ.T. 25.861



NĂM THỨ VIII ★ SỐ 162 ★ 1-12-1965

1.— Xã luận : tri thức Dollar	Nguyễn-Vỹ	7	—	9
2.— Giải Nobel sinh lý và y học 1965. . .	Võ-quang-Yến	10	—	16
3.— Nhận thù (truyện ngắn ngoại quốc) .	Cholokov	17	—	35
4.— Thử kiểm trên sông (thơ)	Trần-bửu-Đức			36
5.— Máy bay «tân thời»	Nguyễn-tường-Thị-h	37	—	46
6.— Tuổi chàng trai nước Việt	Nguyễn-Vỹ	47	—	51
7.— Rồi người còn trai (thơ).	Đào-thành-Khiết			52
8.— Hoàng hôn (thơ)	Lâm-mông-Oanh			53
9.— Cai trị thể mà dễ	Trịnh-văn-Tiến	54	—	57
10.— Về một quá vãng	Duy-Sinh	58	—	61
11.— Chung thủy (truyện ngắn).	Nhất-Tuấn	62	—	67
12.— Nhân vật phi thường Zaharoff . . .	Tân-Phong	68	—	72
13.— Đường về (thơ)	Trần-tuấn-Kiệt			73
14.— Sơ lược về ngôn ngữ Chăm.	Jaya Panrang	74	—	79
15.— Tác giả tác phẩm : Nguyễn-mạnh-Côn .	Duy-Thức	80	—	85

16.— T'ên dạ lữ hoài.	Đinh-nhật-Thận 66	—	90
17.— Minh ơi! sao chời.	Diệu-uuyền 11	—	100
18.— Mạc đình Chi.	Song-Thu 101	—	102
19.— Truyện ba người.	Hoàng-Thắng 03	—	109
20.— Quán nước.. . . .	Nguyễn-Vương 110	—	111
21.— Cá lia thia.	Lưu-Linh-Trí 112	—	116
22.— Lửa tình (truyện dài).	Trần-tuấn-Kiệt 117	—	120
23.— Thư bạn đọc.	Phổ-Thông 121	—	127
● Tranh vẽ Ngọc Dũng.	Ngọc-Dũng		
● Bìa : khu vực kỹ nghệ ở Tây Đức qua nét vẽ của họa sĩ Roberto Patelli			



- ✱ Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chi quốc-tế).
 - ✱ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
 - ✱ Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chi PHỔ - THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chi PHỔ-THÔNG » và đừng viết tắt.
 - ✱ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
 - ✱ Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- Copyright by PHỔ THÔNG, printed in Việt-Nam.

Tổng phát hành PHỔ - THÔNG toàn quốc :
ĐỒNG NAI, 270, Đề-Thám — Saigon

- Tổng-phát-hành PHỔ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu
- Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique
- Our general agent in Europa & Africa

LONG-HIỆP
13 Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS Ve
(vente — abonnements — Publicité)

XÃ THUYẾT

TRỊ
THỨC

dollar



NÊ N ghi nơi đây để cho các thể hệ tương lai nhận thức một hiện tượng quái gở trong lĩnh vực Văn nghệ và Văn hóa V.N. hiện đại, từ ngày chiến tranh để bảo vệ Tự-do đã thay đổi nhiều bộ mặt của xã hội.

Trong lúc ở miền Bắc, Văn hóa nô-bộc tiếp tục bóc lột tất cả những năng khiếu của tinh thần Văn nghệ mà thần tượng là MÁU, thì ở miền Nam tự do, một số người mệnh danh học-giả và văn nghệ sĩ đổ xô vào mục phiêu văn hóa truy lạc, giả-mạo, nhẩy múa kịch cớm và cuồng nhiệt trước bàn thờ DOLLAR.

Không nói làm chi việc chúng lợi dụng một chút địa vị «Giáo sư», «Đại học», hoặc chức vụ này nọ để đầu cơ biệt thự, vườn đất, cơ sở, do tiền viện trợ rộng rãi của các nước bạn.

Nhưng chúng còn cả gan lấy danh-nghĩa của Văn-Hóa Á-Đông, Văn-hóa Tự-do, Văn-nghệ V.N. v.v.. với những danh từ kêu to nhưng rỗng tuếch, dưới những hình thức văn-hóa xảo trá, bịp bợm, để xin tiền các nước bạn, nhưng thực tế để làm giàu túi riêng của chúng.

Chúng dàn-cảnh những cuộc diễn-thuyết màu mè vô-vị, những thuyết-trình nhảm-nhí, lỗ-lãng, xuyên-tạc cả tư-tưởng triết-lý Đông Tây, nhận-xét bậy-ba về Văn-học Việt-nam, và in những báo-chí khô-khan, vô bổ, để mà mắt một vài cơ-quan Văn-hóa Quốc-tế, thực hiện lý-tưởng chính của chúng là chia tay nhận lĩnh ngân-phiếu của Thần-tượng Dollar.

Chưa đủ. Có những kẻ theo đóm ăn tàn, chạy theo cao trào Phật-giáo, lạy quý vị Thượng Tọa, và giả danh « Phật-tử Trí-thức » (!) để xin ăn-huệ trong Viện Đại-học này, trong ban chấp hành nọ, miệng niệm Phật mà tâm thờ con Bê Vàng (Veau d'Or)!

Những Văn-nghệ sĩ lành-mạnh của Thế-hệ trẻ và của Dân-tộc đều chán ngấy bọn phù-thủy của thời-dại.

✧ Nói rằng chúng làm dơ-bẩn Văn-nghệ Việt-nam, làm nhục cho Văn-hóa Nước nhà, thì vinh-dự cho chúng quá.

Không! Hãy xem chúng sáng-tác được những

gì thì thấy rõ chân giá-trị của chúng. Xem chúng xây-dựng những gì, bồi-đắp những gì, thì biết rõ tài-năng của chúng.

Dư luận của đồng-bào hay chê cười những « cô gái bán Bar », những chị « Marie Xén », những anh tài-xế taxi, những người cho mượn phố, ham tiền Mỹ mà coi rẻ tiền Việt. Nhưng các hạng người ấy không đáng trách, vì đồng bạc nhọc-tiểu đầu có bằng Dollar đỏ, Dollar xanh...!

Chỉ đáng khinh bọn xu-thời « Học giả », « Thi nhà », « Văn sĩ » của thời Văn-Loạn. Với một ít tri-thức mớ-cáo, lợm-lặt, một hồn thơ khô cạn, nghèo-nản, một mớ triết-lý xà-lát-nga, một nhúm tư-tưởng sơ-đẳng, chúng lợi-dụng các biến chuyển của thời-cơ, cầu-cạnh thế-lực, xin-xỏ địa-vị, làm trò mua rỗi trơ-trẽn, để kiếm Vàng của các bạn ngoại-quốc đến đây đổ tiền ra tranh đấu cho Tự-do.

Nhiệm-vụ Văn-hóa ? Chúng là Thi-sĩ, Văn-sĩ, học-giả, là Cự, là Ngài, tọa hưởng ở hậu-tuyến những món lời buôn chữ.

Đó là « nhiệm-vụ », là « *mission divine* », của chúng, hay là « hài-kịch thiêng-liêng »

Cứ tiếp-tục công tác bần-thần của các người, hỡi bọn Do-thái của Trí-óc! Nhưng hãy sợ một ngày kia Chúa sẽ cầm roi đến đuổi các người ra khỏi Đền!

nhân giải Nobel sinh lý và y-học 1965

NHIỄM SẮC THỂ VÀ DI TRUYỀN TÍNH

● VÕ-QUANG-YẾN (Paris)

Từ ngày môn di tính học ra đời, mười ba giải NOBEL đã lần lượt đánh dấu từng bước một công cuộc khảo cứu của các nhà bác-học trong ngành này: MORGAN, MULLER, BEADLE, TATUM, LEDERBERG, KORNBERG, OCHOA; cách đây hai năm, CRICK, WATSON, WILKINS, và năm nay ba bác-sĩ, tấn-sĩ, giáo-sư Viện Pasteur ở Paris LWOFF, MONOD và JACOB. Sự có mặt đông đảo nhiều khảo cứu viên đủ mọi ngành chuyên môn

trong cuộc tìm hiểu di tính đủ chứng tỏ công tác này làm bận trí biết bao các nhà bác học cuối thế kỷ 20 này. Cũng thật dễ hiểu, sống vào một thời đại mà than đá biến thành tơ sợi, dầu hỏa công hiến miếng thịt nuôi người, cung trắng, sao Hỏa nay mai được chinh phục,... ai mà không nóng lòng muốn biết sinh vật bắt nguồn từ đâu, tổ tiên loài người là ai, chúng ta không phải là sinh vật thông minh độc nhất trong vũ-trụ, và thực tế hơn, gần gũi hơn, con người cấu tạo thế nào, trong óc não có gì, di

NHÂN GIẢI NOBEL

tính truyền đạt ra sao từ ông cha đến con cháu.

Riêng về câu hỏi cuối cùng này, biết bao công của đã phải tốn kém để chứng minh nhiệm vụ của nhiễm sắc thể. Ngày nay không còn ai chối cãi được nữa nhiễm sắc thể đã đóng vai trò quan trọng trong cuộc truyền đạt di tính, và bộ ám hiệu ghi chú chương trình truyền thống ngày càng được khám phá rõ ràng. Nhưng gần đây, vào lúc môn di tính học sắp xây đắp nền móng vững vàng trên các nhiễm sắc thể, vào lúc các công tác khảo cứu nhiệm vụ các nhiễm sắc thể trong cuộc truyền đạt di tính được đưa ra phổ biến trong quần chúng thì nhiều công tác khảo cứu khác lại phá phách mô hình đẹp đẽ kia: nhiều nhà bác-học đã chứng-minh nhiễm sắc thể không thể giữ độc quyền trong công cuộc này và giả thuyết di tính không nhiễm sắc thể bắt đầu lan tràn, buộc các nhà khảo cứu phải nỗ lực học hỏi thêm để mau giải thích được dứt khoát một vấn đề căn bản trong công cuộc tìm hiểu con người.

Cơ chế truyền đạt di tính

Người ta biết tế bào sinh vật gồm có một cái nhân, xung quanh bao bọc một lớp bào chất (cytoplasme). Trong nhân có nhiễm sắc thể, gọi như vậy là vì phải đem nhuộm mới thấy được. (Người Âu Mỹ gọi là chromosome, do danh từ Hi-lạp chromos, nghĩa là màu sắc, mà ra). Thuyết di truyền theo nhiễm sắc thể cho các thể này chứa đựng những hạt di truyền (gène) điều khiển toàn cuộc truyền thống. Những nhà sinh vật học cũng đã tìm ra được cấu chất các nhiễm sắc thể ấy là những axit nucleic chia ra làm hai loại: ADN (axit desoxyribonucleic) và ARN (axit ribonucleic) (1).

Phân tử ADN giống như một cái than vôi mình mà thành dựa là hai dây desoxyribot (một chất đường) và axit photphorit nối tiếp nhau. Những nấc thang là những chất bazo. Nhà bác học người Mỹ, NIREMBERG, và các cộng tác viên, nhận thấy cứ ba nấc bazo thì chỉ định được một axit-amin.

mà người ta lại biết nhiều phân tử axit-amin đính lại với nhau thì làm thành protein, rường cột của tất cả các tế bào sống. Một điều quan trọng khác mà người ta cũng đã tìm ra được là trong tất cả các phân tử ADN sinh vật sống trên quả địa cầu chỉ có bốn chất bazo mà thôi: guanin, adenin, cytosin, thymine sắp đặt một cách xác định. Từ đấy, ý niệm các bazo chỉ định di tính bắt đầu thành hình.

Bên cạnh ADN còn có các ARN cũng ở trong tế bào. Khác với ADN, thang ARN chỉ có một thành dựa, chất đường ribot thay thế chất desoxyribot và thỉnh thoảng chất bazo uracil lấy mất chỗ của thymine. Cơ chế truyền đạt di tính diễn ra như sau: Chất ADN, cơ quan chính có khả năng sinh sản và mang chương trình truyền thống ở trong nhân tế bào trước tiên chế tạo ra chất «ARN liên lạc». Chính ba giáo sư được giải NOBEL sinh lý và y học năm nay đã tìm ra được loại ARN này, sống lâu có vài phút nên rất khó thấy. Chất ARN liên lạc có các bazo giống hết chất «ADN mẹ» vội từ giả nhân tế bào

chạy lại một bộ phận gọi là ribosom nằm trong bào chất. Trong ribosom, một loại ARN khác nhận lệnh và sắp đặt chế tạo tế bào mới với những nguyên liệu do một loại ARN thứ ba, các «ARN chuyển ngữ» chạy kiểm trong bào chất và chở về. Những nguyên liệu này là những axit-amin đã thấy ở trên và một loại protein dùng làm chất xúc tác gọi là giếu tố (enzyme). Nhờ ARN liên lạc đã khéo lắp đúng lệnh của ADN mẹ nên «protein con» giống hẳn chương trình đã định.

Một phương pháp chữa bệnh ung thư

Vậy chương trình từ ADN đến axit-amin cần phải qua tay ARN. Nhưng vai trò thật sự của ARN như thế nào? Từ năm 1957, lúc hai bác sĩ ở Viện Pasteur, MONOD và JACOB, tìm ra được các ARN liên lạc cho đến nay, chất axit này thật đã không ngớt làm bận trí các nhà sinh vật học. Thật vậy, di chuyển từ nhân ra bào chất, ARN là chất axit đã biết được rõ nhất tình hình bên trong lẫn bên ngoài nhân tế bào. Các nhà bác học SPYRIDE và LIPMANN

ở Viện Rockefeller, LEVINTHAL ở Viện Technology ở Massachusetts, dùng chất kháng sinh actinomycin cho tác dụng trong lúc tổng hợp chất ARN liên lạc, chứng minh mỗi phân tử của axit này điều khiển cuộc chế tạo từ 10 đến 20 phân tử protein.

Bên phần NIREMBERG thì chứng minh trong ARN liên lạc, bề dài của phân tử cũng có nhiều ảnh hưởng lên hoạt động của axit. Nhưng nói chung, ARN rất còn là bí mật và cần phải biết nhiều chi tiết nữa mới mong hiểu rõ được. Nhiều nhà bác học đã kiếm cách dò xét theo phương pháp nhiễu xạ với quang tuyến X. Ở Philadelphie, các bác sĩ đã đưa một đề nghị kỳ lạ: ARN liên lạc không những làm trung gian mà có khi điều khiển cả cơ chế di truyền. Khảo cứu với các ARN lấy từ não thai gà ra, các ông nhận thấy ARN có thể thay đổi chương trình mà ADN đã giao phó cho. Tiếp tục khảo cứu với ARN lấy từ gan chuột lành mạnh cho vào những tế bào ung thư chuột, các ông nhận thấy không những các tế bào ung thư đã chế tạo ra chất men đặc biệt

của gan, mà các tế bào ung thư ấy còn mất cả tính chất hỗn loạn và hết còn chiếm lẫn những tổ chức kế cạnh như trước. Một kết quả loại này là một tin mừng lớn lao cho ngành y khoa, cho cả nhân loại. Nhưng cuộc khảo cứu chỉ vào lúc ban đầu, cần phải tiếp tục nhiều thí nghiệm nữa mới có thể kết luận chắc chắn.

Di truyền không nhiễm sắc thể.

Đến ngang đây, ta thấy tuy vai trò của ARN chưa được hiểu biết thấu đáo, các axit nucleic và nhiễm sắc thể cũng đã là những viên đá vững chắc làm nền tảng cho tích di truyền. Người ta có thể ví tế bào sinh vật như một cơ thể mà nhân là đầu óc. Lấy mất nhân và nhiễm sắc thể đi thì cơ thể như mất đầu óc, hết còn làm gì được. Nhưng đáng kia, nhân tách một mình ra khỏi bào chất thì như bộ tham mưu mà không có quân đội, dù anh tài trí lược, dù có muôn vạn chương trình cũng chẳng làm nên được gì. Bào chất đóng vai

trò chuyên môn, cần thiết không kém gì nhân tế bào. Nhưng bào chất phải chăng chỉ là một nhân viên phụ thuộc? Từ năm 1908, nhà sinh vật học CORRENS đã đưa ý niệm bào chất cũng dự vào cuộc truyền đạt di tính. Nhưng nhà bác học đã sống quá sớm thời, mấy ai tin đây là một ý niệm đúng đắn. Ba mươi năm sau, ý kiến mới lại được gợi ra vì người ta nhận thấy trong nhiều trường hợp nhiễm sắc thể như tưởng không kiểm soát được hết tính chất truyền thống.

Một trong những điểm thường được chú ý là tính chất thuộc mẹ: nhiều cơ thể, bên cạnh những đặc tính theo đúng các định luật thường lệ, còn có những đặc tính hoàn toàn thuộc về mẹ. Năm 1936, nhà bác học HORSTADIUS khảo sát trên các con cầu gai (oursin) với những tế bào cái bị lấy mất nhân. Kết quả rất lạ lùng là những con cầu gai sinh ra hoàn toàn giống mẹ. Lần đầu tiên vai trò của bào chất trong tính chất di truyền được đặt ra rõ ràng. Người ta lại đề ý khi thụ thai, noãn châu của bà mẹ biến thành tế bào khổng lồ mà phần lớn là bào chất chứa đựng nguyên

liệu để nuôi trứng sau này. Nếu biết lớp bào chất lúc ấy lớn gấp 50.000 lần tinh trùng thì cũng hiểu được cơ thể dễ bị ảnh hưởng của bà mẹ.

Nhà bác học người Đức WATTSTEIN thí nghiệm trên cây cỏ, đặc biệt với các loại rêu, đề nghị trong bào chất có nhiều yếu tố tương tự như trong nhiễm sắc thể. Nhưng cũng như lúc trước với CORRENS, chẳng ai chịu nghe ông. Tuy nhiên, từ năm 1954, nhiều nhà sinh vật học khác tiếp tục công tác và đưa ra nhiều nhận xét đặc biệt. Nhà bác học MICHAELIS đưa ra hiện tượng lạ lùng trên các loại lá xanh có đốm trắng. Ở những đốm này xem như lá mất khả năng chế tạo lục diệp tố (chlorophylle) (2). Theo ông, đặc tính này không phải do phần hoa mà là từ phần cái của cây, bộ phận mang noãn châu, mà lại.

Như những thí nghiệm trên đây về loại rêu hay con cầu gai đã chỉ rõ, bào chất có thể truyền đạt di tính. Công tác khảo cứu về mặt này ngày càng tăng đến nỗi trong Hội nghị về Di tính học kỳ thứ 11 nhóm tại La Haye,

hơn một trăm bản thuyết trình, trong luôn hai ngày, đã chính thức hóa tính chất di truyền không nhiễm sắc thể.

Toàn thể tế bào điều khiển di tính

Phần lớn các nhà sinh vật học đều chịu nhận trong bào chất có những hạt di truyền tương tự như trong nhiễm sắc thể, gọi là hạt di truyền bào chất (plasmagène). Một nữ bác sĩ người Mỹ, bà SAGER ở Viện đại học Columbia, cộng tác với một người Nhật, bác sĩ YOSHIRITO Tsubo, đã thành công gây được ngẫu biến mà không cần nhiễm sắc thể. Theo bà, trong bào chất, những hạt di truyền có nhiều mẫu giống nhau, khác với trong nhiễm sắc thể mỗi hạt di truyền chỉ có một mẫu.

Một giả thuyết thứ nhì cũng không kém phần đúng lý: nhiễm sắc thể thật đã chứa đựng tất cả chương trình di truyền, điều khiển tất cả các cuộc tổng hợp, nhưng không cứ lúc nào và ở đâu. Một cơ chế chỉnh lý điều hòa cần phải có trong thiên nhiên để luôn kiểm soát những chương trình, làm cho thích ứng

với nơi hoạt động, tùy theo mỗi loại tế bào khác nhau. Giả thuyết « cân bằng các thông lượng », ấy còn cần phải được giải thích thêm. Ở viện Pasteur ở Paris, MONOD và JOLOB, liên tục khảo cứu trên các vi trùng Escherichia coli, đã đạt được nhiều thành tích quan trọng. Theo các ông, vai trò của bào chất là kiểm soát, gia tốc hay dừng chậm, có khi hủy bỏ cả chương trình.

Phải nên nói ngay không một giả thuyết nào đánh đổ tính chất quan trọng của nhiễm sắc thể trong công cuộc di truyền. Trái lại, những công tác sau này chỉ xác định vai trò của nhiễm sắc thể và đặt thêm một tổ chức có thể thay đổi chương trình đã định trước trong nhân tế bào. Tổ chức này thật nằm trong bào chất hay đã hoạt động ngay trong nhân rồi? Hay, theo thí nghiệm của bác sĩ CURTIS ở London, tổ chức này đóng gói ở trên màng tế bào bao bọc nhân? Đây là một câu hỏi khác cũng cần được trả lời.

Tính di truyền không nhiễm sắc thể tuy đã ra đời nhưng chỉ mới vào lúc ban đầu. Những

thí nghiệm chưa đưa lại kết quả rõ ràng, giống nhau, những giả thuyết chưa được thực nghiệm chứng thực. Các nhà khảo cứu đang còn phải mò mẫm, chờ đợi những cuộc phát giác mới mẻ và đích xác. Những nhà sinh vật học có tiếng như ROSTAND, SADRON, CAULLERY tuy chưa chịu xác nhận, cũng không hoàn toàn gạt bỏ những đề nghị đã được đưa ra. Nhưng dù sao, một nhận định như tưởng đã dứt khoát: nhiễm sắc thể không còn phải nữa là những vật độc nhất điều khiển di tính. Đây là công cuộc của toàn thể bào.

Dưới ánh mặt trời, còn bao nhiêu chuyện khảo cứu! (3) ● ★

(1) Xin xem *Phổ Thông* số 100, bài «Chung quanh các giải Nobel 62».

(2) Năm nay, nhà vật hóa học hữu cơ WOODWARD, giáo sư tại Viện đại học Harvard bên Mỹ, được tặng giải Nobel vật hóa học nhờ đã nhân tạo tổng hợp được lục diệp tố (chlorophylle) cùng nhiều hóa chất quan trọng như quinin, cotison, coles-terol, stritnin...

(3) Tương tác giữa photon (quang tử) và từ điện trường cũng là một đầu đề khảo cứu được các nhà vật lý học đề ý từ lâu. Một lý thuyết ra đời năm 1950 đã đem lại năm nay giải Nobel vật lý học cho 3 giáo sư FEYNMAN, S. H. W. INGER (Mỹ) và SIN - ITIRO TOMONAGA (Nhật).



● CA SĨ

Một cô ca sĩ trẻ đẹp, một hôm gặp một người bạn thân trên đường phố. Hai người bắt đầu nói chuyện. Người bạn hỏi:

— Sao dạo này không nghe chị hát trên đài phát thanh nữa. Chị ốm à?

Với một giọng buồn như... bài ca ly biệt, nữ ca sĩ trả lời:

— Không, tôi có đau ốm gì đâu, chính là các thính giả ốm vì tôi chị à!

MỘT TRUYỆN CỦA MIKHAIL CHOLOKOV NGƯỜI ĐƯỢC GIẢI NOBEL VĂN CHƯƠNG 1965

HÀN THÙ

★ Mikhail Cholokov

● VŨ MINH THIỀU dịch

Ở

chiến trường, cây cối như người, đều chung một số phận. Trong một khu rừng, tôi đã chứng kiến cả một rừng cây lớn bị pháo binh của chúng tôi hạ. Quân Đức quốc xã sau khi rời lạng S... đã đến lập chiến lũy mới, nhưng chúng đã bị hủy diệt cùng cả với cây

cối. Dưới gốc những cây thông đổ ngã, xác quân Quốc xã ngổn ngang, xinh tươi trong các bụi cây dương xỉ xanh ngắt. Hương thơm ngát của nhựa những cây thông trũng đọng cũng không sao át được mùi hôi tanh của những xác đang rữa, người ta có thể nói ở chính ngay những hố đất do đạn trái phá đào sâu, đất ngả màu đỏ xẫm và khô, cũng bốc hơi nồng nặc của xác chết...

Tôn nghiêm và yên lặng, thần chết bao trùm cả khoảng rừng trống bị đạn trái phá của chúng tôi cây xói. Ở giữa khu rừng rải bao la này, riêng còn một cây phong thoát được tàn phá, oai nghiêm dựng thẳng thân cây lên trời. Gió rung động những cành cây lỗ chỗ những vết thương; gió xào xạc thổi qua những chum lá non, bóng va bầy nhầy.

Chúng tôi vượt qua khu rừng trống, anh liên lạc viên đi trước, lấy tay sờ vào thân cây phong, ngơ ngác hỏi, giọng thân mật và chân thành:

— Này bạn, làm sao mà đứng lại được thế này?...

Nhưng nếu cây thông bị một trái đạn bẻ gãy, ngã xuống như có người chặt, để lại ở nơi này còn một khúc nham nhở, nhựa suốt mướt chảy như giọt lệ, thì cây sẽ lại chết một cách khác.

Một viên đạn trái phá Quốc xã đánh trúng một cây sên, trên bờ một con sông nhỏ không tên tuổi. Viên đạn đục một lỗ hồng lớn ở thân, làm một nửa cây khô héo; còn nửa kia, bị va chạm mạnh, ngã xuống mặt nước, mùa xuân tới, bỗng do một phép màu nhiệm, lại hồi

sinh và trở lá xanh tươi. Đến nay, những cành thấp của cây sên vẫn ngả xuống mặt nước, những cành cao đưa lên trời những lá cứng nhắc, xút xẹo...

Trung úy Gơ-ra-si-mô vóc người cao, hơi cồng, hai vai rộng, nhô lên như vai điều hầu, ngồi ở cửa lều của chàng. Chàng gọi lại tỉ mỉ cuộc chiến đấu ngày hôm đó, cuộc tấn công của các chiến xa địch bị tiêu đoàn của chàng đẩy lui.

Khuôn mặt gầy của viên Trung úy trông trầm tĩnh, lạnh lùng. Sự mệt mỏi như đè nặng lên cặp mắt hùm hụp, đỏ ngầu. Chàng nói giọng trầm, ngắt quãng, thỉnh thoảng lại chấp hai bàn tay lại. Va cữ chỉ đó biểu hiện rõ ràng một nỗi đau đớn thẳm lặng hoặc một ý nghĩ gì sâu xa, chua xót, trái ngược hẳn với thân hình vạm vỡ, và nét mặt cương nghị của chàng.

Bỗng chàng ngừng nói; nét mặt thay đổi; mặt xạm nắng bỗng tái đi, môi run bần bật, cặp mắt thăm thẳm nhìn xa bỗng bừng lên một ngọn lửa thù hận ghê gớm, làm tôi phải theo dõi xem chàng nhìn gì. Và tôi trông thấy bọn tù binh quốc xã, từ phòng tuyến của chúng

tôi đi về chỗ chúng tôi ngồi. Một lính Nga, áo bạc màu, gần như trắng, vì ánh mặt trời, mũ chật ra phía sau gáy, dẫn họ đi.

Anh lính Nga đi không vội vã, lúc la lúc lắc cây súng, lưỡi lê sáng ngời dưới ánh mặt trời. Pa tù binh quốc xã kéo lê chân, nề oải bước, giầy bám đầy bùn.

Tên quốc xã đi đầu, đã có tuổi, má hóp, chòm chòm lông lá màu hung, đi đến gần lều chúng tôi, liếc nhìn chúng tôi một cách gian xảo, và vẫn không ngừng bước, y sửa lại chiếc mũ buộc ở thắt lưng. Trung úy Gơ-ra-si-mô bỗng nhẩy lên, quát tên lính Nga, giọng gay gắt, chua chát:

— Không thể được, có lẽ mi đi dạo chơi với chúng sao? Bước nhanh lên! Tà bảo mi: gấp lên đó!...

Chàng định nói thêm, nhưng vì cảm động, nên không nói được. Rồi vụt một cái, chàng quay lưng và chạy vội xuống hầm. Thấy tôi bối ngỡ, anh chính trị viên, chứng kiến cảnh tượng này, khẽ bảo tôi:

— Còn biết làm sao hở ông? Chàng bị kích động quá.

Trước, chàng đã bị quốc xã bắt làm tù binh. Chắc ông không biết việc này. Một buổi khác, ông hãy thử nói chuyện này với chàng, chàng bị khổ sở lắm khi bị bắt. Và nay, cứ trông thấy một tên quốc xã, chàng không thể chịu được nữa. Thông thấy chúng chàng bức mình hết sức. Thấy chúng chết chàng yên tâm. Có thể nói, chàng vui sướng trông ngấm xác địch; nhưng khi trông thấy tù binh, chàng xanh xám, mắt nhắm lại, mồ hôi đổ ra như tắm, hoặc quay đi và lẫn mất.

Anh chính trị viên lại gần tôi và hạ thấp giọng:

— Đã hai lần, tôi dự cuộc tấn công với chàng, chàng khỏe như một con bò mộng. Chà! nếu ông biết chàng đánh nhau thế nào?... Tôi thấy đủ mọi mặt, nhưng về cách xử dụng lưỡi lê và súng thì thật kinh khủng!

Và đêm, trọng pháo quốc xã bắn phá rồi. Đều đặn, cách từng khoảng, xa xa lại nghe thấy tiếng đại bác. Một vài phút sau,

trên đầu chúng tôi cao vời trên bầu trời đầy sao, có tiếng loảng xoảng, một tiếng hú dội lên, rồi xa dần. Sau chúng tôi, về phía lộ, mà ban ngày xe cộ đi lại rộn ràng, tải lên mặt trận khí giới, đạn dược, một ngọn lửa tỏa một ánh sáng vàng, tiếp theo một tiếng nổ vang như sấm rền.

Giữa khoảng những tiếng nổ, khó yên lặng trở lại khu rừng, người ta lại nghe thấy tiếng kêu lạnh lạnh của muỗi, tiếng uôm uôm của ếch ương bị xáo động ở các đầm lân cận, kêu gọi nhau hải hùng.

Chúng tôi nằm dưới bóng một cây dẻ. Trung úy Gơ-ra-si-mô xua muỗi với một cành cây, từ tốn kê lại đời chàng. Tôi thuật lại lời chàng theo trí nhớ của mình :

— Hồi trước chiến tranh, tôi làm thợ máy trong một xưởng ở miền Tây Tây-bá-lợi-á. Tôi nhập ngũ ngày 9 tháng 7 năm trước. Tôi có một vợ, 2 con, còn cha tôi thì bị tàn phế. Lúc tôi ra đi, vợ tôi, cố nhiên là khóc chút ít và dặn dò tôi: « Anh cố bảo vệ xứ sở và gia đình. Nếu cần hãy hy sinh đời mình cho tổ quốc được thắng trận ». Tôi còn nhớ, tôi

cười và bảo nàng: « Đối với anh, em là thế nào? Là vợ hay là một nhân viên tuyên truyền? Anh đã lớn đề hiểu rõ điều đó. Còn về chiến thắng, em khỏi phải quan tâm, chúng ta quyết sống chết giành với quân quốc xã! »

Cha tôi, vốn người cứng rắn, nhưng vẫn không quên dặn dò tôi :

— Nay con, hãy nghĩ rằng họ Gơ-ra-si-mô nhà mình không phải là thường đâu. Con là một người thợ trong một gia đình có tên tuổi. Ông con xưa làm cho xưởng Sít-tô-ga-nốp (1) Trong hàng mấy trăm năm, gia đình nhà ta đã rèn sắt cho tổ quốc. Vậy trong trận này, con phải tỏ ra rắn rồi như sắt đó. Chính quyền cũng là một phần của con. Trước chiến tranh, chính quyền đã cử con làm sĩ quan trừ bị, nay con phải đánh kẻ thù cho mạnh.

—Thưa cha, con xin tuân lệnh.

Lúc đi ra ga, tôi đi qua trụ sở Hội đoàn. Ông thư ký của chúng tôi là một

(1) Stroganov: tên của một gia đình đại kỹ nghệ từ thế kỷ thứ XVI đến thế kỷ thứ XVIII.

người khô khan, điềm tĩnh. Tôi tự nhủ, nếu vợ tôi và cha tôi khuyên nhủ tôi, chắc ông thư ký của tôi không tha, ít ra cũng nửa giờ diễn văn. Còn dịp nào tốt hơn nữa! Vậy mà trái ngược hẳn. Gặp tôi, ông nói :

— Chú ngồi đây. Trước khi đi, hãy ngồi với nhau chốc lát theo tục lệ cổ xưa của người Nga.

Chúng tôi ngồi yên một lúc không nói gì. Rồi ông đứng dậy, cặp kính nhòà nước mắt. Thật là điều lạ quá! Và ông bảo tôi :

— Nay chú Gơ-ra-si-mô, việc này rõ ràng quá! Ta biết chú khi còn là một thằng oắt con, không cao hơn thế này. Rồi chú mầy vào hội đoàn. Ta lại biết chú thêm liền mười năm nữa. Vậy nay, chú hãy đi, đập cho mạnh quân khốn đó. Hội đoàn đặt tin tưởng ở chú!

Rồi hai chúng tôi ôm lấy nhau. Trời ơi! Lúc này ông thư ký của chúng tôi có đầu căn cổ khô khan như xưa...

Tôi cảm thấy hăng say, và rời hội-đoàn, lòng cảm động và vui vẻ.

Rồi vợ tôi cũng làm tôi tươi vui thêm nữa. Bạn cũng rõ tiền chồng ra trận có gì là vui. Vợ tôi cũng hơi bối rối. Luôn luôn, nàng muốn nói một điều gì hệ trọng, nhưng tất cả tư tưởng của nàng như một luồng gió lồi cuốn đi mất. Rồi đến lúc đoàn tàu rung chuyển, nàng vội chạy lại gần toa tàu có tôi ở trên, rồi không buông rời tay tôi, nàng nói :

— Nay anh, hãy coi chừng đừng đề phải cảm lạnh ở ngoài mặt trận nhé!

Tôi nói :

— Em nghĩ bị lạnh sao? Không bao giờ thế đâu! Khí hậu ở ngoài đó tốt lắm, ôn hòa là đằng khác.

Xa nàng, lòng tôi thấy se lại, nhưng những lời nói yêu đương và ngớ ngẩn của nàng lại làm tôi ấm lòng và tôi càng cảm thấy thù hận bọn quốc xã. Tôi tự nhủ : bọn lằng giềng quỷ quyết của chúng tôi đã tấn công chúng tôi, nay chúng hãy rán đứng vững, đợi chúng tôi đập cho!

Trung úy Gơ-ra-si-mô ngồi yên lặng một lúc, lắng nghe tiếng súng nổ vang ở phía trước.

Rồi tiếng súng lặng êm như đột nhiên vang nổ lúc ban đầu, chàng lại tiếp tục nói :

— Hồi trước chiến tranh, xưởng của chúng tôi có nhận được các máy móc của Đức. Lúc lắp máy, có lúc tôi sờ chiếc máy bốn năm lần, ngắm xét mãi. Thật không thể chèn vào đầu được, những máy hoàn hảo này do những bàn tay khéo léo tạo ra. Tôi lại thường đọc các tác phẩm của các nhà văn Đức và luôn luôn tôi mến trọng dân tộc này, nhưng không khỏi có lúc bức tức nghĩ rằng sao một dân tộc cần mẫn và thông minh nhường này lại chịu đựng thứ một chế độ như chế độ Hitler hiện thời. Nhưng dù sao, cũng là việc riêng của họ. Rồi chiến cuộc bùng nổ ở miền Tây,..

Và nay, đoàn tàu đưa chúng tôi ra mặt trận. Tôi nghĩ thầm : kỹ thuật của Đức quốc rõ thật hùng mạnh ! quân đội không phải là dở ! chà ! với một kẻ thù sức ấy, nện nhau kẻ cũng khoái lắm !...

Đơn vị của chúng tôi đến mặt trận vào cuối tháng 7. Buổi sáng ngày 27 chúng tôi lâm trận. Bính kích pháo của địch dữ dội

quá ; nhưng đến chiều, chúng tôi trấn tĩnh và đánh chúng một mẻ khá đau, đuổi chúng ra khỏi hẳn một làng. Trong trận này, chúng tôi bắt được mười lăm tù binh. Tôi còn nhớ việc này như mới xảy ra hôm qua : bọn tù binh xanh xám, run sợ. Về phần chúng tôi, lúc này hết hăng say rồi. Người này, người nọ, đưa mìn chúng nào xúp, nào thuốc lá, nước chè, có thứ gì cũng cho và thân mật vỗ vai chúng : « Anh bạn, sao lại đánh nhau thế này ?... »

Nhưng một chiến sĩ kỳ cựu trông thấy cảnh tượng cảm động đó liền nói :

— Các anh cảm thương những ông bạn tốt đó, nhưng phải thấy các ông ấy ở chiến tuyến bên kia, đối xử với các chiến sĩ bị thương và dân chúng của ta ra sao mới rõ được.

Những lời nói này chẳng khác gì chậu nước lạnh đổ lên đầu chúng tôi.

Cách đó ít lâu, chúng tôi phản công và được chứng kiến những điều thật hãi hùng... Biết bao làng mạc thành tro tàn, hàng trăm đàn bà, trẻ con,

người già lão bị bắn giết, xác quân Nga bị vằm chém, đàn bà thiếu nữ, cả đến con gái nhỏ bị hãm hiếp và giết một cách tàn bạo...

Trong những cảnh kinh khủng đó, tôi vẫn còn nhớ rõ rằng một tấm thảm kịch. Thiếu nữ vào khoảng mười một tuổi và có lẽ trên đường đi học thì bị bọn quốc xã bắt, lôi vào một vườn rau, bị hãm hiếp và giết. Xác cô bé nằm trên luống khoai bị dẫm nát. Chung quanh em bé nào vỡ, nào sách dính đầy máu, ngổn ngang trên mặt đất... mặt nạn nhân bị lưỡi lê băm vằm, trong tay còn nắm chắc chiếc cặp không. Chúng tôi lấy tấm vải lau che thân kẻ xấu số, rồi đứng yên lặng, không thốt được lời nào. Bọn anh em chia tay xa dần... Còn tôi đứng lại đó, như loạn trí, miệng lầm bầm : « Bác-Kô, Địa lý, dùng trong các lớp trung học... » Tôi đọc tên một cuốn sách rơi trên bãi cỏ, quyển sách đó, tôi biết lắm, vì con gái tôi cũng học đệ ngũ...

Việc xảy ra không cách xa Lỗ sin mấy dặm. Liền ngay Xi-vi-ra

dưới một hố, chúng tôi trông thấy nơi họ tra tấn những tù binh Nga. Chắc bạn đã đến thăm một lò sát sinh ? Ấy cũng cảnh đó... Trên cành những cây mọc trên bờ thung lũng, treo lủng lẳng những xác người dầm máu, không chân tay, gần bị lột hết da. Ngoài ra, còn tám xác chết chồng chất nhau dưới hố, không sao nhận diện được những nạn nhân thuộc về đơn vị nào. Đó chỉ là một đồng thịt bị vằm nhỏ, tám chiếc mũ lính xếp chồng lên nhau như tám chiếc đĩa.

Bạn thấy lời nói không sao diễn tả được cảnh mình nhìn thấy. Không sao được. Không có lời nào diễn đạt nổi. Phải mục kích cảnh khủng khiếp mới phát biểu được ý kiến. Và nữa, nói thế cũng đủ rồi !

Trung-úy Gơ-ra-si-mô yên lặng hồi lâu.

Tôi hỏi chàng :

— Hút thuốc ở đây được không ?

Chàng trả lời giọng khàn khàn :

— Có thể được, nhưng ông lấy tay che đầu lửa đi, và sau

khi cũng chạm một liều thuốc, chàng nói tiếp:

—Nhìn thấy tất cả những sự tàn bạo của quân quốc xã, chúng tôi như điên dại. Chúng như thú dữ. Chúng không thể nào khác hơn được, chúng tôi cảm thấy mình gặp phải những tên quỷ khát máu, chứ không phải là người nữa...

Rồi chúng tôi lại phải lùi nữa nhưng vừa rút lui, chúng tôi vừa đánh thật kịch liệt.

Hầu hết những binh sĩ trong đại đội chúng tôi đều là người Tây-bá-lợi-á. Vậy mà đất đai Uy-ken chúng tôi chống giữ hết sức. Nhiều bè bạn tôi đã gục chết ở nơi này. Nhưng chúng tôi giết quân quốc xã không phải ít, chúng tôi rút lui nhưng chúng cũng liềng xiềng.

Nuốt ngon lành khói thuốc đang hút, trung úy Gơ-ra-si-mô nói một giọng khác, dịu dàng:

—Đất Uy-ken thật đẹp, cảnh tuyệt mỹ! Nếu mỗi làng, mỗi xóm đối với chúng tôi quá thân mật; cũng vì chúng tôi đã đổ máu ở đó, không chút dè xèn, máu huyết, bạn đã biết, rằng buộc thắm thiết những giây liên lạc... Vì vậy, rồi một làng mạc, lòng

chúng tôi thấy se lại, se lại, thật là điều bất hạnh, niềm tiếc nhớ thất lại làm bạn đau lòng! Chúng tôi lui, xấu hổ, không dám nhìn thẳng mặt dân chúng.

...Lúc này, đâu tôi có nghĩ rằng mình sẽ bị bắt làm tù binh của quốc xã. Vậy mà tôi đã phải qua cảnh đó. Bị thương lần thứ nhứt vào tháng chín, tôi vẫn tiếp tục chiến đấu. Nhưng ngày 21, trong một cuộc giao tranh ở Đê-ni-sô-ka, thuộc miền Bôn-ta-va, tôi bị thương lần thứ hai và bị bắt làm tù binh.

Chiến xa quốc xã chọc thủng chiến tuyến chúng tôi về tả dực và ở lỗ hổng này lực quân tràn vào. Chúng tôi đánh hết sức dữ dội để thoát khỏi vòng vây. Ngày hôm đó, đại đội chúng tôi thiệt hại nặng. Đã hai lần, chúng tôi đẩy lui được những cuộc tấn công của chiến xa địch, đã phá hủy được sáu chiếc và đốt cháy một xe thiết giáp. Chúng tôi giết được hơn một trăm quân quốc xã trong một ruộng bắp. Sau đó, chúng đưa các đội bích kích pháo đến và chúng tôi buộc lòng phải rời khỏi ngọn đồi chúng tôi giữ được từ trưa đến bốn giờ chiều.

Trời nóng bức từ sáng. Trên trời, không vẩn chút mây; mặt trời chói chang, tưởng như bầu không khí không sao thở được nữa. Mìn nồ không ngớt. Chúng tôi còn nhớ chúng tôi khát nước quá, đến nỗi môi nẻ cả ra. Về phần tôi, tôi kêu gào ra mệnh lệnh, lạc cả tiếng, không nhận ra tiếng của mình nữa. Chúng tôi nhảy bả đến bờ một hố sâu thì mìn nồ trước mặt chúng tôi. Tôi chỉ còn thấy mờ ảo một đám bụi và đất đen. Rồi không thấy gì nữa. Một mảnh mìn đã chọc thủng mũ của tôi, một mảnh khác đánh trúng vai bên phải.

Tôi không còn nhớ tôi mê man trong bao lâu, nhưng một tiếng chân đi làm tôi hồi tỉnh. Tôi ngẩng đầu lên và nhận thấy mình không còn ở chỗ cũ nữa. Áo đầu mất, vai bên phải được băng bó vội vàng. Đầu không mũ và cũng băng bó và một giải băng rơi lòng thòng xuống ngực. Tôi hiểu ngay là các chiến hữu tôi khi khiêng tôi đi, đã vội vàng băng bó cho tôi. Tôi ước ao được gặp những người thân trong gia đình, và tôi cố gượng ngẩng đầu lên. Tôi thấy quân quốc xã chạy vội

lại. Tiếng chân của chúng làm tôi tỉnh hẳn. Tôi trông thấy chúng rõ ràng, như trên màn bạc. Tôi sờ quanh mình. Không có khí giới, không súng lục, không súng trường, không có cả một quả lựu đạn. Có ai trong bọn chúng tôi đã lấy của tôi cả bản đồ hành quân và khí giới của tôi nữa.

Tôi nghĩ: «Cái chết đã đến,» Tôi cần gì nghĩ ngợi lúc này nữa? Quân quốc xã đã đến gần quá, và tôi không muốn chết nằm như thế này. Điều đó thật dân dị, tôi không muốn thế thôi, tôi không thể chết nằm như vậy, bạn có hiểu không? Tôi cố thu hết tàn lực, quỳ lên và lấy tay chống xuống đất. Khi chúng đến gần, tôi đứng hẳn lên. Tôi lao đảo, rất sợ lại ngã xuống, tưởng tượng mình nằm ở mặt đất bị lưỡi lê đâm chết. Chúng xúm quanh tôi cười, nói. Tôi bảo chúng: «Thôi lủ bay hãy giết ta đi, kéo ta lại ngã!» Một tên cầm súng đánh vào gáy tôi. Tôi ngã xuống, nhưng lại đứng dậy ngay. Chúng cười rộ lên. Một tên khác, ra hiệu như muốn nói: «Được, đi lên phía trước». Tôi bắt đầu đi, mặt dính đầy

máu đã đông lại. Máu ấm nóng va bầy nnầy, từ vết thương trên đầu tôi chảy xuống; tôi thấy đau ở vai phải quá, không gờ tay lên được nữa. Tôi ước ao được ngã lưng một chút, khỏi phải cử động, nhưng vẫn đi...

Không, tôi không muốn chết, nhất là không muốn bị bắt như thế này. Gắng hết sức, tôi cố chế ngự chóng mặt và nôn mửa và vẫn bước đi. Vậy là tôi còn sống và cần phải hành động. Chà! khát nước đây vò tôi quá sức! Tôi thấy cổ họng bỏng cháy, lúc tôi đi, như có một tấm màn mỏng màu đen phất phơ trước mặt. Tôi không còn biết gì nữa và nhủ thầm: « Uống được ít nước và nghỉ ngơi chốc lát, tôi sẽ trốn! »

Ở ven một khu rừng nhỏ, người ta tập hợp và xếp hàng bọn tù binh. Đó là những chiến sĩ của đơn vị gần chiến tuyến chúng tôi. Ở đại đội tôi, tôi chỉ nhận thấy có hai bạn. Phần đông anh em đều bị thương. Một viên Trung úy quốc xã bập bẹ tiếng Nga hỏi trong bọn chúng tôi có ai là sĩ quan hay chính trị viên không? Mọi người im lặng. Gã liền quát lớn:

« Chính trị viên và sĩ quan bước lên hai bước. » Không ai cử động. Gã liền từ từ xét từng hàng tù binh. Hẳn chỉ những người có đáng điệu Do-Thái. Hẳn hỏi: « Do-Thái à? » và không đợi trả lời; hẳn lôi họ ra ngoài hàng. Trong bọn đó, có người Do-Thái, người Ác-mê-ni, người Nga mặt nám nắng và tóc đen. Chúng đề những người này riêng ra và dùng tiêu liên bắn quét ngay trước mặt chúng tôi. Rồi chúng lục soát, tịch thu hết các ví tiền và giấy tờ riêng của chúng tôi...

Chúng bắt chúng tôi xếp hàng và đi về hướng Tây. Quân dẫn giải khá đông. Chúng đi bọc hai bên và thêm vào đó, khoảng mười chiếc xe mô tô địch chạy kèm nữa. Chúng bắt tù binh đi gập và sức tôi tàn dần. Hai lần tôi quy xuống, rồi lại đứng lên và tiếp tục đi. Tôi biết chậm lại một phút, đề đoàn tù binh vượt qua sẽ bị hạ ngay. Trường hợp này đã xảy ra đối với một viên trung sĩ đi trước tôi. Chàng bị thương ở chân và đi rất khó khăn. Đôi khi chàng lại kêu lên vì quá đau. Lê chân được một cây số, chàng nói lớn:

— Tôi xin chịu! Thôi, vĩnh biệt các bạn! và chàng ngồi ngay xuống giữa đường.

Chúng bạn cố đỡ chàng lên, nhưng chàng lại ngã ngồi xuống. Tôi còn như trông thấy trong một giấc mơ, bộ mặt trẻ trung xanh nhợt, đôi mày nhú lại và đôi mắt đắm lệ của chàng... Đoàn tù binh vượt qua. Chàng ở lại sau. Tôi quay đầu lại và trông thấy một tên quốc xã đi mô tô, sát lại gần chàng và không đặt chân xuống đất, rút khẩu súng lục, chĩa vào tai viên trung sĩ bắn. Trước khi đến bờ sông bọn quốc xã còn hạ thêm vài tù binh đi chậm nữa.

Tôi đã trông thấy giòng sông, cầu bị phá hủy, và một chiếc xe cam nhông sa lầy ở ngay đường đi. Vừa lúc ấy, tôi ngã sấp mặt xuống đất. Có phải tôi lịm đi không? Không, tôi nằm sổng sượt, mồm đầy cát bụi. Các bạn tôi đi qua, một anh khê bảo tôi: « Đứng dậy kéo bị bắn đây! » Tôi cào xé mồm, tôi cầu mắt, hy vọng vì đau tôi sẽ đứng dậy được...

Đoàn người đã qua và tôi nghe thấy tiếng mô tô. Sau, tôi đứng dậy được. Không nhìn tên đi mô tô, lao đảo như người

say rượu, tôi cố gắng đuổi kịp những người đi sau, chiến xa và cam nhông qua sông làm nước vẫn đục, nhưng chúng tôi uống thứ nước đục và âm ẩm này tưởng ngon hơn cả nước suối. Tôi dầm mình xuống nước, ướt cả đầu và vai và thấy mát mẻ dễ chịu quá. Sức tôi hồi lại. Nay tôi có thể đi được và chắc không quy, không đi lại sau nữa...

Giữa lúc chúng tôi dần dần đi xa giòng sông thì một đoàn chiến xa quốc xã chặn ngang đường đi và tiến lên. Tên lái chiếc chiến xa đầu nhận ra là một đoàn tù binh, liền nhấn ga mạnh và thúc xe nghiêng chỗ đông tù binh nhất. Những hàng đầu ngã, bị bánh xe nghiền nát, những tên lính giải tù binh và những tên đi mô tô rộ lên cười, chúng kêu gọi và những tên lái chiến xa thò đầu ra, gờ tay vẫy như những kẻ điên rồ. Rồi họ bắt chúng tôi tập hợp, xếp hàng lại và tiếp tục lên đường.

Còn biết nói sao? những tên lính quốc xã vui nhộn này...

Cả về chiều và đêm, tôi không dám trốn. Tôi biết việc

này không sao thực hiện nổi vì mình mất nhiều máu. Và nữa chúng tôi bị canh gác nghiêm ngặt quá và tất cả mưu toan lần trốn đều bị lộ ngay. Nhưng sau đó, đã bao lần tôi thử thách số vận mình! Buổi sáng, chúng tôi qua một làng, có một đơn vị quốc xã đóng. Bọn quân lính chạy lại xem chúng tôi và buộc chúng tôi phải chạy nước đại qua đường làng, muốn sỉ nhục chúng tôi trước mặt đơn vị địch tiến ra mặt trận. Và chúng tôi phải chạy, kẻ nào ngã hoặc ở lại sau, sẽ bị hạ ngay. Đến chiều tối, chúng tôi tới một trại tù binh.

Sân trại rào giây kẽm gai rất chắc. Tù binh chen lấn nhau. Họ giao chúng tôi cho bọn giám thị trại giam và bọn này lấy bóng súng dồn chúng tôi vào phía sau. Bão trại giam này là địa ngục chưa phải là đúng. Trại không có cầu tiêu. Anh em đứng đi ngoài và họ đứng và ngủ ngay trên bùn hoặc bãi nhơ. Những người yếu quá, không dậy được nữa. Cứ hai mươi bốn giờ chúng cho chúng tôi ăn, uống một lần: một cốc nước và một nắm vừng sống hay thối. Và tất cả chỉ

có thể. Có ngày chúng quên chúng tôi nữa..

Hai ba ngày sau, mưa liên tiếp rất lớn, chúng tôi dầy xéo lên bùn mãi nên càng lầy lội thêm, nay bùn ngập tới đầu gối. Buổi sáng, anh em tù binh bị ngấm ướt, nước bốc hơi như mây ngựa và mưa vẫn trút xuống không ngừng... Đêm đêm tù binh chết hàng trăm người. Kém ăn, chúng tôi suy nhược trông thấy. Hơn nữa, những vết thương càng làm tôi đau đớn.

Đến ngày thứ sáu, tôi thấy ở vai và đầu đau nhức vô hạn. Vết thương bắt đầu tấy mủ và thật hôi thối. Ở cạnh trại giam là chuồng ngựa của nông trường và chính ở đây họ vứt những tù binh bị thương quá nặng vào. Một buổi sáng, tôi hỏi một anh hạ sĩ, giám thị chúng tôi, cho phép tôi được gặp viên thiếu tá, theo như người ta nói, còn phụ trách điều trị các bệnh nhân. Tên hạ sĩ nói thạo tiếng Nga, hãnh trả lời: «Đi ngay đi, mày hãy đến tìm viên bác sĩ của chúng mày. Hắn sẽ chữa chạy cho!».

Tôi không rõ thâm ý điều cốt của y và sung sướng đi ngay về phía chuồng ngựa.

Viên y-sĩ tiếp tôi. Ông là một người hết thời rồi. Gầy còm, mệt mỏi, ông gần như loạn trí vì cảnh khổ ông phải chịu đựng. Nằm trên ổ phân, những tù binh bị thương ngột thở vì mùi hôi thối của chuồng ngựa. Các vết thương của phần đông bệnh nhân lúc nhức dòi; những người còn khỏe lấy tay hoặc mẩu gỗ lôi dòi ra... Gần đấy, những xác chết chất thành đống, không có người mang đi.

Ông bác-sĩ bảo tôi:

— Anh coi, tôi làm thế nào giúp đỡ được anh? Tôi không có một mẫu băng, không có gì cả. Thôi, tôi van anh, anh đi đi. Anh hãy tháo băng của anh ra, đắp một ít tro vào vết thương, ngay cạnh phía cửa, có tro mới đó.

Tôi làm theo lời ông dặn. Tên hạ sĩ thấy tôi, cười: «Chà! Bọn quân lính của anh có một ông bác-sĩ hay quá! Ông ấy điều trị anh ra sao?» Tôi định đi, không trả lời thì hắn thoi mạnh vào mặt tôi và bảo: «Đồ súc sinh, mi không trả lời sao?» Tôi ngã xuống đất và hắn đá mãi vào người, đầu và ngực tôi, cho đến lúc hắn mệt nhọc. Tên

quốc xã đó, bao giờ tôi quên được! Và sau này nữa, mỗi khi hắn trông thấy tôi, lại gọi tôi đến và cứ yên lặng, từ tốn, đánh đấm tôi...

— Ông có thể hỏi tại sao tôi không chết?

Trước chiến tranh, khi tôi chưa làm thợ máy, tôi làm phu khuân vác tại Ka-ma. Tôi khuân trên lưng hai bao muối, mỗi bao nặng một trăm kí. Về sức lực, tôi như vậy. Vì thế mà tôi không ta thán gì. Lại thêm có lồng ngực vững, nhưng điều cốt yếu là tôi không muốn chết, ý chí chống chọi của tôi rất mạnh. Tôi cần phải trở lại với các bạn đồng đội, về với họ để trả thù những quân tàn bạo này đến cùng!

Trại giam này là một trại tập trung để phân phối đi các nơi khác nữa, tôi phải chuyển đến một trại cách đây khoảng một trăm cây số. Ở đây cũng như chỗ cũ: những trụ rào cao căng giây kẽm gai, không một mái nhà để ăn nấu, không có gì cả. Thức ăn cũng như trước. Thỉnh thoảng thay thế kẻ sống, họ cho chúng tôi một chén mì hư cũ nấu chín; hoặc nữa, họ

đem lại những ngựa chết, để tù binh tự làm ăn. Để khỏi gục đói, anh em đành ăn và chết hàng trăm người... Hơn nữa, mùa lạnh lại tới, Tháng mười đã đến. Mưa không ngớt và buổi sáng đã bắt đầu có tuyết. Chúng tôi cực khổ đến tột bậc. Tôi lấy áo ngắn và áo khoác của một lính Nga chết, nhưng những áo này không sao chống tiết lạnh cho tôi được chút nào. Còn về đói, đành cam chịu...

Những tên lính gác mập ú vì cướp bóc được nhiều thứ. Vì tính tình chúng giống hệt nhau, như đúc ở một khuôn ra... Và đây là những trò chơi của chúng : buổi sáng một tên đội tiến lại gần hàng rào, bảo thông ngôn gọi chúng tôi :

«Người ta sắp phát lương, cấp phát về phía tay trái.»

Rồi tên đội đi. Tất cả những tù binh còn đứng vững đều tập hợp về phía trái. Họ chờ một giờ, hai giờ, ba giờ. Hàng trăm thân hình gầy còm như bộ xương chờ đợi ở đó, dưới luồng gió rét căm căm.

Bỗng quân quốc xã chạy về phía đối diện. Chúng ném qua

hàng rào những miếng thịt ngựa. Bọn người vì đói cầu xé đồ dồi về phía đó, tranh nhau những miếng thịt lấm bùn...

Bọn quốc xã cười ngặt : rồi một tràng liên thanh nổ ròn. Tiếng kêu, tiếng rền rĩ. Tù binh chạy ùn ùn về phía trái, để lại trên bãi trống những người chết và bị thương. Tên quân đốc trại, người cao đến gần hàng rào với viên thông ngôn và nói, cổ nhin cười :

«Lúc phát lương, chúng mày hỗn độn quá chừng. Nếu còn xảy ra nữa, ta sẽ cho bắn chúng mày không thương, chúng mày thật là những bọn Nga súc sinh. Thôi, hãy khiêng những xác chết và người bị thương đi ! »

Quân quốc xã xúm quanh hàng rào không sao nhin cười được. Chúng chỉ biết ca tụng môn nói lén của chủ chúng.

Yên lặng, chúng tôi khiêng những xác chết và chôn cách đó không xa, trong một hố sâu...

Ở trại này, họ đánh chúng tôi, cũng hoặc đấm đá, hoặc bằng gậy, bằng súng. Đánh tù binh mục đích dẫn dụ là để

khuấy khỏa hoặc mua vui. Những vết thương của tôi đã hàn, nhưng có lẽ vì luôn luôn ẩm thấp hoặc vì bị đánh đập, nó lại lở loét ra, làm tôi đau đớn vô ngần. Nhưng tôi vẫn sống, và hy vọng một ngày kia sẽ được tự do... Chúng tôi ngủ chen chúc nhau trên bùn, không có đồ rơm, không có ván, cựa quậy luôn, nhưng vẫn cố giữ yên lặng : những người nằm sát bên lạnh giá căm căm, những người nằm trên cũng vậy, không còn phải là một sự yên nghỉ, nhưng là một thứ hình phạt không biết kêu danh tánh là gì nữa.

Ngày này qua, ngày kia tới như trong một cơn ác mộng. Tôi suy nhược trông thấy. Một đứa trẻ con có thể xô tôi ngã, nhìn cánh tay gầy dóc thịt, tôi kinh sợ và nhủ thầm : « Biết làm sao để rời chốn này ? » Và tôi tự nguyện rửa sao mình không trốn đi ngay ngày đầu. Thật ra, nếu họ có giết, tôi cũng đỡ đau đớn.

Mùa đông tới, chúng tôi hốt tuyết để ngủ ngay trên nền đất giá lạnh. Dần dần, ở trại, chúng tôi thưa vắng... Cuối cùng, họ

báo trong một vài ngày nữa, sẽ đưa chúng tôi đi làm việc, mọi người lại phấn khởi. Tia hy vọng lại bùng dậy, dù mong manh, là sẽ trốn thoát được.

Buổi đó là một đêm giá lạnh, Mờ sáng chúng tôi nghe thấy tiếng đại bác nổ ầm ầm. Mọi người quanh tôi đều xôn xao. Và khi tiếng súng lại nổ, một người nói lớn :

« Các bạn, đó là bọn mình tấn công ! ».

Liền đó, một cảnh tượng không sao diễn tả được hiện ra : tất cả các tù binh đều vội đứng dậy như theo lệnh chỉ huy, ngay cả những người đã nằm liệt lâu ngày. Xung quanh tôi tiếng diêm không ngớt, những tiếng than van đều lắng hết... Cạnh tôi có người nghẹn ngào khóc như đàn bà... Cả tôi nữa... tôi nữa... Trung úy Gơ-ra-si-mô nói giọng thồn thốc.

Chàng yên lặng một lúc, trấn tĩnh và tiếp tục nói, giọng điềm đạm hơn :

— Tôi cũng thấy nước mắt chảy trên gò má và gió thổi làm lạnh buốt... một giọng yếu ớt hát bài quốc ca và mọi người

cùng hát, giọng khàn khàn. Bọn lính canh liền nổ súng liên thanh. Một lệnh phát ra: « Các bạn nằm sấp xuống! » Tôi nằm úp mặt xuống đất, người đầm xuống tuyết và khóc như một trẻ thơ, không phải là giọt lệ vui mừng, nhưng cũng là những giọt lệ kiêu hãnh. Quân quốc xã có thể giết chúng tôi là những người đã bị tước khí giới, suy nhược vì đói khát, hoặc hành hạ chúng tôi đến chết, nhưng bề gầy ý chí chúng tôi thì không bao giờ được! Chúng tôi không phải là những hạng người như thế, tôi nói trắng ra như vậy.

Đêm đó, tôi không nghe hết được câu chuyện của trung úy Gơ-ra-si-mô, được gọi gấp đến bộ tham mưu. Nhưng một vài ngày sau, chúng tôi lại gặp nhau. Mùi nhựa thông và ẩm mốc vương vất trong hầm. Ngồi trên chiếc ghế dài, lưng khom xuống, viên trung úy gấp hai bàn tay to lớn lên đầu gối. Trông thấy chàng ngồi như thế, tôi liền tưởng đến trại giam mà ở đây có lẽ chàng đã nhiễm thói quen này, ngồi hàng giờ, tay

chấp lại, không nói năng gì trầm ngâm với những ý nghĩ đau đớn và khô khan.

— Bạn hỏi làm thế nào tôi trốn thoát được? Tôi sẽ kể bạn nghe. Sau đêm có tiếng đại bác nổ ầm ầm, họ bắt chúng tôi đi xây chiến hào. Sau những ngày lạnh giá, tuyết tan. Mưa luôn. Họ dẫn chúng tôi về phía Bắc trại giam, những cảnh tượng cũ lại diễn ra những người suy nhược quỵ xuống, họ bắn phát tối hậu và bỏ xác ở gòc đường...

Tên hạ sĩ quốc xã đã hạ một tù binh chỉ vì anh này đã nhặt một củ khoai. Chúng tôi qua ruộng khoai. Viên thượng sĩ Gôn sa, người Uy Ken đã nhặt củ khoai tai hại kia bỏ vào túi. Tên hạ sĩ quốc xã trông thấy, không nói gì, hắt lại gần và rút súng bắn vào gáy người tù binh. Cả đoàn dừng lại.

Tên hạ sĩ quốc xã giơ tay nói: « Tất cả những vật ở đây đều thuộc Đức quốc xã, kẻ nào không có phép, mà lấy mặc dầu vật gì cũng bị xử bắn ngay ».

Chúng tôi qua một làng, bọn đàn bà ném những mẩu bánh và khoai luộc cho chúng tôi; một vài người nhặt không ai biết, có những người không may: bọn

lính canh từ cửa sổ các nhà bắn xuống và rồi đó họ bắt chúng tôi phải đi gấp. Nhưng có bọn trẻ táo bạo, đi trước chúng tôi, ném xuống đường những mẩu bánh, chúng tôi nhặt ngay. Tôi nhặt được một củ khoai luộc lớn. Tôi chia với anh bạn đồng hành và chúng tôi ăn cả vỏ. Cả đời, chưa bao giờ tôi ăn một củ khoai ngon như thế!

Bọn quốc xã xây chiến hào ngay giữa rừng. Chúng tăng sự canh gác và phát cho chúng tôi xẻng. Xây chiến hào cho chúng, không được, phá đi mới phải!

Tôi quyết định hành động trước đêm tối. Tôi chui ở hầm lên, tay cầm xẻng, tiến lại gần viên giám thị... Tôi nhận thấy những tên lính quốc xã khác đứng gần phía hầm và chỉ một tên giám thị này coi bọn chúng tôi; gần đấy, không có một ai nữa.

Tôi tiến lại gần y và ngập ngừng nói:

— Xẻng của tôi gãy...

Thoáng cái tôi nhận thấy ngay, nếu tôi không thề hạ hắn một phát, tôi sẽ bị bắn ngay. Tên quốc xã có lẽ nhận thấy có

điều khác lạ trên nét mặt tôi. Hắn nghiêng vai để hạ cây súng đang đeo xuống. Tôi liền lấy xẻng nện mạnh vào mặt hắn. Tôi không đập vào đầu vì hắn đội nón sắt. Quả sức tôi còn mạnh: tên quốc xã ngã ngửa ra không kêu được một tiếng nào...

Tôi bỗng đoạt được một khẩu tiểu liên và ba băng đạn. Tôi muốn chạy gấp, nhưng nhận thấy không chạy được. Điều đó rất dãn dị, tôi dùng hết sức rồi. Tôi dừng lại, thở và nhẹ nhàng rảo bước. Qua hố sâu, đến đó. Tôi không còn nhớ tôi đã ngã mấy lần... Điều chắc chắn là tôi đi xa dần. Thở hỗn hển vì nhọc, tôi lượn qua các bụi rậm, về phía bờ đồi bên kia, khi nghe thấy ở đằng xa phía sau tôi, những tràng liên thanh và tiếng kêu. Nhưng bắt được tôi lúc này không phải là dễ nữa.

Chiều đến, nếu quân quốc xã theo vết tôi được và tiến đến gần, chắc tôi chỉ dành lại cho mình viên đạn cuối cùng thôi. Ý nghĩ đó làm tôi phấn khởi và tôi đi chậm bước lại, chắc chắn hơn nữa.

Tôi qua đêm trong rừng. Cách đó khoảng nửa cây số là một làng, nhưng tôi sợ không dám phiêu lưu đến, biết đâu tôi chẳng làm mồi cho địch.

Ngày hôm sau, nghĩa quân cứu tôi. Tôi ở trong lều của họ mười lăm ngày. Thoạt đầu, họ hơi nghi ngờ, nhất là khi thấy tôi rút tấm các ở lần thứ hai trong chiếc áo tôi ra mà trong khi bị giam cầm tôi khâu tạm bộ lại. Lần lần tôi khỏe lại. Về sau, cùng dự những cuộc hành quân, thái độ họ thay đổi hẳn. Và lúc này, tôi mở một quyền sở con ghi sổ quân quốc xã mình giết được. Từ ngày đó, tôi giữ quyền sở này rất cẩn thận. Con số đã gần tới một trăm.

Đến tháng giêng, nghĩa quân đưa tôi về hậu tuyến. Tôi nằm ở bệnh viện gần một tháng. Họ lấy ở vai tôi ra mảnh mìn, còn về bệnh tệ thấp và các bệnh

khác mắc ở trại giam, đề sau chiến tranh tôi sẽ chữa. Ở bệnh viện ra, họ cho tôi nghỉ về thăm nhà. Tôi chỉ ở gia đình một tuần lễ, không hơn nữa. Tôi buồn quá, vì không phải chỗ tôi ở nơi này.

Chúng tôi chia tay ở ngoài lều. Trung úy Go-ra-si-mô nói với tôi và mơ màng nhìn khoảng trống ở rừng tràn ngập ánh mặt trời :

— ... Và nay chúng tôi đã học hỏi về chiến tranh, chúng tôi biết thù hận biết yêu thương. Chiến tranh là cái lò rèn luyện tất cả những cảm tình con người. Người ta có thể nghĩ rằng tình yêu và thù hận không đi đôi với nhau được. Có thể nói đúng : “không thể đóng vào một chiếc xe một con ngựa hay và một con nai nhút nhát”. Nhưng với chúng tôi, có thể được lắm. Tôi hết sức thù hận

quân quốc xã vì những việc không hay chúng tôi xử với xứ sở tôi và với tôi; tôi lại cũng yêu mến quê hương tôi hết sức, tôi không muốn quê hương tôi rơi vào ách nô lệ của địch. Ý nghĩ đó thúc đẩy tôi và bạn bè chiến đấu hăng say. Cả hai ý nghĩ đó đưa chúng tôi đến chiến thắng. Trong khi tình yêu quê hương tràn ngập trong lòng, tồn tại mãi mãi, thì chúng tôi mang thù hận ngay ở đầu lưỡi lê sáng ngời. Tôi xin lỗi bạn, nếu tôi tỏ bày bằng những lời lẽ khúc mắc. Đó là cách tôi suy nghĩ.

Kể từ khi chúng tôi quen biết



★ TỐI TÂN

Một ông chủ bán xe hơi trả góp chỉ dẫn cho khách hàng xem những sự tân tiến về các bộ phận điều khiển.

Ông chỉ cái nút này, bấm thử cái nút kia... rồi đến cái nút cuối cùng, ông ta cất giọng :

— Cái nút này tối tân vô cùng. Hễ mỗi lần bấm vào cái nút này thì tức khắc hiện ra ngày mà ông... phải đem tiền đến góp cho tôi.

Ông ta cười ha hả, vui vẻ. Chỉ có ông khách cười gượng, cau mày.

PHONG-THU

NEUROTONIC

BỔ ỨC
Tăng cường trí nhớ

575 ĐVT 20-11-63

thử kiếm trên sông



Nhân đọc một chuyện cổ tích Đức
thế kỷ thứ 14, để nhớ lịch sử Cách
mạng Việt-Nam

Bao lần chém kiếm trên đe thép
Kiếm gãy bay tung vọt mái đầu
— « Mẹ ơi kiếm sắc kien đe thép,
Gươm báu cha con xưa giờ đâu ? »

Mẹ góp mảnh vụn kiếm chông khi trước
Trao cho con, không nói được nên lời
Lệ mừng, lệ tủi, lệ thương rơi
Mẹ đưa mắt « Con rên ngay gươm bén »

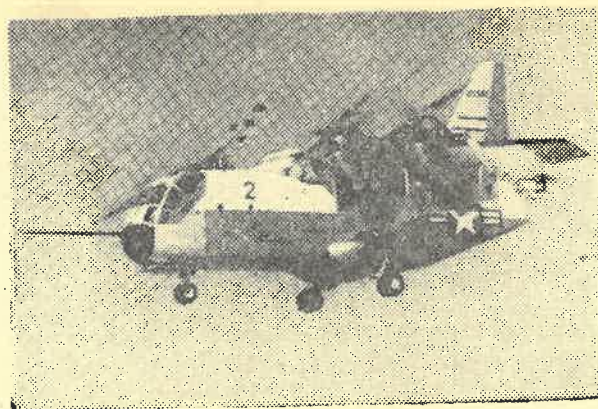
Lần này kiếm sắc chém đe âm
Đe đứt làm đôi rụng đất mềm
Gươm rung rinh úa cười trắng sáng
Hơi nóng thù cha về cùng đêm

Xách kiếm ra sông cầm giữa dòng
Rời lên ngọn nước thả trôi bông
Bông theo nước chảy lao qua kiếm
Lưỡi bén gươm ngắt đôi làn bông

Đêm vàng nghiêng bờ cao,
Giờ đeo gươm đã điem
Chứng có trăng và sao
Con nguyện đi lau hờn

● TRẦN BỬU ĐỨC
(Paris)

khóa học hàng không



phương V.T.O.L. tối tân Ling-
Temco-Vonglet XC-142 A
của Mỹ : chở được 32 lính
chiến hay 3 tấn rưỡi với
tốc lực 690 cây số/1 giờ
mà không dùng phi trường

MÁY
BAY

« TÂN THỜI »

★ NGUYỄN TƯỜNG THỊNH

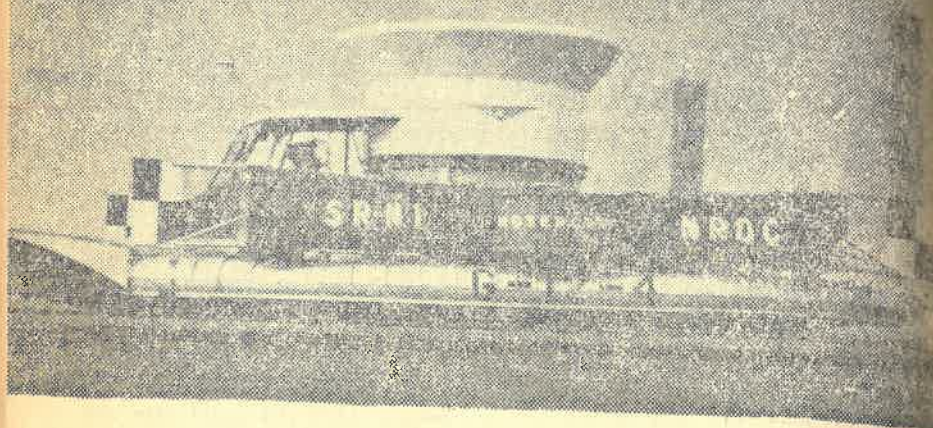
Có lẽ bạn chưa được trông thấy.
Nhưng những máy bay này
đang được đem thử và chỉ một
vài năm tới đây rất có thể bạn
sẽ là hành khách của chúng.

TRÊN thế giới hiện nay
có một vài loại phi cơ
hình dáng rất kỳ lạ, một
vài chiếc trông giống như
một đôi kiếng lớn di chuyển
trong không khí, một vài chiếc
khác giống như một cái cánh
quạt quay trên đó có một người
điều khiển và giữ thăng bằng với
đôi chân. Ngoài ra còn có những
máy bay cất và hạ cánh thẳng
góc không cần xài những phi
trường.

Những máy bay này đang
được thí nghiệm, bao giờ bạn
mới thấy chúng lướt qua trên
trời ? đó là một câu hỏi khác,
có lẽ một hay vài năm nữa nhưng
cũng có thể sẽ lâu hơn.

Nguyên tắc : chỉ có ba cách
để bay : dùng khinh khí cầu, hỏa
tiễn hay bắt chước loài chim.

Phương pháp đầu tiên.



MÁY BAY

đều dùng lối hô tổng không khí nhưng tùy theo sáng kiến các kỹ sư người ta đã thấy xuất hiện nhiều hình thức đặc biệt.

Máy lướt dùng nệm hơi

Từ lâu, các phi công đã được biết phi cơ được thêm một sức nâng phụ khi chúng lại gần mặt đất nhất là ở cao độ thấp hơn 6 thước, hiện tượng này các chuyên viên gọi là hiệu lực đầy của mặt đất (ground effect) tạo ra một nệm hơi giúp cho máy bay xuống đất chậm bớt và êm ái. Thật ra, phi cơ không dựa trên một lớp không khí mỏng, nhưng qua sự trung gian của một lớp không khí đầy trên mặt đất. Chế tạo những máy lướt trên mặt đất, do đó dễ dàng và đòi hỏi ít sức mạnh hơn.

Ngày nay, có những loại mà người ta gọi là máy lướt dùng hiệu lực của mặt đất hay tàu lướt (tiếng Anh gọi là hovercraft hay là Skimmers). Chúng «bay» không phải cách đất 10 hay 100th mà chỉ cách từ 60 đến 5 phân mét. Chúng có đủ cỡ, từ những chiếc nhỏ như xe si-cút-tơ đến những loại khổng lồ chở được hơn 200 người,

không mang cánh, trông những tàu lướt này giống như tàu thủy, xe hơi và nhiều khi còn giống đĩa bay nữa! Máy móc vận chuyển được đặt ở phía dưới, một hay nhiều cánh quạt đầy không khí xuống thấp giúp cho tàu lướt bay sát là là trên mặt đất hay mặt nước.

Chiếc tàu lướt đầu tiên trên thế giới do hãng máy bay trực thăng Saunders-Roe chế tạo tên là SR-N-1 «Hovercraft». Giống hình cái đĩa có đường kính 12.50th, chiếc Hovercraft cân nặng 7 tấn mang 1 động cơ mạnh 435 mã lực và có thể chở được 20 người với vận tốc tối đa 45cs/giờ. Một loại khác hiện được đem xử dụng chở hành khách qua sông Dec ở giữa xứ Galles và Anh Cát Lợi. Nhiều hãng Anh hiện đang chế tạo và đem bán những tàu thủy dùng nệm hơi có thể đạt tới vận tốc tối đa 130cs/giờ. Những tàu lướt này có thể di chuyển trên những nơi mà tàu thủy thường không đi được bởi lẽ chúng «bay» dễ dàng trên những bãi cát, những nơi gỗ nổi, những chỗ gỗ ghềnh nhiều đá, do đó có thể xử dụng một cách tiện lợi và mau chóng những kinh rạch.

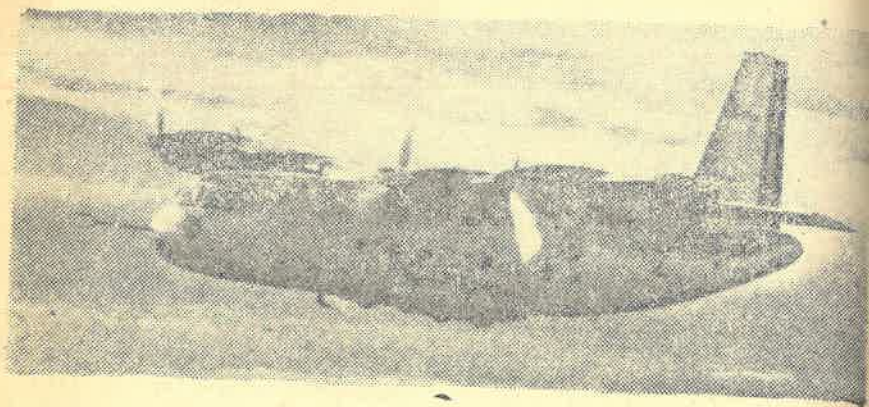
tiện lợi (khinh khí cầu lớn và c hậm quá), lối thứ hai gọi là bay thì không đúng vì hỏa tiễn được phóng lên không khác gì đạn súng. Do đó chỉ có lối thứ ba thông dụng nhất: lên cao nhờ đầy không khí xuống thấp và bay ngang bằng cách tổng không khí ra phía sau.

Chim (hay ong, bướm, dơi, hay gì gì đi nữa) mỗi lần vỗ cánh lại đẩy một khối lượng không khí ra phía sau và phía dưới. Chiếc điều, thay vì đập cánh từng hồi tổng không khí xuống phía dưới như một cái lưỡi cày đầy đất sang bên. Tuy nhiên nó chỉ tác dụng được như vậy khi có gió, hay được đưa trẻ kéo đi.

*Tàu lướt dùng nệm hơi:
Hovercraft của Anh*

Còn phi cơ, nó bay không khác một cái điều, có thể nói nó là một cái điều nhưng thay vì được một đứa trẻ kéo bằng dây, nó tiến tới nhờ cánh quạt và phía trong có người ngồi! Cánh quạt cũng như động cơ phản lực chỉ là những máy móc đầy không khí ra phía sau.

Tất cả những máy bay ngày nay



Phi cơ cất và hạ cánh ngắn (S.T.O.L.) Brequet 941 của Pháp: có thể chở được 55 lính chiến mà chỉ dùng 1 sân banh nhỏ xíu, tốc lực: 400 cs/1 giờ

Công ty Douglas của Mỹ đang nghiên cứu một loại tàu lướt nặng 100 tấn di chuyển sát mặt nước với một vận tốc 10 lần lớn hơn những tàu thủy thường và với giá rẻ ngang.

Tại Pháp, hãng Bertin đang thực hiện một loại máy lướt dùng nệm hơi lấy tên là Terra-

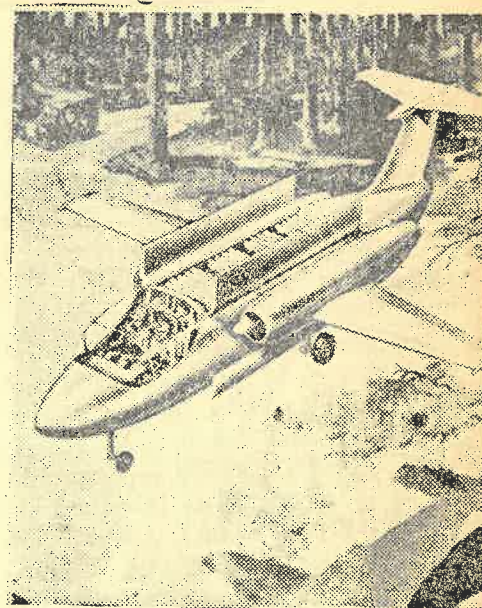
planes B.T.6; tàu lướt này dài 7,8m, cân nặng 3.500 kí có thể chở được 1.500 kí, vượt qua những chướng ngại vật cao 0,3m hay di chuyển trên những vùng đất gồ ghề.

Mới đây cả Mỹ và Anh đã đem thử những máy lướt dùng chống du kích trên những vùng đồng lầy như khu đồng thấp ở Việt Nam.

Trên bộ, đề di chuyển thật nhanh những máy dùng hiệu lực mặt đất có thể thay thế những loại xe có bánh.

Chúng ta sẽ thấy những tàu hỏa bay trên đường rầy, những phi cơ hành khách thay vì hạ trên bánh xe, sẽ hạ trên những đệm hơi. Những xe cam nhô g không lồ dùng nệm hơi sẽ có thể

máy bay thám thính XV.4A « Humming Bird » của Lục quân Hoa kỳ đang hạ cánh thẳng góc xuống ven rừng. Có 2 động cơ phản lực, máy bay «chim ruồi» này bay mau được 830 cs/1g



do việc chuyên chở với một giá rất rẻ. Tuy nhiên việc xử dụng toàn diện những tàu lướt vẫn còn ở trong sự ước đoán thôi.

● Máy bay lên thẳng

Nếu người ta có thể bay không cần dùng cánh trên một nệm hơi nhờ đầy không khí xuống thấp, tại sao lại không có thể với một động cơ mạnh mẽ hơn thực hiện điều trên tại một cao độ lớn hơn? Nhờ bỏ cánh người ta giảm bớt được trọng lượng vô dụng và kích thước công kênh.

Anh Quốc đã cho bay thử vào 1954 cái rương bay

gồm một khung có hai động cơ phản lực tổng không khí xuống phía dưới ở trên là ghế của hoa tiêu.

Pháp cũng có một chiếc tương tự là «Atar Volant» chỉ có một động cơ phản lực đặt thẳng đứng phía trên có ghế phi công hình nón.

Cả hai máy bay trên chỉ là những loại thí nghiệm để chứng tỏ không những người ta có thể lên thẳng mà còn có thể lái theo nhiều hướng. Trong mọi phi cơ, chính vấn đề lái theo mọi chiều hướng còn khó khăn hơn là

vấn đề cất cánh rất nhiều. Hiện thời có nhiều máy bay lên thẳng sẽ được đem ra sử dụng, một thí dụ là chiếc xe díp bay (Flying jeep) của hãng Piasecki Hoa kỳ, trông xe này giống như một đôi kiếng khổng lồ, 2 cánh quạt được đặt trong "gọng kiếng" để thổi thốc không khí xuống phía dưới. Phi công ngồi phía giữa. Chiếc díp bay có thể lên thẳng, ngừng chờ ở giữa, không khí, tiến tới, lùi lại v.v...

Tuy nhiên, điều quan trọng sinh tử cho một phi cơ không phải lên thẳng hay lái theo mọi hướng mà là vấn đề tiên! Sự lên thẳng đòi hỏi một sức mạnh đáng kể (và nếu bay lâu sẽ tốn rất nhiều nhiên liệu). Một máy bay phản lực tiêu thụ hàng tấn nhiên liệu khi lên thẳng do đó không thể kéo dài tình trạng nếu bay lâu. Muốn bay lâu và chở nhiều thì đôi cánh vẫn là phương tiện hữu hiệu nhất.

Phi cơ cất cánh và hạ cánh thẳng góc V.T.O.L.

Từ đó nảy ra ý kiến tổng hợp hai phương pháp hay lại làm một đó là những máy bay V.T.O.L. (do tiếng Anh: Vertical Take — Off and Landing: máy bay cất và

hạ cánh thẳng góc). Những phi cơ này sẽ cất và hạ cánh theo lối thẳng đứng nhưng lúc bay thường sẽ dùng đến sức nâng của cánh. Thời gian lên thẳng chỉ lâu chừng một phút do đó giảm bớt được số nhiên liệu tiêu thụ, đôi cánh khi đó có thể nhỏ và mỏng giúp phi cơ bay mau hơn.

Nhiều bạn sẽ thắc mắc: tại sao trực thăng cũng cất và hạ cánh theo chiều thẳng đứng lại không được sắp vào loại VTOL? Xin thưa: trực thăng không dùng cánh thường, phải tựa lên chong chóng để bay và thường chỉ đạt tới một vận tốc tối đa trong khoảng từ 200 đến 300 cs/lg, máy bay VTOL trái lại có thể bay nhanh như mọi phi cơ thường và hiện có đến vài chục kiểu đang được thí nghiệm tại Mỹ, Anh, Nga, Đức, Ý, Pháp. Điều khó khăn trong khi thực hiện những phi cơ VTOL là phải chế tạo được những động cơ thật mạnh sao cho sức đẩy còn lớn hơn trọng lượng (sức đẩy của các máy bay phản lực thường kém xa trọng lượng thí dụ như oanh tạc cơ B-57 của Không quân Việt Nam: cân nặng 22 tấn rưỡi mà sức đẩy tổng cộng của hai động cơ phản lực chỉ có

6 tấn rưỡi).

Chiến đấu cơ phản lực VTOL đầu tiên trên thế giới là chiếc Hawker P-1127 « Kestrel » chế tạo tại Anh quốc, máy bay này có một hệ thống hình chữ Y đặt sau ống phun phản lực. Quay ngang, hơi nóng phun từ động cơ sẽ tống ra phía sau cho một tư thế bay bình thường; quay dọc, hơi này sẽ thổi xuống đất để nâng phi cơ lên thẳng góc, chuyển tương tự xảy ra khi phi cơ hạ cánh. Loại Kestrel đang được thí nghiệm và sẽ được Không quân Hoàng gia Anh đặt mua. Nó đạt tới tốc độ siêu thanh: 1.300 cs/lg (Mach 1,2) và trông không khác gì một máy bay khu trục thường. Số vũ khí chở được tối đa vào khoảng 1 tấn. Những máy bay V.T.O.L. dùng nguyên tắc của chiếc Kestrel được gọi là loại xử dụng sức đẩy định hướng (deflected thrust).

Một vài kiểu khác có những động cơ riêng rẽ: một số động cơ dùng để bay lên thẳng đứng và một số động cơ dùng cho việc tiến ngang, thí dụ điển hình là khu trục cơ Mirage III V của Pháp đang được thí nghiệm: máy bay này có 8 động cơ phản lực đặt thẳng đứng ở phía trong

thân sau phòng phi công dùng cho việc cất cánh thẳng góc. Phi cơ Mirage III V có thể lượn nghiêng, tiến ngang, hay đứng im trong không khí không khác gì một máy bay trực thăng. Khi đã lên cao, phi công mới mở một động cơ đặt ngang có sức đẩy 9 tấn giúp nó bay như thường. Khả năng của nó không kém gì các khu trục cơ tối tân vì nó bay mau được 2.330 cs/lg (Mach 2,2).

Còn rất nhiều loại khác tại Mỹ và Đức sử dụng nhiều phương pháp khác nhau để thực hiện lối bay thẳng đứng: mới đây Mỹ đã đem ra trình diễn loại XC-142A thuộc loại cánh quay (tilt wing type) mang 4 động cơ mạnh tổng cộng 11.400 mã lực, cánh này được hướng theo chiều thẳng đứng để lên thẳng như trực thăng lúc cất cánh và dần dần được chuyển sang vị trí ngang để bay một cách bình thường. XC-142A chở được chừng 32 chiến binh có tốc lực tối đa 690 cs/lg sẽ được sử dụng trong những sứ mạng: đổ bộ, tải thương, vận chuyển, cứu cấp v.v..

Một vài loại có cánh cố định nhưng động cơ di chuyển (tilt propeller) vài loại khác vừa dùng động cơ phản lực vừa dùng chong

chóng, và còn nhiều lỗi nữa được áp dụng trên những máy bay V.T O. L. XV-4A, XV-5A của Mỹ, VJ-101 của Đức.

Có lẽ còn vài năm nữa mới có những phi cơ cất và hạ cánh thẳng góc dùng trong thương mại, nhưng chắc chắn là trong tương lai máy bay sẽ không còn xài tới phi trường.

● Phi cơ cất và hạ cánh ngắn

S.T.O.L là 4 chữ viết tắt của Short Take Off and Landing có nghĩa là máy bay cất và hạ cánh ngắn khi bạn trông thấy những phi cơ S.T.O.L. bạn sẽ không ngạc nhiên vì nó không khác gì các máy bay thường.

Tuy nhiên, nếu được mục kích một máy bay vận tải chở hơn

55 lính chiến vũ trang đầy đủ cất và hạ cánh trên một sân cỏ dài 100 th, chắc chắn người ta sẽ phải lạ lùng. Máy bay S.T.O.L. điển hình là loại Breguet 941 của Pháp, nó có hai bộ phận để tăng sức nâng khi cất cánh nhưng quan trọng nhất là những cánh lái nhỏ đầy không khí thẳng xuống đất. Nhà

xe dip bay của Lục quân Mỹ. Một kiểu máy bay lên thẳng không có cánh xe này có động cơ để di chuyển trên mặt đường như xe hơi.



sáng chế ra nó, kỹ sư Georges Ricard đã được giải thưởng Icare của hội ký giả hàng không vào 1963.

● Máy trực bay

Về phương diện cơ khí, đây là một máy bay trực thăng. Rất lớn và xấu xí nó có thể hạ xuống thật hấp trên một xe vận tải nặng 50t. nâng và chở lên như một con đại bàng cắp một chú cừu non. Tất cả những điều kể trên không có gì lạ ngoài kích thước và khả năng của phi cơ: nó có thể thi hành được nhiều việc mà người ta không thể ngờ một máy bay lại thực hiện được. Nó nâng những kiện hàng khổng lồ chở trên một quãng ngắn, đặt nhẹ nhàng xuống bất cứ nơi nào. Máy trực bay, không

một « máy trực bay » của hãng Sikorsky Mỹ đang cất một kiện hàng

cần phải hạ cánh vì nó hoạt động ở trên không. Nó chỉ có 1 buồng lái nhỏ dành cho 2 người.

Giới quân sự dùng « máy trực bay » để xây cầu, chở chiến xa, đại bác, kéo tàu. Trong dân sự nó tải hàng từ những tàu thủy lên bờ, ngoài ra người ta còn dùng chúng trong việc xây dựng những đường dây điện cao thế ở những vùng

héo lánh để đặt những cột trụ lớn bằng thép. Nó có thể đặt trên một mái nhà tiền chế hay là mang một sườn thép lên đỉnh của một buyn đình đương xây cất. Tại Hoa Kỳ có loại máy trực bay Sikorsky S-64 Skycrane. Anh có loại Westminster, còn Pháp, cũng có loại Super Frelon.

● Những đôi hia bay dậm

Ngược lại với những máy trực bay khổng lồ, có những loại trực thăng tí hon dùng cho một người. Vào cuối chiến tranh thứ hai, người ta đã khám phá tại Đức một máy bay thí nghiệm giúp cho binh sĩ trong khi chiến đấu có thể «nhảy» xa tới 300th. Ý kiến này chưa dùng ở đây, trong một ngày đại hội không

quân ở Mỹ cách đây vài năm một người lái trực thăng cá nhân đã từ phía sau khán đài bay ra trình diện trước công chúng hạ xuống đất rồi lại bay đi xa.

Một loại máy chuyên chở cá nhân khác đương thí nghiệm có thể sẽ được phổ thông hóa: đó là si-cút-tơ bay: phía trên cánh quạt là một người phi công. Máy này không có bánh lái, nhưng được điều khiển nhờ nghiêng sức nặng về phía này hay phía kia.

May bay S.T.O.L, V.T.O.L, tàu lướt dùng nệm hơi, có lẽ một vài kiểu chưa vượt qua được giới hạn thí nghiệm nhưng sự hiện diện của chúng sẽ khiến người ta tìm ra những lối xử dụng hữu hiệu hơn. Tuy vậy, dù cho đặc biệt thế nào đi nữa trông chúng cũng không lạ bằng chiếc máy bay đầu tiên trên thế giới của hai anh em Wright. ● ★



★ DANH NGÔN

● Người tự biểu lộ cho mình và cho người khác là lúc đứng trước cái chết.

(L'homme ne se révèle à lui-même et aux autres que devant la mort).

CONSTANTIN — WEYER



★ Nguyễn Uy

(tiếp theo PT 161)

NGOÀI hai hạng lính bốn xú ấy mà cấp bậc chỉ đến chức *Quản* (Adjutant) là hết và đặt dưới quyền chỉ huy của một sĩ quan Pháp cũng ở cấp bậc nhỏ, quân đội chính quy Pháp ở Đông Dương gồm có « Bộ-binh thuộc-địa » (Infanterie Coloniale) và « Lê-Dương » (Légion Etrangère). Binh chủng này gồm đa số là người của các thuộc-địa Phi-châu của Pháp, nhiều nhất và có tiếng là dữ nhất là người *Sénégalais*, (quê ở Sénégal), *Marocains* (quê ở Maroc), *Malgaches* (quê ở Madagascar), và Đức, Áo, v. v. . .

Chính-phủ thuộc địa dùng các

đạo quân này để đánh dẹp các phong trào khởi nghĩa quốc-gia, hoặc các cuộc nổi loạn của Cộng sản. Về vũ khí, có thể nói là chẳng có gì đáng kể, hầu hết là các khí giới kiểu cũ đã dùng trong trận Thế-chiến 1914-1918 còn ứ-dọng lại, đem phân phối cho lính thuộc địa ở Đông-dương. Thông dụng nhất là loại súng *Mousquetons*, được gọi là « Súng trường », và súng *Lebel*, một số ít súng liên thanh kiểu cũ. Súng đại-bác, có thể nói là không đáng kể, một vài khẩu 75 đã xưa mà hỏa lực chỉ mạnh hơn chút ít loại súng « thần-công » của các Vua An-Nam thời Tự-Đức. Xe tank

được 5, 7 cái, loại 1918. Tàu bay kiểu *Morane* và *Potez* độ vài chục chiếc, với một động cơ, không bao giờ dám chở các vị thượng cấp, Toàn quyền, Khâm-sứ, Thống-dốc, hoặc «Hoàng-đế» Thượng-thor... Các vị này đi đâu chỉ đi bằng xe lửa mà thôi.

Tuần có đi xem cuộc diễn binh lớn nhất ở Hà-nội, nhân dịp Lễ Quốc-Khánh của Pháp, ngày 14 tháng 7 năm 1939. Lúc này chiến tranh muốn bùng nổ ở Âu-châu, do những hăm dọa thường xuyên của Hitler, và ở Đông-Á Nhật-bồn cũng lăm-le dòm ngó thuộc địa Đông-Dương của Pháp.

Có lẽ vì tình thế khàn trương, nên chính phủ thuộc địa nhân ngày « Quốc khánh » 14-7-39, muốn tổ-chức một cuộc diễn binh vĩ-đại, để phô trương lực-lượng quân-sự của Pháp ở Hà-nội trước mắt người dân bốn-xứ. Cuộc diễn binh đặc biệt này được cử hành long trọng trên *Quai Clémenceau* (đường Bờ Sông) dưới quyền chủ tọa tối cao của Đại-tướng Casroux,

Toàn quyền Đông-dương. Dân chúng xem rất đông, đứng chật cả bờ dề sông Hồng Hà, theo một khoảng dài trên một ki-lô-mét và trên lễ đường Clémenceau và đường Thống-chế Pétain.

Sau các nghi lễ quân sự, cuộc diễn binh bắt đầu lúc 9 giờ. Theo tiếng nhạc hùng tráng của đội quân Lê-dương, các đơn vị binh chủng sắp hàng hai đi đông dặc qua trước khán đài danh dự nhưng quân số rất ít, tổng cộng cả lính Khố xanh, Khố đỏ, Bộ-binh thuộc địa, Lê-Dương, Thiếu-sinh-quân, không quá 2000 người. Đội quân cơ-giới không quá 5 chiếc xe thiết giáp nhỏ, và bốn xe tank (người Bắc gọi là tàu-bò) cũ-kỹ mà hai cái vừa bò lạch đến trước khán-đài thì bị panne, nằm chình-ình giữa đại-lộ. Năm chiếc tàu-bay *Morane* một động-cơ, cánh dài hình chữ Nhật, sắp thành chữ V bay chậm-chậm trên trời xanh, được một vòng rồi biến mất về phía phi-trường Gia-Lâm.

Xem xong cuộc diễn-binh, dân chúng ra về, mỗi người phê-bình

mỗi cách, nhưng tựu trung không ai có cảm-giác hào-hứng lắm. Nói về hậu-quả tâm-lý thì cuộc biểu-diễn của Quân-đội thuộc-địa Pháp ở Hà-nội ngày 14-7-1939 là một thất-bại lớn, trái với dự-tính của nhà cầm-quyền Pháp. Năm giờ chiều Tuần có dịp đi qua đường Bờ Sông, thấy hai chiếc « tàu bò » hỏng máy còn nằm vạ nơi đó, hai người lính Pháp hì-hục sửa mãi chưa xong.

Hai tháng sau, ngày 3-9-1939, Thế-giới Chiến-tranh bùng nổ ở Âu-châu, Hà-nội cũng như tất cả các thành phố Đông-Dương, bị đặt vào tình-trạng báo-động. Dư-luận tổng-quát của dân-chúng là biết trước rằng ở Âu-châu Pháp đánh với Đức thì Pháp chắc sẽ thua và ở Á-Đông nếu Pháp chống lại Nhật, thì thế nào Pháp cũng sẽ bị bẹp. Dân chúng không tin-tưởng nơi lực-lượng quân-sự của Pháp ở thuộc-địa nữa.

Nhưng chúng ta hãy trở lại tình-hình xứ « An-Nam » trong khoảng 1933 — 1934. Với một lực-lượng quân-sự có thể gọi là yếu-ớt và sơ-sài như thế, tại sao

người Pháp nắm vững được thuộc-địa của họ và đàn-áp được tất cả các phong-trào chính-trị, các mưu toan khởi nghĩa của các đảng phái quốc-gia ở Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam-kỳ, và các cuộc nổi loạn Cộng Sản ở một vài địa phương Trung-kỳ và Nam-kỳ ?

Nghiên-cứu về tình-hình riêng ở mỗi « xứ », và tình hình chung của toàn-thể lãnh-thổ Việt-Nam, Tuần nhận thấy rõ-rệt sự kiện sau đây, là thiếu hẳn đoàn-kết giữa các đảng phái quốc-gia hoạt-động cách-mạng.

Tất cả các đảng phái ấy đều tranh đấu cho những mục phiêu chung :

- Độc lập của Tộc-quốc,
- Chủ quyền của Quốc gia.
- Tự-do của Dân tộc.

Tất cả các chương trình hoạt động đảng phái, trừ đảng Cộng Sản, — đều dựa trên ba yếu tố đó làm căn bản. Đó là nhu cầu của thực trạng một dân tộc vong quốc từ cuối thế kỷ trước mà chưa có một vị anh hùng, chí

Dũng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CƠ BÀN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BY.1/DPDC

PHONG-PHÚ
Dũng NEUROTONIC BỔ ỨC
Tăng cường trí não
575 BYT 20-11-69

sĩ nào thực hiện được suốt 50 năm dưới quyền thống trị Pháp. Thay vì một đảng cách mạng duy nhất, tổ chức trên bình diện rộng rãi có sự tham gia hăng hái và trung thành của đại đa số nhân dân ở khắp các tầng lớp xã hội, thay vì một lực lượng tranh đấu đoàn kết được các phần tử ái quốc của ba kỳ, các đảng phái thành lập dưới hình thức «Hội kín» lại thích hoạt động riêng rẽ với một số nội viên hiểm hoi, tuyên mộ trong vòng bạn hữu thân thuộc chứ không lan rộng được ra ngoài.

Một vài «lãnh tụ» làm cách mạng theo lối tài tử nhiều hơn là chiến sĩ chân chính, nói rất hùng hồn nhưng hành động không có phương pháp thực tế.

Bây nhất là họ có quá nhiều tự ái, có tính - cách anh - hùng cá nhân, không chịu chấp nhận những lời phê bình đúng đắn của các đồng chí hội viên. Do đó mà «đảng» nào cũng chỉ sống được một thời gian ngắn, dần dần bị các hội viên bỏ rơi, chỉ còn lại một anh «lãnh tụ» hoạt động trong phạm vi lý thuyết suông mà thôi. Sự kết hợp

long trọng của một vài đảng cũng chỉ có trong lý thuyết, vì thực tế rất là trống-trải nghèo nàn.

Tuần có đưa một vài anh bạn xem quyển *Le Réveil de l'Aste* của René Grousset, xuất bản ở Paris năm 1925. Bạn xem xong, trả sách, Tuần bảo :

— Nếu Việt-nam ta có một đảng cách mạng duy nhất, như đảng *Swaraj* (Parti du Congrès) của Ấn Độ, và một lãnh tụ duy nhất có đầy đủ uy-tín đối với Quốc-nội và Quốc-ngoại, như Mahatma **Gandhi**, hoặc đảng *Warfd* của Ai Cập, hoặc đảng *Jeunes Turcs* của Thổ Nhĩ Kỳ dưới quyền lãnh đạo cương quyết và sáng suốt của **Mustapha Kemal**, thì người Pháp phải kiêng nể chúng ta.

Nếu các «Hội kín» của chúng ta hợp nhất lại thành một đảng duy nhất mà tầm hoạt động được lan rộng khắp 3 kỳ, đặt dưới quyền lãnh đạo của một Phan Bội Châu, hay một Nguyễn Thế

Truyền (1), thì cách mạng VN mới có thể tranh đấu công khai, và đi đến thành công được.

Nhưng đám bạn trẻ của Tuần và Tuần nhận thấy tự tưởng đại đoàn kết dân tộc, và hợp nhất đảng phái quốc gia không thể nào thực hiện được, vì óc «lãnh tụ», «anh hùng cá nhân», đầy lòng tự ái của mấy người đàn anh làm «cách mạng tài tử» là một trở ngại lớn lao không thể nào phá được. Đó là một định mệnh tai hại cho ý chí quật cường của dân tộc ta.

Phải đợi đến 1945, nhờ hoàn cảnh thuận tiện cả trên lãnh vực quốc gia lẫn quốc tế, Việt Minh (VN Độc Lập Đồng Minh) lên nắm chánh quyền mới thực hiện được cuộc tranh đấu toàn diện, trên toàn lãnh thổ quốc gia. Nhưng ngay trong hệ thống tổ chức của Việt Minh, các đảng phái quốc gia cũng vẫn không hợp nhất nhau lại thành khối, không đoàn kết lại thành lực lượng, để cho Cộng-sản lợi dụng và tiêu diệt dần dần các hình thức cách-mạng dân tộc, và các lãnh tụ quốc

gia phải trốn hết qua Tàu.

Vài ba năm sau họ trở về qui thuận dưới bóng cờ Bảo-Đại.

Nhưng đó lại là chuyện khác.

Trở lại tình trạng chính-trị của nước An-Nam trong những năm 1933—34-35. Như chúng ta đã biết, lực lượng quân sự của chính-phủ thuộc địa Pháp lúc bấy giờ ở đây, rất sơ sài, yếu ớt, không đáng kể. Nhưng sở dĩ người Pháp vẫn nắm vững được tình hình, chính vì lực lượng chính-trị và quân sự của nhân-dân Việt-Nam là con số không. Ngay như V. N. Q. D. Đ. sau khi Nguyễn-Thái-Học đã dền nợ nước, cũng chẳng còn gì. 1945-46, một vài kẻ lợi dụng cái xác chết thiêng liêng ấy để mưu đồ sự nghiệp cá nhân. Nhưng từ 1932 đến 1939-40, những kẻ đó có ngó ngàn gì đến cái xác chết của anh hùng lịch sử đó đâu ?
(còn nữa)

(1) Cụ Nguyễn thế Truyền, năm 1933-34-35 còn nhiều uy tín đối với Quốc-dân, và được người Pháp kiêng nể, chứ không phải như Cụ Nguyễn thế Truyền từ năm 1946 đến nay.

Dùng midol

1360/BY.1/DRDL

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Dùng midol

1360/BY.1/DRDL

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY



rời người con trai biết làm thơ

★ ĐÀO THANH KHIẾT
(Philippines)

Khi gió mùa đông không lạnh nhiều
Trắng mùa thu chẳng đẹp bao nhiêu
Khi mùa xuân đến hoa không nụ
Khi người con trai chưa biết yêu

Rồi như trăng gió chuyện tình cờ
Rồi bóng đêm về uơm giấc mơ
Rồi nỗi buồn lớn dần trong mộng
Rồi người con trai biết làm thơ

Và máu đang đầy nóng trái tim
Và sau những phút ngời im lìm
Người trai bóp quả cam tan nát
Và bóng ngày qua đã lặng chìm

Từ đó bầu trời rộng thênh thang
Người trai lựa chọn một con đường
Mỏi hay gai mọc nhiều vô số
Vô đất mỡ hôi đồ mấy hàng!

hoàng hôn

★ LÂM MỘNG OANH



Hoàng hôn

Hoàng hôn ơi!

Mây hoàng hôn chơi vơi

Khói hoàng hôn dịu dặt

Lá hoàng hôn rơi rơi

Hoàng hôn

Hoàng hôn ơi!

Tha thiết không gian màu tím

Phố phường chứa đựng hoàng hôn

Xa xôi hướng cũ — người không nói

Mắt biếc tâm tư lắng đọng rồi

Hoàng hôn

Hoàng hôn ơi!

Bơ ngổ đường mây viễn xứ

Hẹn hò ngưng đọng tim cô

Có ai về qua hướng cũ

Mà nghe lá rụng rơi rời

Riêng đón nơi này tâm sự

Buồn thu hoa bướm tả tơi

Hoàng hôn

Hoàng hôn ơi!

Mây khói hoàng hôn vờ vơi

Là mờ chôn lấy hồn tôi

MỘT QUỐC GIA CÓ
NHIỀU VỤ ĐÀO CHÁNH
NHẤT TRÊN THẾ GIỚI

CAI TRỊ

thề
mã
dề

★ TRỊNH VĂN TIẾN

NGUỜI ta thường bảo Dominique và Haiti là «thủ phủ» của biên loạn. Là nói riêng về phía bị trị. Căn cứ vào căn bệnh chung ở những xã hội chậm tiến.

Nhưng về phía cai trị còn có nguyên do khác hơn, cho rằng thông thường cũng được cho rằng cá biệt cũng được. Như chính sách Haiti, trong trường hợp ổn định nhất, vẫn cần đến sắt và máu.

Những tiếng đập cửa ban đêm

Đang đêm, chợt có ai gõ cửa. Bà mẹ, chắc tưởng con trở về, ra đón. Đám đông ủa vào, mười, hai mươi, ba mươi người, roi da, súng lục. Họ lạnh lùng bắn giết, bắn giết một cách thành thạo, qui củ. Cả đôi vợ chồng già, các gia nhân đều gục chết.

Khi họ quay bước, một thằng bé, mới được mười tám

CAI TRỊ

tháng, còn sống sót, chợt thức trong nôi, cất tiếng khóc. Họ trở vào giết nốt. Lần này, muốn cho chắc ý, họ đốt căn nhà để không còn ai được thoát nạn.

Đây chỉ là một «sen» trong cuộc sống hàng ngày ở Haiti. Những «ông kẹ», biệt lực cảnh sát của Tổng thống vừa triệt hạ trọn một gia đình, gia đình của viên Trung úy bị tình nghi, đã đi trốn ở một tòa Đại sứ.

Tổng thống, bác sĩ Francois Duvalier đã tuyên bố : Tôi là quốc kỳ, là toàn quyền ở đây.

Hơn thế nữa, Tổng thống còn được xưng tụng như một đấng cứu thế ! Có điều, người ta thấy Tổng thống vẫn khác mọi đấng cứu thế ở chỗ đi đâu cũng phải đeo súng lục và bên cạnh, một chàng thiện xạ, ngón tay luôn luôn đặt sẵn trên lẫy cò, cũng như chung quanh xe Tổng thống có cả một hàng rào súng tiểu liên.

Thậm chí, ở tư dinh của Tổng thống lúc nào cũng được phòng bị bằng chiến xa và 500 binh sĩ, với số đạn được nhiều bằng khối lượng đạn được quốc phòng.

Chẳng một thích khách nào có thể đến gần Tổng Thống, vì hỗn bễ chỗ làm việc của Tổng thống, các cửa sổ đều đóng kín.

Ông thầy thuốc dễ thương

Người ta bảo Haiti là một cái gì vừa đáng sợ vừa tức cười. Đúng.

F. Duvalier chấp chánh từ năm 1957, xuất thân là một ông thầy thuốc xuềnh xoàng, hành nghề ở các vùng quê. Cặp kính trắng gọng đổi mới, cái nơ, giọng nói nhỏ nhẹ đến thành lí nhí. Đây là vang bóng F. Duvalier thuở hàn vi, hiền như cái biệt hiệu «Bồ doc-tờ» mà đám dân quê đã tặng ông.

Bây giờ thì khác hẳn. «Bồ doc-tờ» ăn tiêu hơn cả Mỹ, cũng gửi tiền ở ngân hàng Thụy Sĩ để phòng khi phải đào vong, và tung tiền để kết nạp bọn đầu trộm đuôi cướp, hợp thành đạo quân «ngự lâm» đông hàng vạn người.

Bồ còn ngồng đến mức cho lập hẳn một khu phố để đặt tên mình gọi là đường Duvalier. Bồ tiêu của

ngân sách quốc gia từng khoản 60.000 mỹ kim, mà chẳng cần hỏi ý kiến một ai. Trong hồ sơ hồng kê vẫn ghi hàng 100.000 Mỹ-kim để «bỏ» trả lương cho 80 viên chức, nhưng có đến một nửa trong số người ấy chẳng đi làm bao giờ.

140 vụ đảo chính

Hồi xưa, ngày Kha-luân-Bô mời đến đây, ông đã gặp «những thổ dân đáng yêu, hiền lành, nói năng từ tốn, lời lẽ bao giờ cũng kèm theo nụ cười». Hết rồi.

Năm mươi năm sau đó những người Y-pha-Nho đã tải bọn nô lệ da đen, từ Châu Phi sang rồi thực dân Pháp chiếm lĩnh phía Tây. Nửa hòn đảo nói tiếng Pháp (Haiti); nửa hòn đảo nói tiếng Y-pha-Nho (Do minique), một hòn đảo hai quốc gia.

Riêng xứ sở của «Bồ độc tở» thì có đến 90% dân da đen chỉ còn 9% dân da hung (đen lai trắng), và 1% dân da trắng.

Ảnh hưởng ngoại lai đã lay động Haiti tận gốc, chẳng mấy khi được yên ổn. Kể từ cuộc

nội dậy của Toussaint Louverture (1791, lần đầu) đến chế độ F. Duvalier, người ta đã đem được 140 vụ đảo chính. Những triều đại phù du đó đều giống nhau một cách thức cai trị: đao to búa lớn. Cả thế giới không đâu có nhiều vua chúa trong một thời gian, không gian nhỏ hẹp, ngăn ngúi như vậy.

Một người bản xứ đã nói, đại ý: ở Haiti chỉ có hai sự chọn lựa, nếu không nhịn đói được thì chỉ còn cách để người ta giết chết (khổ nhục mà không được ta thần).

90% dân số mù chữ. Lợi tức cá nhân chưa tới 60 mỹ kim. Lại còn cái nạn «ông kẹ» nữa.

Mỗi bước là một cái chết

Có lần, trên một chuyến xe buýt, một hành khách vô ý dẫm phải chân một «ông kẹ». Chỉ có thể thôi, «ông kẹ» đã rút súng nã hai viên vào đầu người kia.

«Ông Kẹ» ở Haiti, dù mặc thường phục, cũng rất dễ phân biệt, vì cái đại lưng giắt đầy

súng lục chứ không phải chỉ có một khẩu như thường thầy.

Một sinh viên bị bắt chame đã «chạy» được với một kẻ thân tín của Tổng thống bảo đảm cho. «Bồ độc tở» trả lời: Sao không nói trước, đã bắn nó sáng nay rồi,

Ngày nào Cảnh sát cũng báo cáo với Tổng thống những kẻ khả nghi, để Tổng thống quyết định, chỉ có ba trường hợp: theo rồi, bắt hoặc giết. Không bao giờ được buông tha.

«Bồ độc tở» cũng biết tương

kê tựu kê nữa, bằng cách lợi dụng óc mê tín của đám dân man mọi để cai trị. Chẳng hạn như đêm đêm «bỏ» cho quật mổ thân nhân của kẻ nào bị tình nghi, đem vứt hài cốt trước cửa để chứng tỏ «bỏ» còn có «âm binh» phù trợ nữa. Bồ khuyến khích bọn Ma giáo (Vaudou) của bọn mọi đen, thứ người hễ đau ốm thì chỉ tìm đến thầy phù thủy.

Nhưng vào những dịp hội hè, đình đám, người dân ở Haiti vẫn hát «Bồ độc tở hằng cửu».



★ TÌM NGHĨA TỬ

Trong một tờ nhật báo, ở mục «Tìm bạn bốn phương», có đăng mấy dòng như sau: «Cần tìm cho một thiếu nữ 18 tuổi trẻ đẹp, có học thức, biết rành ngoại ngữ, rất tân tiến — một nghĩa tế con nhà lễ giáo, giàu có, đủ sức cung cấp những nhu cầu của vợ tương lai như: nhà lầu, xe hơi, hộp xoàn. Ký tên: Một người cha thất vọng. Hộp thư 41».

Dũng midol

1360/BYT/D.B.C.

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

VỀ MỘT QUÁ VẮNG

Khoa thân,

Tôi viết cho anh vào một sớm tinh mơ khi Đô-thành chưa tỉnh dậy, chỉ có tiếng động cơ nổ rền xa vắng vọng về, tiếng động cơ của những thanh niên chuẩn bị những chuyến bay mới.

Chiều qua trời Saigon có mùa Thu xứ Bắc với cái heo hút lạnh, với lớp mưa dây không làm ướt nổi vai áo mà chỉ kết thành dải hoa trên những mái tóc tơ. Tôi đưa anh về Hà Nội vì chúng ta mất Hà Nội hơn 10 năm nay. Tôi kéo anh về Hà Nội vì chúng ta khao khát Hà-Nội, luyến tiếc những ngày ấu thơ không bao giờ còn nữa.

May mắn hay chưa xót hơn tôi khi anh được tìm về miền đất quê hương qua những phi vụ oanh tạc miền Bắc. Trong những giây phút nhìn thấy quê hương dưới cánh, tôi chắc hẳn đã có một giây phút anh chợt sống lại một cách mãnh liệt với Hàng Chuối của anh, với khu phố chôn nhau cắt rốn, với những ngày thần tiên của tuổi trẻ, với tình bạn tha thiết của chúng ta.

Thời thế đã mang tôi rời khỏi Hà-Nội trước khi người ta toan tính cùng nhau phân chia đất nước này. Tôi không bao giờ quên tia mắt của anh trong chuyến tiễn đưa ở hàng lang hành không, tia nhìn đó chứa đựng biết bao tiếc nhớ.

Thời cuộc cũng đã đưa anh vào Nam sau khi anh thật sự nhìn thấy công việc làm của những con người cộng sản mà anh đã thương mến khi nhìn họ qua vỏ kháng chiến mời chào, hấp dẫn. Anh sớm biết và đã ra đi ngay khi gia đình còn ở lại miền Bắc.

Anh và tôi, chúng ta vào miền Nam với hai bàn tay trắng, với một khối óc và hai bàn tay nhỏ bé. Chúng ta gây sự nghiệp, xây dựng tương lai trong hoàn cảnh thiếu thốn cùng cực.

Một căn nhà mái lá cheo leo đặt trên khu sinh lầy Đoàn thị Điểm, nơi đó chúng ta đã viết kịch cùng nhau trong rạp, tiếng máy chữ, tiếng Tây Ban Cầm xao xuyến trong đêm. Nơi đó chúng ta lại được sống chuỗi ngày thần tiên của những kẻ tha hương quyết tạo lập một đời sống mới.

Theo nghiệp dĩ tôi mãi miết với nghiệp văn bút và cũng theo nghiệp dĩ anh lên đường đi Marakech. Tôi biết anh đã cố gắng tận cùng trước khi lên đường.

Anh đã vận dụng tất cả trí lực để vươn tới tương lai. Quá vắng của anh là quá vắng của một thanh niên nhất thiết nổi loạn với thân phận mình, kinh nghiệm của anh là kinh nghiệm của một thanh niên thêm khát đến tận cùng nếp sống tự do, tự lập và vận dụng toàn hơi sức để tìm tới nếp sống đó.

Guồng sống dày chúng ta xa nhau, trong khi anh nhào lộn trên không gian Marakech, tôi vẫn tiếp tục đời sống một loài bướm lạ nhện nhơ giữa đời sống, mang hơi sức của con tim, dừng lại phút

PHONG GIỚI PHU

Dùng

NEUROTONIC

* TS 2VT 23-11-63

Bổ óc
Tăng cường trí não

giây khai phá hương hoa trong một giò sống thiếu hương hoa. Tôi đi tìm lẽ sống, tìm tự do bằng ngòi bút gây lên những đồ vỡ của bất công, kêu lên những ần ức của đời sống và làm bay bổng lên những hy vọng, tin yêu của tuổi trẻ.

Hôm nay cũng như tôi, người thiếu niên của Vườn chuối Hà-Nội ngày nào đã thực sự cai quản không phận Saigon và đóng góp phần lớn trong nhiệm vụ bảo vệ an ninh của bầu trời miền Nam.

Hôm nay tôi vẫn chỉ là người cầm bút tiếp tục nghiệp dĩ loài bướm lạ tìm hút những bất công, mang hoài vọng dệt cuộc đời huy hoàng như cánh bướm.

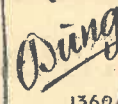
Chủ quan mà nói, chúng ta đã phần nào thỏa chí bình sinh nhưng cũng thực tế mà nói, chúng ta đã xa nhau trên phần hồn, xa nhau trên đời sống, chúng ta đã biến thành những con đường song song, tuy rất gần nhưng khó mong ngày bắt gặp.

Đêm nay tôi tìm thấy anh trong mộng mị, tìm thấy quá vắng của chúng ta, quá vắng hồn hậu thơ ngây, quá vắng dệt bằng pha lê trong sáng. Tôi nhớ đến không thể ngủ được và khi không còn mộng nữa, thực tế trở về tôi lại nhìn thấy con đường song song của chúng ta đề hồi tiếc vô ngần.

Tôi chắc với tâm hồn anh, với tâm tư anh, anh sẽ nhận thấy sự cần thiết không có không được của người cầm bút trong đời sống này. Chúng tôi có thể làm vương, làm phiền các anh không ít nhưng chúng tôi đã đóng góp phần lớn tâm can đề cùng các anh đi dần về Hà nội. Chúng tôi không cảm sung nhưng hẳn rằng ngòi bút có thể phá vỡ và xây dựng guồng sống này hữu hiệu.

Tại sao chúng ta xa cách nhau? Tại sao chúng ta nhìn nhau bằng mắt nhìn khe khắt, hồ nghi và tự vệ?

Tôi không bao giờ quên hình ảnh của anh ngồi ruỗi dài trên



midol

1360/BY.T./D.P.D.C.

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

giường rửa mắt sau mỗi phi vụ xâm nhập miền Bắc. Tôi không bao giờ quên những nếp nhăn đáng lý chưa hiện rõ trên khuôn mặt tài tử ấy, những vết răn ảnh hưởng của độ cao, của những giây phút căng thẳng thần kinh, những vết răn tai hại của người phi công qua nhiều giờ bay.

Anh và các anh từng sống, từng sống chết, cười hả hê trước mũi súng quân thù. Chúng tôi âm thầm sống và âm thầm chết trong một trận chiến trừu tượng không tên đạn, không nhìn thấy đối thủ.

Trong buổi sáng tinh mơ hôm nay tôi nghĩ rằng nhất định chúng ta sẽ có ngày được tìm lại tuổi ấu thơ tại Vườn Chuối Hà nội; tìm lại giò sống chưa hề có hiểm thù, hoài nghi, tìm về với Bạch Mai, Cỏ Ngưu, Núi Nùng, Yên Phụ, những vết chân ngàn đời truyền lại cho nhau.

Hôm nay rất có thể anh đang phóng tầm mắt trên phi đạo để cắt cánh lao mình vào lửa đạn, tôi muốn gửi cho anh trọn vẹn tuổi ấu thơ của Hà-nội.



● DANH NGÔN

Đối với những tinh thần thật cứng cỏi, tự nhận lỗi một tội xấu là muốn sửa đổi lấy mình; đối với những tinh thần bạc nhược nhận lỗi chỉ để tạ tội.

(Pour les âmes vraiment fortes, s'avouer un défaut, c'est entreprendre de s'en corriger, pour les faibles, c'est s'en excuser).

PHƯƠNG NGÔN

PHONG-ĐHU



NEUROTONIC

BỔ Ơ
Tăng cường trí não

675 BYT 20-11-65

PHỒ-THÔNG — 162



★ NHẤT TUẦN

CHUNG THỦY

BẦY giờ trời đã vào thu. Mãi đến hôm nay Dung mới chợt nhận ra những lá cây trong vườn bên cửa sổ phòng ngủ của nàng đã đổi màu. Buổi sáng dậy sớm, viết thư cho

Hòa xong, tình cờ bước lại gần cửa sổ, Dung mới thấy sự thay đổi của cảnh vật và bất giác nàng lại buông khuông nhớ tới Hòa.

Giờ này, Dung biết chắc là Hòa đang ở chiến khu D. Có thể trên một ngọn đồi, trong một thung lũng hay cùng đơn vị đóng quân ở một góc rừng già nào đó. Nàng không thể hình dung hay tưởng tượng nổi khung cảnh đóng quân của Hòa. Những lần trước, trong những chiến dịch lâu ngày, thư của Hòa gửi về cho nàng đều đều nhưng ít khi Hòa nói đến địa điểm đang hành quân hay nỗi gian nguy mà chàng phải trải qua.

Phần nhiều, trong những lá thư viết từ khu-chiến gửi về đó, Hòa thường kể cho nàng nghe cảnh trăng rừng, những buổi bình minh hồng, những hoàng hôn biếc... hay những giòng thư kể lại giây phút nao nức của Hòa khi sắp được tham dự một trận truy kích hào hứng sôi nổi.

Nhưng lần này Hòa đi mới ba ngày, chắc thư chưa kịp gửi đến, dù ngay trong ngày đầu của cuộc hành quân Hòa có thể viết.

Cảnh khu vườn nhỏ trong buổi sáng đầu thu này bỗng huyền ảo và có lẽ Dung sẽ đứng bên cửa sổ ngắm từng lá cây, từng giọt sương long lánh ánh sáng nếu không sự nhớ ra hôm nay nàng

tặng người yêu của Nguyễn Anh Vũ
khóa 18 Đà-Lạt —

phải đi làm đầu sớm để chiều đến còn tới nhà Lê phủ đầu.

Dung sửa soạn xong thì Lê và Hà cũng vừa đến. Tiếng Hà ríu rít ngay từ ngoài cửa :

— Phù Dung tiên nữ ơi... đi Mỹ Lạc Cung chứ. Dung chạy ra đón bạn :

— Đi thì đi. Người ta cũng đang chờ « bô » đây !

Và Dung quay sang Lê :

— Mùa thu đúng là « mùa cười ». Trời sáng nay đẹp ghê. Lúc ngủ dậy Dung cứ đứng bên cửa sổ nhìn vô vắn mãi.

Hà và Lê cùng cười :

— Bộ muốn trở thành thi sĩ hả ?

Lê dục bạn :

— Thôi mình đi kéo muộn. Dung bây giờ chắc đang mơ theo bước chân của... người đội mũ đỏ chứ... nghĩ vơ vẩn gì. Đi giúp mình, rồi vài tháng nữa Hà sẽ lại giúp Dung.

Lê nói chưa dứt lời thì từ ngoài cửa một quân nhân nhảy dù tiến vào. Anh ta khề nghiêng đầu chào ba người :

— Tôi là Hạ sĩ Phê. Tôi

xin gặp cô Phù Dung.

Dung tiến lên :

— Tôi là Dung. Có chuyện gì thể thưa ông...

Rồi Dung chỉ chiếc ghế :

— Mời ông ngồi chơi. Đây là chị Lê và chị Hà bạn của tôi.

Hạ sĩ Phê ngồi xuống ghế và anh ta bóp chiếc mũ đỏ đến nhàu nát trong tay nhìn Dung. Một lát anh ta cố gắng nói bằng một giọng ngà ngừng :

— Tôi ở trung đội của Thiếu Úy Hòa.

Dung ngạc nhiên. Nàng không để ý đến những nụ cười mỉm tinh quái chế riếu của Lê và Hà, vội sốt sắng hỏi Hạ sĩ Phê :

— Thế ra ông ở cùng với Hòa. Chắc ông vừa từ chiến khu D về.

Phê gật đầu, yên lặng. Một lát, Phê nói :

— Đại Úy Đại đội Trưởng sai tôi tới báo tin cho cô hay Thiếu Úy Hòa đã tử trận ngày hôm kia ở chiến khu D trong trận đụng độ đầu tiên của Tiểu đoàn với Đơn vị địch.

Dung midol tri các chứng đau nhức
ba cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1350/BX.1/DRDC

CHUNG THUY

Dung nghe tin đầu óc như quay cuồng và mắt nàng sầm tối hẳn lại. Dung lão đảo ngời xuống ghế khi các bạn đỡ nàng và đứng quây quần chung quanh an ủi.

Nhìn những giòng nước mắt chảy đầm đìa trên khuôn mặt người nữ sinh, Hạ sĩ Phê cúi đầu khẽ dẫu một tiếng thở dài. Trước khi quay gót, Phê nói thêm:

— Đám táng Thiếu Úy sẽ cử hành hồi 11 giờ sáng nay. Tôi thành thực chia buồn và xin kiếu từ. Chúng tôi chia sẻ nỗi buồn với cô vì chính Thiếu Úy Hòa là Trung đội Trưởng của tôi.

Phê ra rồi. Lệ nhìn Hà bối rối. Thật là sui sẻo cho Dung và cũng xui cho Lệ. Chiều nay đám cưới Lệ với Thành. Nàng đã chọn Hà và Dung để nhờ hai người làm phù dâu. Bây giờ cơ sự xảy ra như thế này Lệ biết kiếm ai thay Dung được. Giá hay trước một hai ngày nàng có đề nhờ người khác đi thế.

Nhưng... hôm nay quần áo đã may xong, cả ba người đang định đi sớm tối thì chuyện buồn của Dung xảy đến. Hà thấy Lệ nhìn, hiểu

ý, nhưng chính nàng cũng đang bối rối không kém Lệ. Nàng hiểu được sự lo lắng của bạn và cũng chia sẻ nỗi buồn với Dung. Cả hai lặng lẽ nhìn nhau. Nhưng rồi Dung đã lên tiếng:

— Hà với Lệ về trước đi. Dung sẽ đến tiệm uốn tóc sau và thế nào chiều nay Dung cũng tới đúng giờ như đã định.

Hà suốt kêu lên vì ngạc nhiên. Còn Lệ thì mừng rỡ nắm lấy tay Dung, giọng nàng cảm động:

— Cảm ơn Dung lắm, nhưng

nếu...

Dung ngắt lời:

— Lệ đi làm đầu lệ lên. Dung sẽ đến... thế nào Dung cũng đến mà.

Buổi sáng, khi Lệ và Hà trở về, Dung đến nghĩa trang quân đội dự lễ an táng Hòa, rồi nàng bỏ ăn trưa, tới hiệu quen làm đầu đề vừa kịp tới nhà Lệ đúng lúc họ đang mong nàng.

Ngồi giữa tiệc cưới, âm ỉ tiếng nói cười mà tâm hồn Dung

CHUNG THUY

nghe xa vắng như người ngàn ngo ngoe ngẩn thế nào. Bàn cô dâu sực nức hương hoa, ánh đèn như lung linh huyền ảo.

Tiếng nhạc vang âm những lời ca thánh thốt như từ làm lòng Dung như quặn đau. Dung nhớ tới Hòa. Bây giờ Hòa của nàng đang nằm sâu giữa lòng đất lạnh. Thật chỉ một sớm một chiều con người trẻ trung yêu đời như thế... giờ đã xa nàng vĩnh viễn..

Bỗng Dung giật mình. Hà đã nhẹ chân vào giày nàng và bảo bạn:

— Họ đang nói Dung đó.

Dung thần thờ hỏi:

— Ai thế? Họ nói gì thế.

Lệ ghé sát vào tai Dung thì thầm:

— Mấy ông phù rể của... tân lang xem ra có vẻ dễ ý chị dữ. Nhất là anh chàng Toàn, Sinh viên Y khoa ngồi sát lạ hoa đó.

Nhưng Lệ nói thế, Dung cũng chẳng nhìn xem Toàn là ai. Nàng cầm vài hạt dưa đỏ trong đĩa đưa lên miệng nhấm. Tiếng nói từ góc bàn vắng thoáng lại:

— Tao chịu cái nét mặt buồn như thế!

— Ủ... kìa cũng lạ. Tao đi phù rể nhiều bận, ăn cưới cũng nhiều đám mà chưa hề thấy em phù dâu nào lại... có bộ mặt dưng dưng như em này.

Giọng một anh chàng phù rể nghịch ngợm vô ý thức khác vang lên, tuy rất nhỏ nhưng cũng khiến mọi người nghe rõ:

— Phải hỏi chú rể xem có phải «chàng» là nguyên do của sự buồn thảm này không?

Thành — chồng Lệ — vội đưa mắt ra hiệu để ngăn những tiếng cười quá lớn của mấy người bạn trời đánh. Chàng quay sang bảo Ngoạn, người ít nói nhất:

— Giá cứ phù rể như mày dở thật. Mấy thằng kia, «nặc nô» quá làm mấy cô phù dâu họ giận đấy.

Ngoạn mỉm cười:

— Xưa nay phù rể có tha trên phù dâu bao giờ đâu. Nhưng tao thấy cô nàng đó... đi phù dâu mà cứ như bị ai thu mất hồn. Bọn nó ngạc nhiên cũng phải lắm.

Thành nhìn sang phía Dung rồi bảo Ngoạn:

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

— Moa tiết lộ cho toa biết, cô đó là Dung bạn thân của vợ moa. Sáng nay nàng được tin «người yêu» tử trận và vừa đưa đám xong nàng vội đến đề phở dâu cho Lệ ngay. Toa xem có tốt không?

Ngoạn ngạc nhiên :

— Thật không ngờ ! Thảo nào trông nét mặt cô ta buồn bã quá đến như vậy. Moa phở rề... «dự bị» hôm nay cũng có duyên kỳ ngộ. Nghe toa nói bỗng dưng moa có cảm tình với cô Dung đó.

— Có cảm tình là phải, nhưng moa khuyên toa nên dừng lại ở đó.

— Tại sao ?

— Bởi vì nếu tiến xa hơn, ắt toa sẽ chạm phải một tảng băng sơn. Dung chơi với vợ moa đã lâu, moa biết tính nết rõ lắm. Đó là một người chung thủy, yêu trong tuyệt đối và chỉ biết có một người...

Ngoạn cười hoài nghi :

— Dù là người đó là một người đã chết ?

Thành gật đầu :

— Có lẽ...

Càng nghe Thành nói Ngoạn càng ngạc nhiên. Chàng nhìn về phía Dung. Mặt nàng vương buồn

đôi mắt trĩu nặng như chỉ muốn trào lệ. Giữa đám tiệc vui mọi người cười nói nô nức, Dung yên lặng như một pho tượng bất động. Ngoạn vẫn không tin lời Thành là đúng, chính vì thế từ sau bữa tiệc cưới của Thành và Lệ, Ngoạn đã theo đuổi Dung. Qua sự giới thiệu của vợ chồng Thành, Ngoạn làm quen được với Dung nhưng... như lời Thành đã báo trước, dù Ngoạn tìm đủ mọi cách, cảm tình của Dung dành cho Ngoạn vẫn chẳng hơn được bao nhiêu.

Sau khi Hòa chết, Dung nghỉ học và xin đi làm tại một sở Mỹ. Ngay từ những năm đầu ở Trung Học, cha mẹ nàng đã cho nàng học thêm về ngoại ngữ ; do đó số lượng của Dung mỗi tháng kiếm được cũng khá cao. Như một cái máy, ngày hai buổi đi làm, còn giờ rảnh Dung ở lì trong nhà chẳng đi tới đâu. Tối chiều thứ bảy mỗi tuần, Dung mua hoa đến thăm mộ Hòa. Rõ ràng tâm thán qua không tuần nào Dung không tới cắm hoa trên mộ người yêu.

Ngoạn đã phí bao nhiêu thì giờ mà vẫn uống công. Sau cùng, chàng

gửi cho Dung một lá thư ngắn, nhờ vợ Thành chuyển hộ, đại ý nếu Dung đồng ý, Ngoạn sẽ hỏi cưới nàng. Thư gửi đi rồi, Ngoạn yên trí thế nào Dung cũng bằng lòng. Tuy có vẻ chủ quan, nhưng chính ý nghĩ này đã bộc lộ rõ rệt tình yêu của chàng với Dung. Từ sự tò mò, từ một thoáng chú ý về nét mặt buồn của một cô phở dâu đến cảm mến và tình của Ngoạn ngày càng sâu đậm đến nỗi yêu Dung thật sự.

Ba ngày sau, Thành đưa cho Ngoạn lá thư Dung trả lời. Ngoạn xé bao thư ra đọc :

« Anh Ngoạn,

Dung thành thật cảm tạ anh đã có lòng nghĩ đến. Không phải Dung là gỗ đá mà không biết rõ tình anh. Những cử chỉ ưu ái, những cảm tình nồng hậu anh đã đặc biệt dành cho Dung gần một năm qua đã làm Dung xúc động. Nhưng xin anh hiểu cho, Dung chỉ yêu được một lần và chỉ một người.

Dù bây giờ Hòa đã chết, nhưng tình yêu của Dung vẫn còn. Dung lại tin rằng, ngay cả tình yêu của Hòa cũng vẫn còn.

Truyện khó tin, có vẻ là ảo mộng nhưng Dung đã sống trong ảo mộng đó một cách sung sướng. Hòa chết giữa lòng chiến khu D, nhưng không phải sự chết của chàng đã làm cho Dung và Hòa xa cách. Dung có cảm tưởng vẫn sống bên cạnh Hòa, nhất là trong những buổi chiều thứ bảy vắng lặng đầy mưa gió nơi nghĩa trang. Những lần đó, ngồi bên mộ Hòa, Dung không cảm thấy cô đơn một chút nào.

Dung chỉ còn chờ đến khi được năm xuống bên cạnh Hòa. Dung không mơ ước gì khác. Xin cảm ơn anh và một lần nữa mong anh đừng hy vọng, đừng viết thư cho Dung. Dung đã có chồng rồi.

Kính thư.

Phở Dung »

Đọc thư Dung xong, Ngoạn thở dài. Chàng nhìn vắn vơ lên những đám mây bay chậm trên nền trời mùa thu lâm bầm :

— Không thể tin được, nhưng lại là chuyện có thật. Không biết mình nên vui hay buồn đây. Liệu mình còn nên tiếp tục theo đuổi Dung hay để cho nàng sống yên lặng trong ảo tưởng hạnh phúc đó ?



Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BX.T/DPDC.

Dùng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BX.T/DPDC.

SIR **Bazil**



ZAHAROFF
• 1849-1936

TỪ MỘT ĐỨA BÉ MA-CÔ 10 TUỔI, NGHÈO
MẠT HẠNG; TRỞ NÊN MỘT NGƯỜI GIÀU
NHẤT THẾ-GIỚI, BẠN VỚI CÁC VUA CHÚA
VÀ CÁC VỊ QUỐC-TRƯỞNG, LẤY EM GÁI
VUA ESPAGNE — BẮC ĐẦU BỘI-TINH PHÁP.
HUÂN - TƯỚNG ANH, CỔ - VẤN VUA HY - LẠP . . .

* TÂN PHONG

Thế giới Đại Chiến 1914 — 1918, Zaharoff bán khí giới, lời một trăm triệu francs-or (phật lang kim), giúp các nước Đồng Minh năm chục triệu.

Tháng 8-1914, Thế giới Đại chiến nổ bùng như một trái chín mùi trên cây phải rụng khi giờ định mệnh đề diêm. Lúc bấy giờ công ty Vickers sản-xuất khí-giới của Basil Zaharoff đã có chi nhánh ở Ý, Canada, Espagne, Nhật Bản, Autriche, Pháp, Đức, Nga. Nhờ địa vị đặc biệt ấy, Basil Zaharoff được giao thiệp rộng-rãi với tất cả các chính-phủ, các Quốc-hội, các Tổng-hành-Dinh ở khắp năm châu.

Khi chiến tranh bùng nổ, Basil Zaharoff làm bài toán giản-dị sau đây :

Nước Pháp động viên 4 triệu binh sĩ thì ta bán được 4 triệu khẩu súng, 4000 liên thanh, 7000 cỡ đại bác. Chính-phủ Đức đặt mua : 6 triệu khẩu súng, 6000 khẩu liên-thanh, 10.000 cỡ đại-bác. Nước Anh, Nga, Áo, sẽ động-viên hàng triệu thanh-niên, Zaharoff sẽ bán hàng triệu khẩu súng. Hãng Vickers phải sản-xuất gấp trăm lần hồi bình thường.

Đó là không-kẻ đạn và trái phá.

Ngoài ra, công-ty Vickers còn sản-xuất và bán cho các xứ khác 3 chiếc tuần-dương-hạm, 53 chiếc tàu lặn, 63 chiếc tàu nhỏ, 2328 cỡ đại-bác 75 ly và 450 ly của Hai-quân, 8 triệu tấn thép để đóng tàu và đúc đạn trái-phá. 90.000 quả mìn, 22.000 đạn phóng-lôi, 5.500 phi-cơ và 12.200 súng liên-thanh.

Có thể nói rằng trận Đại-nhất Thế-chiến 1914-1918 là một cơ-hội đặc-biệt, duy-nhất, cho Basil Zaharoff trở nên người giàu nhất thế-giới. Do những sự giao thiệp khôn khéo của ông, bên cạnh các vị lãnh-đạo trứ danh của Thế-chiến, ông đã trở nên một chánh khách có uy-tín nhất của các cường-quốc Âu-Á-Mỹ.

Mặc dầu người ta gọi ông là « kẻ buôn cái chết đột ngột » (Le marchand de mort subite), ông vẫn được các giới chính-trị và quân-sự ở các thủ-dô kính nể ông không những là một nhà đại kinh-doanh, đại tài-chánh quốc-tế, mà còn là một chánh-trị gia, đại chánh-khách Hy-lạp (homme d'Etat de la Grèce).

Đầu năm 1916, Basil Zaharoff đã 65 tuổi. Một hôm ông ngồi trong phòng giấy của Tổng-trưởng Pháp Aristide Briand, đàm-đạo

về tình-hình nguy ngập của Hy-Lạp. Vua Hy-Lạp là Constantin, em vợ của Hoàng-đế nước Đức Guillaume II, dĩ-nhiên đứng về phe Đức, chống lại Pháp. Nước Đức lại là đồng-minh của Thổ-nhĩ-Kỳ, mà Thổ-nhĩ-Kỳ thì chính là kẻ thù vạn-đại của Hy-Lạp. Theo tình-thế rối-rắm đó, nếu Vua Constantin còn ở Hy-Lạp thì không bao giờ Hy-Lạp tuyên-chiến với Đức. Trái lại, Hy Lạp có thể nghe lời Hoàng-đế nước Đức, Guillaume II, mà tuyên-chiến với Đồng-Minh Anh-Pháp, và chặn đường của Anh-Pháp qua sông-dào Suez và đề Anh-Pháp bị kẹt trong Địa-Trung-Hải.

Tổng-trưởng Pháp, Aristide Briand, hỏi ông Basil Zaharoff có phương-thế gì đề lôi kéo Hy-Lạp vào phe Đồng-Minh không?

Zaharoff mỉm cười:

— Phải đuổi vua Constantin ra ngoại-quốc, và thiết-lập một chính-phủ Hy-Lạp thân Đồng-Minh, với Venizelos làm Thủ-tướng. Muốn thực-hiện kế-hoạch đó phải bỏ ra thật nhiều tiền lập

một Thông-lãn-xã có đầy đủ phương-tiện tuyên-truyền và hoạt-dộng.

Vì chúng ta nên nhớ rằng trước hết phải gây ra một phong trào, tạo ra một dư-luận bắt buộc vua Constantin phải bỏ Ngôi-ra đi.

— Vâng, vâng... ông nói đúng lắm. Kế hoạch đó hay lắm, nhưng phải tốn kém nhiều lắm.

— Dĩ-nhiên là muốn đạt mục-phiêu, cần phải xài rất nhiều tiền.

— Ông biết rằng tôi đã gặp rất nhiều trở ngại trong vấn-đề Hy-lạp. Tôi muốn thực-hiện kế-hoạch của ông là thay đổi chính-phủ Hy-lạp của vua Constantin nhưng Quốc-hội Pháp không cho tôi ngân sách, tôi phải mót tiền trong quỹ đen của Bộ Ngoại-giao, không đủ vào đâu cả.

Zaharoff hỏi ông Tổng-trưởng Briand:

— Vậy, ông Tổng-trưởng cần độ bao nhiêu?

— Ít nhất là năm triệu.

— Được rồi, tôi xin tặng chính-phủ Pháp 5 triệu đồng.

Xong cuộc đàm-phán, Zaharoff đứng dậy cáo từ. Ông Tổng-trưởng Aristide Briand hết sức cảm ơn vị chánh khách ái quốc của Hy-lạp. Ra đến cửa, Zaharoff lại quay trở vào, nét mặt nghiêm nghị, nói:

— Tôi quên cái này.

Ông móc túi lấy ra một phong bì, đề trên bàn ông Tổng-trưởng:

— Cái này đề tặng các quâ-phụ chiến tranh Pháp.

Ông ra về, Briand mở bao thư ra xem, thấy cái ngân phiếu 1 triệu đồng.

Zaharoff luôn luôn giữ lời hứa. Ông gởi năm triệu cho Tổng-trưởng Briand nhờ đó chính-phủ Paris có đầy đủ phương-tiện tài-chánh đề thực-hiện kế-hoạch chính-trị của ông Zaharoff. Quả-nhiên, một năm sau, dư-luận báo chí Hy-Lạp buộc Vua Constantin phải xuất ngoại, và ông Venizelos lên làm Thủ-tướng. Venizelos là bạn thân của Zaharoff, và cũng là một nhà chính-trị khôn-ngoa, thân-thiện với phe Đồng-Minh Anh-Pháp. Venizelos vừa lên

cầm quyền, thì Hy-Lạp tuyên-chiến với Đức.

Đó là một thắng lợi lớn-lao vô cùng cho phe Đồng-Minh. Từ đó, Thủ-tướng Anh là Lloyd George, và Thủ-tướng Pháp là Clémenceau trở nên hai người bạn thân của Zaharoff, nhà đại-tài-chánh quốc-tế, đại-chánh-khách Hy-Lạp trước kia, hồi 14 tuổi. Chỉ là một thiếu-niên vô gia-cư, vô nghề-nghiệp, làm-ma-cô dắt gái điếm cho bọn lính thủy ở bến tàu Istantoul !.

Mùa hè 1918, báo *Le Temps* đã tiết-lộ: « Từ đầu chiến-tranh, ông Basil Zaharoff đã hy-sinh ít nhất là 50 triệu phật-lãng-vàng cho cuộc thắng-trận của Đồng-Minh. Thật là một việc hi-hữu từ xưa đến nay trong lịch-sử thế-giới ».

Chiến-tranh kết liễu, có kẻ tính số tiền lời của ông trong việc buôn bán khí giới, lên đến 100 triệu phật-lãng-vàng (Franc-or).

Ông được chính-phủ Pháp tặng Bắc-đạo-Bộ-tước, chính-phủ Anh

Dũng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/811/DPDC

Dũng midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/811/DPDC

tặng bằng cấp «Tiến-sĩ» *honoris causa* của Đại-học Oxford, Anh quốc Bội-tinh, và Nam-tước.

Người yêu của ông, Nữ-công-tước Marchena, thích lầu đài Balincourt rất đẹp của Nữ Hầu-tước Vanghan, tình nhân của vua nước Bỉ Leopold II, ông liền hỏi mua lầu đài ấy để tặng riêng người yêu.

Một đám cưới nhỏ nhỏ

1923, Zaharoff đã già lụ-khụ. 73 tuổi. Đời ông đã tội nguyên về phương diện giàu sang, tiền rường bạc bề, và địa vị cao-quý, được các vị Quốc-trưởng, Thủ-tướng, kính nể như một bậc ân-nhân của Âu-châu. Nhưng ông vẫn không được thỏa mãn về phương diện tình-ái. Ông vẫn không cưới được người yêu độc-nhất và trung-thành của ông, Nữ Công-tước Marchena, nữ-danh Maria del Pilar., em họ của vua Espagne, Alphonse XIII. Lý-do: chồng của nàng, bị bệnh điên vẫn còn sống ở bệnh viện, nhất định không chịu ly-dị vợ.

Ngày 8-7-1923, người thư ký của Zaharoff đưa vào ông một điện-tín từ Madrid gửi về, mở ra xem, chỉ có ba chữ :

« Công-tước Marchena chết »
Zaharoff và Maria del Pilar

vui mừng, sắp thực-hiện ý-nguyên. Nhưng phải chờ 10 tháng sau, dài bằng 10 thế kỷ.

Thế rồi ngày 22-9-1924, hai người làm lễ cưới chính-thức tại lầu-đài Balincourt. Các đường phố chung quanh đó đều vắng teo, không có một người đi, vì chính phủ Pháp cho lệnh cảnh-sát giữ gìn trật-tự, không cho người qua lại tò mò xem đám cưới, theo lời yêu cầu của « chủ-rê » 73 tuổi. « Cô dâu » mới có 50 xuân xanh. Chỉ có 3 người được mời dự đám cưới mà thôi : Ông xã-trưởng Balincourt, và hai người làm chứng.

Ông bà đã nói trước với các nhà báo Pháp và quốc-tế :

— Chúng tôi chỉ làm lễ cưới nhỏ nhỏ. Xin các ngài đừng đến.

Nhưng mười tám tháng sau, một buổi sáng, Basil Zaharoff ngồi buồn bã cạnh giường người vợ yêu-quý đang rên-rỉ... hấp-hối. Bà bị bệnh cúm nặng, Bác-sĩ chữa không khỏi. Bà âu-yếm nhìn ông một lần cuối-cùng trước khi nhắm mắt vĩnh viễn.

Basil Zaharoff gục đầu xuống ngực vợ, khóc thút-thít như trẻ con :

— 18 tháng, ngán-ngủi quá. Mình ơi !

Ông còn sống mãi, độc thân, buồn-rầu, ăn-dật, cho đến năm 1936 lặng-lẽ vĩnh biệt đời. Ông thọ 87 tuổi. ★

đường về

● TRẦN TUẤN KIẾT

cho Miên

đường về con có nhớ chẳng
bóng thông sâu cũ đêm tăm-tăm hồn
cách ời còn mấy ngõ thôn
vườn trần gian đó gió buồn tịch liêu
không gian mây nổi trăm chiều
ngàn thông đổ hội ngày xiêu bóng mờ

ngủ đi con nhé bây giờ
đã ru giấc mộng vàng xưa bao người
tay con từ đó buông xuôi
hết đau thân phận xu đời cũng yên
đường đi năm tháng qua miên
bước vào cõi sống một thân bụi nầy

linh hồn cánh hạt về tây
dấu chân son nhỏ ghi ngày tồn sinh
ảo mờ ôi bóng vô hình
ngậm sâu trắng nước đến nghìn năm sau
hỡi người trong cuộc mai sau
buồn vui có áng mây sầu lòng ta.

ngôn ngữ chàm

● JAYA PANRANG

CÁC nhà ngôn ngữ học cho rằng ngôn ngữ Chàm đã có từ thời tiền sử, mãi cho đến ngày nay dân tộc Chàm vẫn còn giữ được căn bản tiếng nói cổ xưa của họ.

Sau thời bán khai, trải qua các giai đoạn lịch sử — do sự du nhập của đạo Bà La Môn Ấn độ, đạo Hồi Á rập và đã bao phen phải chịu sự xâm lược của ngoại bang, cùng với sự giao thiệp quốc tế, nhất là về phương diện xã hội và thương mại — ngôn ngữ Chàm có pha trộn tiếng Phạn, Á rập, Trung Hoa, Cam Bốt, Việt Nam Tamoul v.v...

Về nguồn gốc ngôn ngữ Chàm có một vài ý kiến phát biểu khác nhau :

— Nhóm học giả HIMLY và P.W. SCHMIDT cho tiếng Chàm là một thứ ngôn ngữ hỗn hợp, thuộc ngữ tộc môn-khmer, và đồng thời có một số từ ngữ liên quan với nguồn gốc môn-khmer-kolarien.

— Nhóm học giả khác như Dr. KERN, KUHN và NIEMANN thì liệt ngôn ngữ Chàm vào ngữ tộc malayo-polynésien và cả hai ông E. AYMONIER và A. CABATON, là những nhà bác học có công nghiên cứu nhiều về nền văn hóa Chàm, cũng biểu đồng

NGÔN NGỮ CHÀM

định với nhóm thứ hai này, và đều công nhận tiếng Chàm là một thứ hỗn hợp. Nhóm sau này còn nhấn mạnh thêm : cội rễ tiếng Chàm cùng chung với tiếng Mã Lai, ngày nay những yếu tố tiếng Mã Lai đôi khi vẫn còn giữ nguyên sắc thái riêng biệt của nó trong tiếng Chàm, nhưng thường có một vài biến đổi làm cho trại đi (1).

I.— Tiếng Mã Lai trong tiếng Chàm.

Một số từ ngữ Mã Lai và Chàm có sắc thái giống nhau :

Mã Lai	Chàm	
angin	angin	— gió.
bala	bala (bol bala)	— dân chúng, quân đội.
bang sa	bang sa	— dòng giống dòng bào.
bayar	bayar	— trả lại, giao trả.
bulan	bulan, bilan	— tháng, mặt trăng.
dalam	dalam	— trong, ở trong, sâu xuống.
darah	darah	— con gái, thiếu nữ.
darah	darah	— máu.
haram	haram	— cấm, kiêng, tà thuyết.
hujan	hujan, hajan	— mưa, trời mưa.
ikan	ikan, akan, kan	— con cá.
jaga	jaga	— canh giữ, rào đón.
kabal	kabal	— phép ngăn ngừa.
klam	klam	— tối trời, về đêm.
kaya	kaya	— giàu sang, quyền quý.
luka	luka, lika	— vết thương, mụn nhọt.
malam	malam, morlam	— ban đêm.
mata	mata, mota	— con mắt; thứ, loại.
orang	orang, urang	— người ta, con người ta.
pura	pura	— thành phố, thị xã.


midol

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TAY

1360/BYT/DPDC

patih	putih, patih	— màu trắng, da trắng.
rabi	rabi, ribi	— các chữ thánh.
tulang	tulang, talang	— xương.

b) Âm a Mã lai chuyển ra âm o, u hay i của Chàm :

Mã Lai	Chàm	
naok	anok, anirk	— con, con cái
mah	mưh	— vàng; (kim khí)
mata	mota, mưta (mata)	— con mắt; thứ, loại.
rabut	ribuk (rabuk)	— bão, giông tố.

c) Âm i Mã-lai chuyển ra âm ai hay ăy của Chàm :

Mã lai	Chàm	
api	apvăy (apui)	— lửa.
ati	atâi	— trái tim
bini	binai (banai)	— đàn bà, thuộc giống cái.
babî	pabvăy (pabui)	— con heo.
brî	brăy	— cho, tặng.
lakî	lakăy (likăy)	— con trai, đàn ông.
marî	marai (morai)	— lại, trở lại, đến với.
padi	padai	— lúa.

d) Âm s Mã-lai chuyển ra âm th của Chàm :

Mã lai	Chàm	
basi	bathăy (pathăy)	— sắt (kim-khí)
nasi	lathăy (lithăy)	— côm.
rusa	rutha (ritha)	— con nai
sa	tha	— một, số một

e) Âm u Mã-lai chuyển ra âm uv (đọc : âu) của Chàm

Mã-lai	Chàm	
batu	butuv (patâu)	— đá, tảng đá.
ku	kuv (kâu)	— tao, tôi.
kaku	kakuv (kakâu)	— móng tay chân.
kayu	kayuv (kayâu)	— cây cối, gỗ
kutu	kutuv (katâu)	— con chí, con rận.
malu	maluv (malâu)	— hồ thẹn, mắc cỡ.

f) Âm s «gió rặng» Mã-lai chuyển ra h «hà hơi» của Chàm :

Mã-lai	Chàm	
sami	hamu	— ruộng,
sarong	harum	— bao, bì, vỏ, bít tắt
satang	hatam	— cây gậy, cây que,
satu	hadôm	— một vài, bao nhiêu.

g) Một số từ ngữ hỗn tạp không phân biệt một hệ thống nào

Mã lai	Chàm	
bolah	blah	— chẻ (chặt theo chiều dài).
dahi	dhăy	— trán
kaki	takai	— chân.
kangan	tangin	— tay
gigi	tagăy	— răng.
porak	barak (birak)	— phương bắc, thủy ngân.

II.— Tiếng Phạn trong tiếng Chàm.

Các yếu tố tiếng Phạn nằm trong tiếng Chàm khá dồi dào, thường là những từ ngữ thuộc về triết học, thần-học, địa danh, đôi khi có cả những từ ngữ thông dụng nữa, nhưng phần nhiều không còn giữ các nét trung thành với tiếng Phạn gốc, giọng

mới trại đi hoặc rút gọn lại, ngắt bỏ bớt vần cuối, nhất là âm Phạn tận cùng bằng *a* thì bị bỏ hẳn. Ví dụ: *Champa* : *Cham* (Xứ và người Chăm), *Kapila* : *Kapil* (bò thần), *Panduranga* : *Pangdurang* (chặt Phan rang, Phan rí), *rupa* : *rup* (thân thể, hình dáng), *Nagara* : *Nagar* hay *Nogar* (xứ sở, quốc gia) v.v. . .

Thường thường những âm *s* hay *c* của Phạn được chuyển thành âm *th*, giống như giữa Mã-lai và một vài sắc dân thiểu số ở Cao nguyên Việt-nam. Ví dụ: *Asura* : *Athur* (con vật, ma quỷ), *dévacri* : *débasroh* hay *dépathroh* (thiên thần, đấng tạo hóa) và âm *o* của Phạn chuyển ra âm *b* hay *p* của Chăm: *dévata* : *débata* hay *dépata* (trời, thiên thần) v.v. . .

Người ta biết rõ dân tộc Chăm đã chịu ảnh hưởng văn-minh Ấn độ trong thời gian xa xưa, và lâu dài, họ đã học chữ Phạn và thấu nhận cả một nền tôn giáo Ấn (Bà-la-môn giáo) nữa. Như vậy, trong ngôn ngữ Chăm phải lẫn lộn nhiều tiếng Phạn lắm:

Phạn	Chăm	
<i>acarya</i>	<i>achar</i>	— bậc thầy; vị lãnh đạo tôn giáo Bani (Hồi-giáo Chăm).
<i>editya</i>	<i>adityak, adit</i>	— mặt trời, thần Thái-dương; ngày chủ nhật.
<i>adya</i>	<i>adhya</i>	— vị sư cả, người lãnh đạo tôn giáo Bà-la-môn (Brahmaniste).
<i>adhvan</i>	<i>adhva, adhvan</i>	— đường, quảng đường.
<i>adarha</i>	<i>adarha</i>	— vòm trời, không gian.
<i>agaru</i>	<i>gahluv</i>	— cây hương, cây trầm-hương.
<i>agama</i>	<i>agama, agamuk</i>	— tôn-giáo, giáo-thuyết.
<i>akara</i>	<i>akarah, akharah</i>	— thế-giới người chết, âm-phủ.

<i>angara</i>	<i>angah</i>	— than lửa hồng.
<i>angara</i>	<i>angar</i>	— ngày thứ ba.
<i>ayus, ayusa</i>	<i>ayuh</i>	— sống lâu, trường thọ.
<i>ayuscatik</i>	<i>ayuh sak</i>	— sống lâu, trường thọ.
<i>arya</i>	<i>ariya</i>	— thơ, vẻ, thi văn.
<i>arthā</i>	<i>arti</i>	— ý nghĩa, định nghĩa, nghĩa là.
<i>asura</i>	<i>athur rak</i>	— ma quỷ.
<i>asur mara</i>	<i>athur marak</i>	— hung thần, ma quỷ.
<i>bala</i>	<i>bala</i>	— thành lũy, thị xã, thủ đô.
<i>banga, vara</i>	<i>bar</i>	— màu sắc, sắc diện.
<i>bhakti</i>	<i>bhak tik, bhuk tik</i>	— thờ phụng.
<i>bhar</i>	<i>bhar</i>	— người chồng.
<i>bhava</i>	<i>bhav</i>	— chết bất đắc kỳ tử.
<i>bhava</i>	<i>bhap (bhap bani)</i>	— dân chúng, nhân dân.
<i>bhasa</i>	<i>basa</i>	— nói chuyện, suy luận.
<i>bhumi</i>	<i>bhumi, bhum mi</i>	— làng xóm, đất đai, quê hương (còn nữa)

(1) *Dictionnaire Cam-Français* — E. Aymonier và A. Cabaton, Paris 1901. «Phân Nhập Đề», trang VII.



★ TÔI LÀ... ĐẠI-TÁ CƠ MÀ !

Một anh binh nhì được nghỉ phép, khi trở về trại, say tẩu lẩu. Viên Đại-úy gọi đến bàn giấy bảo:

— Tại sao anh uống rượu hoài vậy? Anh là một người lính tốt, tôi tưởng rằng nếu anh không có cái tật rượu chè bê bối thì anh sẽ có thể lên trung-sĩ... thượng-sĩ như mọi người được. Như vậy có sướng hơn uống rượu không?

— Dạ... thưa Đại-úy, sướng lắm chứ... nhưng Đại-úy biết cho rằng, lúc nào tôi say... là tôi thấy tôi... Đại-tá rồi cơ mà !



midol

1360/BY.1/DPDC

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

TÁC
GIẢ
TÁC
PHẨM ■ 2

NGUYỄN MẠNH CÔN

★ DUY THỨC

NGUỖYÊN - MẠNH - CÔN là tên thật của các bút hiệu: Nguyễn kiên Trung, ký trên «Đem tâm tình viết lịch sử», lần xuất bản thứ nhất, và Đăng vân Hầu, ký trên tuần báo Văn nghệ Tiền Phong.

Ông sinh ngày 15 tháng 3, năm 1920, tại Hải Dương, đã từng làm chủ một nhà in và sau đó phiên lưu vào làm sĩ quan trong một bộ tham mưu lục quân Nhật, đại biểu một đoàn thể cách mạng Hải ngoại, có chân trong quốc hội đầu tiên của Việt Minh 1945, Từ năm 1948 đến 1949, ông hoạt động cho dân quân du kích xã, kể làm nhân viên trưởng võ bị Trần quốc Tuấn. Năm 1953 ông ra dạy học cho một vài

trường tư thục ở Hà nội. Năm 1954, di cư vào Nam, sau đó hai năm, ông vào quân đội V.N. Cộng Hòa với cấp bậc thiếu úy đồng hóa.

Kể về hoạt động văn nghệ và báo chí thì năm 1939, ông cộng tác với báo Đông Pháp, năm 1944 chủ bút tuần báo Thông tin, quản lý báo Thống nhất của năm 1945. Năm 1946 đứng chủ nhiệm báo Phục-quốc, năm 1954 chủ nhiệm nhật báo Tin Tức, 1956 sáng lập Nguyệt san Chí đạo và làm chủ bút báo này một thời gian khá lâu. Năm 1963 cộng tác với nhật báo Dân Việt rồi Việt báo..

Hiện ông đang viết cho đài phát thanh quốc gia, bán nguyệt san «Văn», tạp chí Văn học, Tin sách v.v..

NGUYỄN MẠNH CÔN

Các tác phẩm đã xuất bản: Việt Minh, người đi đâu. Cộng sản là gì (1956) Chồng Mác xít (1957), Đem tâm tình viết lịch sử (1957), tái bản 1963. Kỳ hoa Tử (1960) và ba người lính nhảy dù lâm nạn (1960). Và mới đây: Mối tình màu Hoa Đào (1965).

Nguyễn mạnh Côn viết rất nhiều, đều đặn và chăm chỉ. Nhưng các tác phẩm nói trên và được người đọc chú ý đến nhiều nhất của ông là Đem tâm tình viết lịch sử, Kỳ hoa Tử và Ba người lính nhảy dù lâm nạn. Về các tác phẩm như «Việt Minh, người đi đâu, Cộng sản là gì» và «Chồng Mác xít» thuộc vào loại lý luận chính trị trong đó ông đã mang những kinh nghiệm sống, bằng những cái nhìn khách quan trình bày thật sáng tỏ nhưng dịu dàng cho chúng ta nhận rõ đâu là chân lý, chính nghĩa. Trên khía cạnh này, ông đã chứng tỏ là người có tâm hồn tế nhị, sâu sắc.

Vấn đề ông đưa ra được bàn đến một cách thực tế, mềm dẻo không chỉ thuần lý luận cứng đắn, khô khan mà luôn luôn ẩn chứa

nhiều tình cảm nhẹ nhàng, khiến người đọc bị lôi cuốn nhiều hơn là chán nản.

Ở đây, chúng ta không nói đến Nguyễn-mạnh-Côn chống Mác-xít hay Nguyễn-mạnh-Côn tìm hiểu và giải thích chủ nghĩa Cộng sản. Chúng ta hãy nói về Nguyễn mạnh-Côn, thuần túy văn-nghệ.

Với «Kỳ-hoa-Tử» Nguyễn-mạnh-Côn trình bày sáu truyện ngắn tình cảm, gồm có: Em chờ anh trong nghĩa nặng vợ chồng, kỳ-hoa-tử, giá trị tinh thần, vay bằng máu, trả bằng đời, truyện một người đòi trả nợ cho dân tộc... và.. Một chuyện ngắn không đặt tên.

Nhận xét đầu tiên, sau khi đọc xong tập truyện «kỳ hoa tử» của Nguyễn-mạnh-Côn là... ông hơi tham lam. Nhiều đoạn trong đó có thể bớt đi được, vì không cần thiết, đã khiến cho truyện dài dòng làm người đọc dễ nản.

Nếu tác giả không có một bút pháp nhiều tình cảm, lời cuốn được chúng ta, thì... những đoạn thừa đó làm mất giá trị của tập truyện không ít.

(b)

Dùng midol

(360/DT/DRD)

Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Hai truyện đầu « anh chờ em trong nghĩa nặng vợ chồng » và « kỳ-hoa-tử », Nguyễn-mạnh-Côn lấy bối cảnh, nhân vật ngoài chiến khu, hồi chiến tranh Việt-Pháp. Đọc hai truyện này, chúng ta có cảm tưởng đó là những truyện thực, đã được tác giả tiểu thuyết hóa, mang ra trình bày.

Có lẽ đây là những kinh nghiệm xương máu của chính Nguyễn mạnh Côn, những kinh nghiệm thu được trong thời gian ông phiêu lưu với kháng chiến.

Những truyện sau như « giá trị tinh thần », tác giả phân tách tâm lý và tâm hồn giới phụ nữ trung lưu điển hình là Hào. Hào có chồng được chồng rất yêu quý. Nhưng vì chồng năng bận bịu với công việc làm ăn suốt ngày, năng trở thành cô độc trong một căn nhà thơ mộng ở Đà Lạt. Sau đó, không chịu được, Hào đã nhảy xuống thác Gougua tự tử. Hào chết, thoạt tiên muốn chứng minh vì nàng yêu chồng mà chết. Nhưng cũng để thỏa mãn một ý chí báo thù không thành hình : Hào sống thì Tâm, chồng nàng, coi thường Hào ; Hào chết, Tâm sẽ hối hận, và đau khổ, sẽ biết Hào là quý giá vô ngần. Về điểm

phân tách tâm lý và tâm hồn phụ nữ trong truyện này, Nguyễn-mạnh-Côn đã tỏ ra rất kỹ lưỡng và đưa ra nhiều nhận xét rất đúng. Cái chết của Hào tượng trưng cho sự tàn lụi của giới phụ nữ trung lưu, ăn không ngồi rồi. Vấn đề xã hội được đề cập tới một cách khách quan và thẳng thắn.

Truyện « Vay bằng máu, trả bằng đời », cốt truyện không có gì đặc biệt. Một người con gái tên Ngoãn, làm nữ du kích, tấn công đồn giặc bị thương và bị đồng đội bỏ rơi. May nhờ có người lính Lê Dương Otto tiếp máu. Ngoãn sống và mạnh khỏe trở lại.

Otto là một viên kỹ sư, hàng ngày đến săn sóc Ngoãn. Ngoãn dần dần có cảm tình và cuối cùng lấy Otto làm chồng. Nàng đã tìm thấy hạnh phúc. Sự thù hận đã biến thành tình thương yêu vô biên... Từ đó, anh lính Lê Dương và cả Ngoãn nữa không tìm thấy mâu thuẫn trong nguồn sống vì nguồn sống vĩnh viễn chưa từng biến thể. Lý thuyết Mác xít có lẽ

chỉ nhằm cải tạo một thời kỳ ngắn ngủi nào đó của đời sống. Đời sống không phải là nguồn sống, mà thời kỳ ấy cũng qua rồi. Và, theo Otto, như thế là hết... Nhìn chung, chúng ta thấy truyện « vay bằng máu, trả bằng đời » muốn đưa ra một vài quan niệm đã phá lại quan niệm « duy... vật chất »... « Otto nhớ đến đôi lon đại úy của một thời tranh chấp để chiếm lấy thật nhiều vật chất ; « một xuýt nữa anh đã chìm vào vật chất, càng có thêm càng cần thêm nhiều vật chất, và trở thành nô lệ suốt đời cho sự thèm khát không bao giờ thỏa mãn... Nguyễn mạnh Côn là người rất sành khoa học nên đã đề cập phân tích các loại máu qua sự suy tư của nhân vật. Lý thuyết Einstein cũng được mang ra. Đây, không phải lần thứ nhất... mà nhan nhản trong các tác phẩm của Nguyễn mạnh Côn người ta thấy nhiều lúc ông muốn phô bày kiến thức như thế. Phải nói đó là một thứ bệnh truyền nhiễm của một số văn nghệ sĩ, thường muốn chứng

tỏ cái « tôi » hoàn toàn đầy đủ của mình.

Nguyễn-mạnh-Côn là nhà văn thích nói về tâm tình.

Trong các truyện ngắn, biên khảo, lý luận... đâu đâu ông cũng dùng giọng văn đầy tình cảm để diễn đạt tư tưởng. Vì vậy, văn ông ăn chứa một thứ duyên thầm lôi cuốn người đọc. Ông đã tạo cho mình một bút pháp đặc-biệt, rõ ràng nhất là trong cuốn « Đem tâm tình viết lịch sử ». Đọc tác phẩm này của ông, chúng ta hãy đứng vào đúng vị trí của nó, vị trí tâm tình.

Chúng ta cũng không đọc nó với cặp mắt quan sát, soi mói của nhà sử học, để tránh những thiên cặn sai lầm. Và nếu đã nhìn trên khía cạnh tâm tình rồi, chúng ta sẽ phải công nhận, trong địa hạt này, Nguyễn-mạnh-Côn đã tỏ rõ có biệt tài. Ông đã dung hòa được hai thể văn tùy bút và hồi ký nên văn ông có một sắc thái riêng biệt, vừa gần gũi với sự thật lại vừa nhiều tính chất nghệ thuật. Các



midol

C 1360/8Y 1/ R.R.D.C.

bri các chứng đau nhức
và cảm cúm

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

nhân vật của ông đã sống một cách sâu đậm và tế nhị. Những người dân vừa mới hôm qua còn là nô lệ bỗng hôm nay vùng dậy độc lập. Những tự vệ thành chỉ biết ăn diện theo lối công tử nhưng cương quyết chiến đấu bảo vệ thủ đô. Một cụ cử vừa đi cày vừa làm cách mạng.

Một bà mẹ già chỉ biết mỗi sáng thắp hương cúng chổng và thương yêu con. Một sinh viên y-khoa nhưng căm sùng kháng chiến với tất cả lòng nhiệt thành, tin tưởng.

Một "tôi" vừa rung cảm vừa suy tưởng của tác giả.

Ngăn ấy nhân vật, ngăn ấy tâm hồn gã như sống bật dậy dưới ngòi bút sắc xảo của Nguyễn mạnh Côn, làm người đọc tin rằng những hình ảnh đó, những tâm trạng đó, ông không thể vay mượn được mà phải chinh phục bằng chính bản thân ông. Ông không là người cán bộ tuyên truyền dài dòng luận thuyết về chính trị, ông cũng không làm nhà văn giam mình trong tháp ngà rồi

phiêu lưu bằng trí tưởng tượng. Ông đã sống thật sự giữa cuộc đời, thật sự yêu nước nên ông đã sống giữa văn ông!

Một điều đáng nói là... trừ hai bức thư đầu trong số bốn bức thư góp thành cuốn «Đem tâm tình viết lịch sử», là...chứa đựng ít nhiều sự kiện lịch sử, còn ở hai bức sau, ông Nguyễn mạnh Côn chỉ quanh quẩn với cái tôi riêng rẽ, mệt nhọc. Ông đã bước sang lý luận và dự ước. Sau nữa ông chưa làm hiện hiện đầy đủ lịch sử toàn diện của nhân dân VN. Sở dĩ vậy, vì ông quá thiên về lịch sử của một lớp người mà ông yêu quý và luôn luôn bênh vực: Đó là lớp người trí thức tiểu tư sản. Lịch sử của dân tộc VN không chỉ là lịch sử của tiểu tư sản V.N.

Đọc xong «Đem tâm tình viết lịch sử» chúng ta thấy cùng một lúc ông Nguyễn mạnh Côn muốn làm trọn cả ba công việc:

Viết văn, viết sử và lập thuyết. Nhưng xét kỹ, ông chưa đạt được sở nguyện. Về phương diện lý

thuật, vì ông dùng lời văn hỗn hợp nên bố cục của «Đem Tâm Tình viết lịch sử» không được chặt chẽ, bốn bức thư chổng lên nhau để đã đã khiến tác phẩm thiếu nhất trí.

Sang lãnh vực viết truyện giả tưởng khoa học, như tập Ba người lính nhảy dù lâm nạn, Nguyễn mạnh Côn cũng tỏ ra có biệt tài. Nó là một thứ xú báp an toàn nhất để tác giả xì hơi mỗi khi thấy uất ức, phẫn nộ với hiện tại, và với khả năng hèn mọn của con người. Khi viết truyện giả tưởng khoa học tác giả thả sức, tha hồ... bịa... nhưng những điều bịa của ông căn cứ trên nền tảng khoa học nên không huyền hoặc hay vô lý. Có vô lý chăng là vì những điều ông viết ra khoa học chưa đạt tới, nhưng trong tương lai, rất có thể... Một lần chúng tôi hỏi Nguyễn mạnh Côn xem ông thích truyện khoa học nào nhất trong số những truyện đã in.

Ông trả lời truyện Đại úy Trường Kỳ. Trong truyện đại úy Trường Kỳ có một mối tình đã vượt qua thề xác. Đó là mối tình của cô Trang. Cô Trang và đại úy Trường Kỳ yêu nhau nhưng vì chết bất đắc kỳ tử, hồn cô nhập vào xác một tên lính vừa gục ngã và xác đó sống dậy mãnh liệt đi tìm Trường Kỳ

đòi yêu đương. Nhưng bị tuyệt vọng nên tan biến, mất hẳn cái sức mạnh phi-thường là sức mạnh linh hồn.

Trong truyện này Nguyễn-mạnh-Côn muốn điều cốt cả cái chết, muốn chống lại quyền vạn năng của tạo hóa song ông đã thất-bại, vì tạo hóa đã đòi được quyền dùng thề xác chi phối ái tình, đồng thời cái chết cũng đã mang cô Trang đi, đi hẳn. Sở dĩ có sự thất bại này vì câu truyện không thể kéo dài để cô Trang sống mãi trong cái xác mượn đó. Và chắc Nguyễn-mạnh-Côn cũng chưa tìm được cách kết thúc như thế nào cho câu truyện vừa hợp lý lại vừa chống lại tạo hóa...

Chúng ta có thể nói Nguyễn-mạnh-Côn là người viết văn giàu tình cảm, độc đáo về loại tâm tình và luôn luôn muốn bảo vệ và bênh vực cho lớp người trí thức tiểu tư sản. Do đó, các nhân vật của ông lúc nào cũng khoác áo cao thượng, lý tưởng, như những nhân vật trong « kỳ-hoa-tử-ba người lính nhảy dù lâm nạn ». Ngoài ra Nguyễn-mạnh-Côn còn là nhà văn phơi bày rõ rệt nhất sự phản bội của những người Bôn Sơ-Vích Việt-Nam trong kháng chiến và Cách-mạng. ★

Ding midol Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÀN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1560/ BX.1/ D.P.D.L

THU DA LỮ HOÀI

■ ĐÌNH NHẬT THẬN

(xem bản chính đã đăng
trong Phở Thông 161)

Bản dịch của Thái-Bạch

Trời thu tạnh, đêm thu quạnh quẽ,
Chuồn chén vàng sau kẻ rèm thưa.
Ngày trời việc thế thoi đưa,
Cuộc vui mấy thuở giấc mơ đời người ?
Người ngắm cảnh trăng soi hoa nở,
Cảnh trên người cây nọ gió lay.
Vội ai tỏ nỗi niềm tây ?
Vội ai, trăng gió thu này thở than ? ...
Thơ tứ tuyệt gọi làm khuấy tủi,
Rượu ba chung giải nỗi ly hoài
Trước đèn trước cảnh thư trai
Đau lòng đất khách nhớ người năm xưa !
Bồng Hương thủy chài khuya cất tiếng
Hò khoan hò vọng đến gần nơi
Đêm sương nguyệt lạnh bồi hồi
Tưởng chừng thuyền nọ khách nơi non Hàn (1)
Khúc giang thủy nhớ chàng Đại-Đỗ (2)

Một thuyền coi bến trọ băng khuâng
Tám bài Thu-hứng đề ngâm
Khiến thêm lữ khách tình thâm nghĩ tình ?
Thuở ta đi, liễu xanh xanh dễ
Tiếng oanh vàng thỏ thẻ vài ba
Giờ đây cúc đã tàn hoa
Ngoài sân liễu đã ve ca rào rào
Thuở ta đi, nụ đào mới hé
Đôi ba cảnh chớm vẽ đông phong
Giờ đây lan tốt bứt bùng,
Đào non lá đã lạnh lòng theo sương !
Hỏi sao sao buồn vương quán trọ ?
Ngày lại ngày trở nợ mây tên
Thư phòng đề mãi đêm đêm
Móc than tàu chuối, thu rên tiếng trùng
Hỏi sao sao mịt mùng xứ lạ ?
Khói sương đưa năm đã nửa rồi
Hiên tây thôi đứng lại ngồi,
Sân lay gió trúc, tường cài bóng trăng !
Nào có phải đầu chàng ném bút (3)
Giải lòng trung vì nước theo quân
Mà đây thân thể phong trần,
Khi ngồi then mặt, khi nằm hồ người !
Nào có phải đầu người vâng hịch (4)
Vì hiếu lia thân thích cho cam
Tha hương mãi mãi bàn hoàn,
Khi chòm mây bạc, khi giàn mầu đơn !
Xa xa ngắm xanh rờn biển nọ,
Chiếc buồm tênh theo gió đi về
Xét thay thay nỗi hồn quê
Theo buồm buồm vút tung bề sóng khơi !
Rạng ngày đứng nhìn nơi non cũ,
Một làn mây sớm phủ bầu không.

Lòng quê rồi tựa lơ hồng.
Ruồi mây, mây vút qua chồng non cao !
Trông tin tức trông nào đâu có,
Nỗi tâm tình biết ngỏ cùng ai ?
Tiếng chuông Diệu-đế (5) đêm dài
Thành trong súng đêm, khơi ngoài trống canh
Sông mấy khúc dạ đành mấy khúc,
Cảnh buồn thiêu đêm giục buồn thiêu
Cảm thu lữ quán diu hiu,
Nhịp chày hàng xóm, tiếng chèo bên sông
Than đất khách cõi lòng ngao ngán
Nghĩ xót tình người bạn trăm năm
Đèn khuya tắt giường khuya nằm
Nọ quạt che mặt, kia trăng xế đầu
Thân gối chiếc đêm thâu rầu rầu,
Mảnh u hoài thui thui vì ai ?
Thương thay, bóng lẻ, thương hoài
Ngủ hồn mộng bướm, thức tai canh gà !
Hoặc những lúc bóng tà tà dãi
Xuống thêm rồi, thoắt lại lầu hoa.
Chợt trông bùn nọ, ền tha...
Lược đà biếng chải, gương đà thẹn soi !
Hoặc những lúc đêm ngồi giường cử
Sai trẻ nhà mới nổi đèn xong.
Chợt nghe tiếng nhận qua sông,
Chán ngừng đập máy, tay ngừng đưa thoi !
Nghĩ thương có đêm khơi dầu thức
Dằng dặc đêm tin tức gì đâu
Buồng thoi ra trước cửa lầu,
Trong màn sương lạnh nhạc sầu để than !
Càng trông lại trông càng bỏ ngỡ,
Lại bước vào dài thỏ vắn than
Nghe gà gáy nẻo tây ran,

Nuôi hồn dựa ghề, đèn tàn khêu thêm
Nghĩ thương có ngày lên từ sáng,
Đến chiều vàng bật chẳng tin chi
Rầu rầu xóc áo ra đi
Nghe ve khóc liễu, thêm mi nặng hàng !
Càng trông lại trông càng vô vớ,
Mượn đèn kia toan tỏ nỗi hờn
Chợt trông bướm lượn chập chờn;
Gót hài lại dạo ra vườn mé tây !
Nay chắc bảo thu này mất mẽ,
Chồng ta đi có lẽ gần về
Chừng như đường thế gồ ghề
Quan san ngàn dặm để bề chóng chệ ?
Nay chắc bảo ta đi lâu mãi
Phải đã say duyên mới nào chẳng ?
Phong lưu tánh ấy đã hằng
Hướng nơi lịch sự đâu bằng để kinh !
Nếu không thể nhân tình đâu thế ?
Hết Xuân rồi Hạ kể đến Thu,
Lầu son gác tía nhường ru !
Anh hùng nào bỏ, trượng phu nào từ !
Phỏng như vậy, đây chừ ai biết
Khỏi sóng lên lên giết mãi sầu
Hỏi mình son trẻ gì đâu ?
Còn quen thói cũ sang giàu chơi vui
Cảnh lữ thứ ngậm ngùi nồng nỗi
Bóng quê nhà dòi dôi giấc mơ
Non sông ai biết chẳng giờ ?
Đường xa thăm thẳm, dạ chờ dăm dăm !
Tuy vốn đã tiếng rằng tào tháo
Chăm việc nhà, giữ đạo dẫu con
Rau kh nước suối bữa bòn
Tay hòm chìa khóa, liệu tròn nỗi chẳng ?
Duy hi lữ trẻ bằng an cả
Mười phân đều chắc dạ mười phân
Ngày đi đưa sữa còn măng
Giờ đây hắt đã tóc răng đủ rồi.

Yêu biết mấy con người anh lớn !
 Độ mười ba mười bốn tuổi chừng
 Anh ta thường nói : cũng mừng
 Chẳng hay giờ đã tới chung học đường ?
 Nhớ biết mấy hai chàng bạn trước !
 Cùng sách đèn, nhà nức hương lan
 Từ khi chén ngựa vội vàng,
 Cổ nhân thôi cũng thôi đàng cổ nhân !
 Hai anh ta sau lần giặc Bắc
 Biết về chưa, hay chắc gì thân ?
 Than ôi, đồng bệnh tương lân !
 Một Tiêu-tương một hương Tần một phương !
 Nỗi buồn nghĩ quê hương siết kè
 Hỏi ngày nào chuyện kể bên đây ?
 Mà nay trăng gió thu này,
 Thu ngậm thu âm ai rầy với ta ?
 Trước ly cảnh, lệ nhòa đôi mắt,
 Nhìn quê xa xa tấp dậm ngàn
 Rượu tàn ngồi dựa lan can
 Canh khuya tỉnh giấc vẫn hoàn thê lương ● ★

1— Tích do bài thơ « Phong kiều dạ bạc » của Trương Kế : « nguyệt lạc ô ô sương mãn thiên ; Giang phong thu hỏa đối sầu miên. Cô tô thành ngoại Hàn sơn tự, Dạ bán chung thanh đảo khách thuyền » mà Nguyễn hàm Ninh đã dịch là : « Quạ kêu trăng lặn trời sương, Lửa chài le lói sầu vương giấc hồ. Thuyền ai đậu bến Cô-tô, nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn-Sơn ».

2— Đại-Đỗ tức thi sĩ Đỗ-Phủ đời Đường. tác giả tám bài thơ Thu khi xa nhà, trong có câu : « Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ ; cô chu nhất hệ cố viên tâm » mà Nguyễn công Trứ đã dịch là : « Khóm trúc tuôn đôi hàng lệ cũ , con thuyền buộc chặt mối tình nhà ».

3) Do tích Ban Siêu đời Hán, một hôm ném bút nói : « Làm trai phải lo lập công ngoài nghìn dặm, hà đâu cặm cụi với ngòi bút mãi ư ? »

● 4) Do tích Mao Nghĩa đời Đông Hán. Nghĩa không muốn làm quan, nhưng khi được chiếu vua bổ nhậm, Nghĩa mừng rỡ vàng lảnh tờ hịch đi cho vui lòng mẹ già. Rồi khi mẹ mất, Nghĩa cáo quan về nghĩ.

5) Tức chùa Diệu-đế ở kinh thành Huế.



5 GIỜ sáng ngày 20 tháng 10 1965, tiếng chuông công-phu và tiếng mõ của mấy vị Sư tụng kinh vừa trời dậy bên chùa Quan-thế-Âm, thì có tiếng những người hàng xóm thức dậy bàn-tán xôn-xao ngoài sân :

—Ồ Sao Chổi kia ! Sao Chổi kia !...

— Phải rồi, Sao Chổi đấy ! Cái đuôi nó dài nhỉ !

— Nó sáng quá, há !...

Bà Tú đánh vào vai ông Tú :

— Minh ơi, dậy coi Sao Chổi ! Dậy coi Sao Chổi ! Mau lên ! Kéo nó đi mất !

Ông Tú đã thức dậy từ lúc nghe tiếng chuông chùa. Nhưng ông còn nằm nhắm mắt, thông-thả bảo :

— Cối ta-bà dơ bẩn lắm, Sao Chổi đến dề quét... Nó chưa đi đâu.

Ông Tú ngồi dậy, đến bàn lấy một chiếc thuốc quẹt lửa hút rồi bước ra sân. Bà Tú mang guốc lóc-cóc chạy theo.

Sao Chổi xuất hiện ở hướng Đông-Bắc. Cái đầu nó sáng rực hơn sao Kim Tinh.

— Sao Kim Tinh là sao Mai, phải không ?

—Ừ. Hiện giờ sao Mai ở phía trên sao Chổi đó. Em thấy

sao Chổi lớn hơn sao Kim Tinh và sáng hơn, là tại em thấy nó trong giờ này, 5, 6 giờ sáng là gần giờ mặt Trời mọc. Nghĩa là nó đang đến gần mặt Trời. Hễ sao Chổi đến gần Mặt Trời chừng nào thì nó lớn lên chừng nấy, càng xa mặt Trời nó lại càng nhỏ hơn.

— Tại sao lạ vậy. Minh ?

— Tại vì gần hơi nóng của Mặt Trời, các chất hơi của sao Chổi nở ra.

— Thế ra sao Chổi gồm những chất hơi ?

— Em ngó kỹ Sao Chổi kia. Nó gồm 2 phần : một cái «Đầu», (tête) sáng như ngôi sao, chung quanh có quang, như một mớ tóc (chevelure), và một cái đuôi (queue).

Cái đầu gồm những chất hơi cháy nóng và đặc lại, (gaz incandescent). Nó có thể to kết-xù như một khối nặng 30 triệu tấn. Cái đầu đó có khi ta thấy nó lớn bằng Mặt Trời, còn cái đuôi có thể dài đến mấy trăm triệu ki-lô-mét.

—Ồ ! vậy mà Sao Chổi này có cái đuôi ngắn thế ? Quá lắm thì 3 thước là cùng chớ gì !

— Tại tụi mình ở xa thấy nó ngắn, đứng trên địa cầu nhìn lên tưởng nó chỉ dài 3, 4 thước như thế kia, nhưng bề dài thật

MINH OI

của nó đâu phải thế. Cái đuôi Sao Chổi năm 1680 dài đến 240 triệu ki-lô-mét. Cái đuôi Sao Chổi năm 1843 dài 320 triệu ki-lô-mét, nó là 2 lần khoảng cách từ Địa cầu đến Mặt Trời !

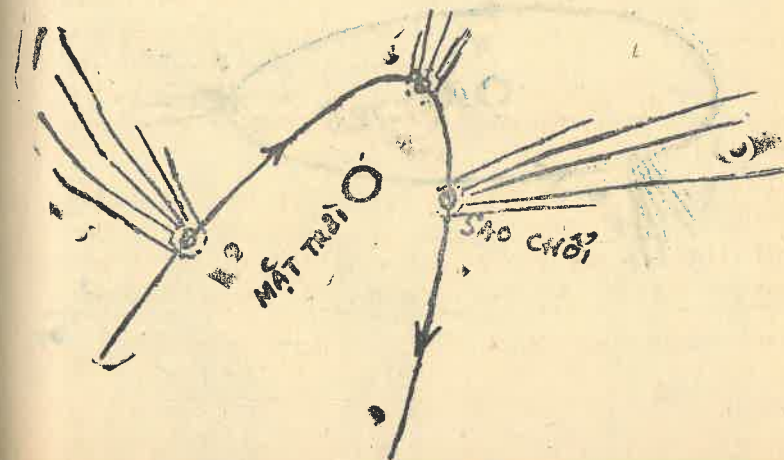
— Tại sao Sao Chổi có đuôi là Minh ? Và đuôi dài lẽ-thế như vậy là làm chi ?

— Mớ «tóc» chung quanh Sao Chổi và đuôi của nó là những chất hơi (gaz) nung-nóng, gồm có chất cyanogène, carbure de calcium và oxyde de carbone. Những chất đó là những mảnh vụn làm tăm, ròi-rạc, chứ không phải động lại. Vì vậy nên chúng ta các tinh-tú khác vẫn xuyên qua đuôi Sao Chổi được. Sức nặng tổng-quát của nó vẫn không đáng kể. Em nên biết rằng đuôi của Sao Chổi là những chất hơi do nơi đầu của nó tan vỡ rồi phóng ra. Vì thế nên đuôi

nó luôn luôn phóng ra theo chiều trái-ngược hướng Mặt Trời, chứ không bao giờ chia vào phía Mặt Trời. (Xem hình dưới đây)

— Sao Chổi từ đâu tới là Minh ? Nó tới, rồi nó đi đâu ? Bao lâu nó mới xuất-hiện một lần ?

— Hiện giờ các nhà bác-học, thiên-văn học trứ-danh nhất thế-giới cũng chưa dám nói quả-quyết là Sao Chổi tại sao có, và từ đâu tới. Tuy nhiên, ước-đoán chung của nhiều nhà thiên-văn học là Sao Chổi là những khối hơi nung cháy do những hỏa-diệm sơn vô cùng mãnh-liệt ở trên Mộc-Tinh (Jupiter) phun ra. Cho nên Sao Chổi vẫn ở trong vũ-trụ của Thái-dương-hệ, (Mộc-Tinh là một hành-tinh của Thái-dương-hệ, như Địa-cầu), và tất cả các Sao Chổi đều theo một hấp lực y hệt như nhau đưa đến gần



nă trời, đi vòng quanh mặt trời, để rồi tách xa dần dần khỏi mặt trời. Cuộc tuần-hoàn quanh mặt trời đó, khoa-học gọi là *périhélie* (*péri*: chung quanh, *hélie*: Mặt trời), với tốc độ trung-bình 200 ki-lô-mét một giây đồng hồ (200 km/s), nhưng có thể đến 550 km/s như tốc-lực của Sao Chổi năm 1843.

— Nó tách xa mặt trời, Cẽ đi đâu?

— Có hai loại Sao Chổi. Loại thứ nhất, là Sao Chổi có hạn-kỳ (*Comètes périodiques*). Loại này có lẽ do các Hỏa diệm Sơn của Hành tinh Jupiter (Mộc tinh) phun ra, và do hấp lực của Thái dương hệ đưa tới gần mặt Trời, xoay chung quanh mặt Trời theo một đường quỹ đạo hình bầu dục, giống như các hành tinh khác của Thái dương

hệ. Vì thế, nó đi một thời gian lâu hay mau, gọi là một hạn kỳ (*période*), rồi trở lại theo một lịch trình đều đặn, không bao giờ sai. Hiện bây giờ người ta biết có trên 50 (năm chục) Sao Chổi loại đó, như Sao Chổi Halley cứ 76 năm thì hiện về cho ta thấy một lần. Theo sử sách ghi chép, thì mỗi lần Sao Chổi Halley hiện về là thường có điều xấu cho Quả Đất.

Nó hiện về năm 66 trước J.C. (trước Thiên Chúa Giáng sinh), thì 4 năm sau thành Jérusalem bị tàn phá kinh khủng.

Nó hiện về năm 1066 (sau J.C), là năm mà nước Anh bị Guillaume-le-Conquérant xâm chiếm. Sự xuất hiện của nó trong năm này gây ra khủng khiếp trong hàng ngũ quân sĩ của Anh, và quân sĩ bỏ chạy tán loạn, do đó



mà Anh-quốc bị đại bại ở trận Hastings một cách thê thảm.

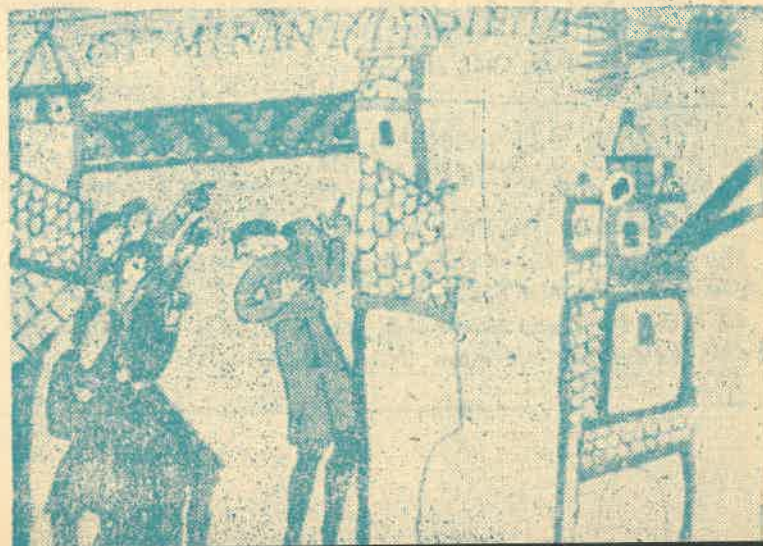
— Ngày 27-5-1456, nó lại hiện về, sau 3 năm thành-phố Constantinople bị Thổ-nhĩ-kỳ chiếm đóng, và gây tình hình khốc hại cho toàn thể Thiên-chúa-giáo. Quân Hồi-giáo (Musulmans) hăm dọa đánh chiếm các nước Tây-Âu theo đạo Thiên-chúa, đến đời Đức Giáo-Hoàng Callixte III phải ra lệnh cho toàn-thể Tín-đồ phải cầu-nguyện đêm ngày, để tránh tai-họa cho Đạo Thiên-chúa, và mỗi ngày, đứng 12 giờ trưa, các giáo-đường phải kéo chuông. Chuông Angelus buổi trưa chính là bắt đầu từ vụ này.

Loại thứ hai, là Sao Chổi lạ không ai biết từ đâu đến, đường quỹ đạo của nó là một *parabele*,

và nó chỉ đi vòng Mặt Trời một lần mà thôi, không bao giờ trở lại nữa. Nó từ vô-cùng-tận bay đến, xuất hiện thoáng một lần đột nhút, rồi biến mất luôn trong vô-cùng-tận. Sao Chổi Ikeya-Seki hôm nay thuộc về loại sao Chổi bất thần đó.

Loại sao Chổi này nhiều hơn loại sao Chổi có hạn kỳ. Chúng

Sao chổi Halley danh-tiếng nhũ trong Lịch-sử. Đây là bức ảnh do Hoàng-hậu Mathilde chụp trước đây gần 900 năm, để kỷ-niệm Sao Chổi Halley xuất hiện năm 1066 (hình Sao Chổi ở trên cao, góc bên phải), sau khi nước Anh bị Guillaume-le-Conquérant chiếm đóng.





dài lê thê và màu đỏ như máu (*apparaissait être de longueur excessive, et étoit de couleur de sang*). Nhiều người giàu có tin tưởng là đến ngày tận thế, họ đem vàng bạc của cải cúng hết cho các nhà Thờ, để chờ ngày tận số... »

Sao Chổi năm 1680 làm xôn xao sợ hãi cả Triều đình vua Louis XIV.

Sao Chổi kết-xù năm 1811 xuất hiện trong lúc Hoàng đế Napoléon Ier của Pháp đang làm bá-chủ Âu-châu, và sắp sửa đi chinh-phục nước Nga.

Sao Chổi năm 1910, vào tháng Giêng, báo hiệu một trận lụt lớn ở Âu-châu, cho nên trong sử gọi nó là « Sao Chổi Lụt ».

Năm 44 trước J.C., một Sao Chổi xuất hiện ngày hôm Hoàng đế César băng-hà. Nhà sử học La-Mã Ovide chép rằng Sao Chổi đó là cái vong-hồn của nhà vua vừa bị ám-sát, « bay bổng lên Trời, và trở thành một ngôi sao sáng rực rỡ buông xỏa ra giữa trời mờ tối chói lòa của nó... »

— Mình ơi, ở Việt-Nam, đã có Sao Chổi nào báo điềm dữ không ?

cũng có để lại nhiều kỷ niệm lý thú, hoặc kinh khủng trong lịch sử, như Sao Chổi năm 1528, gọi là Sao Chổi Ambroise Paré (do nhà bác học này khám phá ra) Trong sách « *Les monstres célestes* » (Những quái vật trên trời), nhà bác học Ambroise Paré có tả sao Chổi đó như sau :

« Sao Chổi đó trông thật kinh tởm và khủng khiếp vô cùng. Nó gây sợ hãi cho mọi người, đến nỗi nhiều kẻ vì quá sợ mà chết, nhiều kẻ đau ốm liên miên. Nó

— Ở Việt-Nam, có một Sao Chổi được dư-luận dân chúng xôn xao bàn tán nhiều nhất, là Sao Chổi xuất hiện hồi 6 giờ một buổi sáng mùa hè năm 1945 trong lúc chiến-tranh Việt-Pháp đang gieo tang tóc khắp nơi. Còn Sao chổi Ikeya-Seki hôm nay thì chắc là không phải đem đến cho chúng ta điềm lành đâu. Từ xưa đến nay trong lịch sử Thế-giới, chưa có Sao Chổi nào đem đến điềm lành cả.

— Sao gọi là Sao chổi Ikeya-Seki, hả Minh ?

— Theo một quyết-định quốc-tế do các nhà Thiên-văn-học của toàn-thế Thế-giới đã chấp-thuận, người nào khám phá đầu tiên một Sao chổi mới lạ, và báo tin cho Phòng-điện-tín Trung-ương của Thiên-văn-học ở Khán tỉnh đài Copenhague, ở xứ Đan-mark, thì lấy tên người ấy đặt tên cho Sao Chổi ấy. Đặt tên cho Sao chổi rồi, còn thêm vào cái năm, và một mẫu tự chỉ số thứ-tự của Sao chổi trong năm đó. Vì thế, Sao chổi hôm nay, do hai nhà Thiên-văn-học Nhật-bồn là Ikeya và Seki đã khám-phá đầu tiên hôm 8-9-1965, là ngôi Sao chổi thứ 6 đã xuất hiện trong năm nay, cho nên người ta

đặt tên cho nó là Sao chổi Ikeya-Seki 1965 F, chữ F là mẫu-tự thứ 6 trong Alphabet La-mã. Nhân tiện, nên biết rằng Ikeya chỉ là một nhà Thiên-văn-học tài-tử (*amateur*) năm nay mới có 21 tuổi, quê ở tỉnh Maisaka, làm thợ trong một tiệm sản xuất nhạc-cụ. Chàng xem thiên văn nhờ một kính viễn vọng (*rélescope*) 20 cm bề kính ống kính, do tự tay chàng chế tạo. Trong vòng 3 năm liên tiếp, chàng đã khám phá ra 3 sao Chổi: 1963, 1964 F, và 1965 F.

— Sao các sao Chổi 1963 và 1964, không ai thấy, không ai nói tới ?

— Vì chúng chỉ xuất hiện thoáng trong 3, 4 phút rồi biến mất, không có gì đặc biệt.

— Thế ra năm nào cũng có sao Chổi xuất hiện ?

— Không phải. Từ năm 2316 trước J.C. cho đến ngày nay, loài người chỉ thấy có 1770 sao Chổi. Trong 100 năm về sau này, nghĩa là từ năm 1860, chỉ có 400 sao Chổi xuất hiện.

— Mỗi lần sao Chổi chỉ xuất hiện trong 5, 10 phút rồi biến mất, hả Minh ?

— Tùy theo mỗi cái. Có nhiều sao Chổi hiện diện đến hai

b, tháng, như Sao Chổi Morehouse đã xuất hiện 6 lần liên tiếp 3 tháng trong năm 1903 :

- 1) 8-9-1908
- 2) 19-9-1908
- 3) 30-9-1908
- 4) 15-10-1908
- 5) 27-10-1908
- 6) 25-11-1908

Sao Chổi lớn nhất năm 1811 xuất hiện gần cuối thời - đạ Napoléon Ier bên Pháp và giữa thời Gia-long bên Việt-Nam, đã hiện-diện suốt 17 tháng rồi mới biến đi.

— Thế, trong vũ-trụ có nhiều

Sao Chổi lắm hả ?

— Nhà Bác-học Kepler có nói : « Dưới biển cả có bao nhiêu cá thì trên trời có bấy nhiêu Sao Chổi ». Nhà Thiên-văn-học Hòa-Lan J.H. Oort, giám-đốc đài khán-tinh Leyde, cũng bảo : « Trong vũ-trụ có đến một nghìn triệu Sao Chổi » !

— Khiếp !

6 giờ, Sao chổi Ikeya-Seki đã mờ dần, rồi biến hẳn. Nó đã đi rồi, như chàng hiệp-sĩ Kinh-Kha không bao giờ trở lại..

Bà Tú bảo ông Tú :

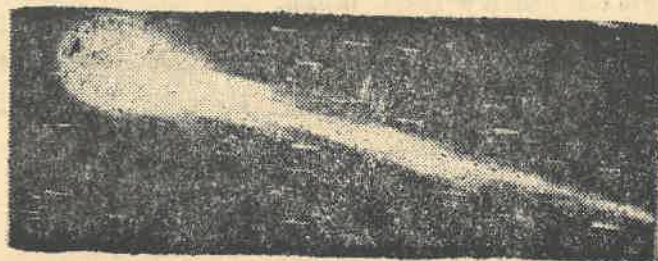
— Thôi, đi vô, mình. Em lạnh quá.

Vào Thư-viện, ông Tú còn rút một vài quyển sách ra chỉ cho bà Tú xem vài bức ảnh sau đây :

Sao chổi BROOKS 1911



Sao chổi Morehouse 1908



Sao chổi được chụp ảnh tại đài Khán-Tinh Lowell (Mỹ) - ngày 13-5-1910 — phía trên, bên trái là Sao Mai (Kim Tinh)

Sao chổi IKÉYA-SEKI 1965 F
(ảnh chụp sáng ngày 21-10-1965 tại Đài Khán-Tính Saint-Michel-de
Province (Pháp). Phóng đại 50.000 lần)

★ Diệu Huyền

Nhà hàng ĐAI - LA - THIÊN .

Điện thoại số 36.893

31-33 Đường Lân-Ông CHOLON

- Đặc-biệt các món ăn Tiều
- Sạch-sẽ, vệ-sinh và ngon lành
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- Có máy điều hòa không-khí

Ở lầu 3 lộ-thiên có không-khí thiên-nhiên
trong một khung cảnh huy-hoàng diễm-ảo

VĂN
XƯA

đại sứ MẠC ĐÌNH CHI và chiếc quạt của vua Tàu

★ SONG THƯ



MẠC - Đình - Chi đi Sứ sang Tàu, gặp Đại-sứ Cao-Ly cùng đến chào vua Nguyên-Đế tại Triều-dinh Mãn-Thanh.

Muốn thử tài hai vị Đại-sứ chư-hầu, vua Nguyên-Đế đưa một chiếc quạt ra và yêu-cầu mỗi vị làm một bài thơ cái Quạt, đề là « *Phiến-minh* » (Bài Minh của cái Quạt)

Sứ-thần Cao-Ly liền cầm bút thảo ngay mấy câu :

Uẩn long trùng trùng
Y-Doãn Châu-Công
Đông hàn the the
Bá-Di Thúc-Tề

Nghĩa là :

Mùa Đông lạnh ngắt,
Y-Doãn Châu-Công
Khí trời nóng nực
Bá-Di Thúc-Tề

Mạc-đình-Chi, Sứ-Thần của nước « An-Nam », chưa tìm ra ý thơ, nhưng ngồi xa nhìn thấy cán bút của Sứ thần Triều-Tiên, liền nảy ý ra làm ngay một bài lạnh như chớp, đem lên trình liền.

Bài của ông Mạc-dĩnh-Chi như vậy :

Lưu kim thước thạch
Thiên địa vi lưu
Nhĩ tư tư thời hề
Y Châu cự nho
Bắc Phong kỳ lương
Vô tuyết tải đồ
Nhĩ tư tư thời hề
Di Tề ngã phụ.
Y ! dụng chí tắc hành
Xả chi tắc tàng
Duy ngã dữ nhĩ hữu thị phù

Tạm dịch

Lò Tào đốt vàng sôt đá nức,
Lúc bấy giờ mi là bực Y, Châu,
Ngọn Bắc-phong thổi tới ào ào
Mưa rơi tuyết đổ ai nào hốt mi ?
Mi lúc ấy là Tề, Di chết đói
Nút Thù-Dương ai hốt ai han.
Than ôi ! Dụng, xả, hành, tàng
Đời dùng nên tốt, phụ-phàng dấu đi !
Thì đây ta cũng như mi !

Lại Dịch

Vàng sôt đá nẻ trời đất làm lò
Lúc bấy giờ ngươi là bực cự-nho
Như Châu-Công Y-Doãn ra lo cứu đời
Đến khi tuyết nhỏ mưa rơi
Gió Tây hiu-hắt ai vội làm chi !
Lúc bấy giờ như Tề Di chết đói
Nút Thù-Dương ai hốt han ngươi
Than ôi ! Dùng phải giúp đời
Không dùng thì dấu một nơi cho rồi
Thế là gười cũng như tôi !

Vua Nguyên và toàn thể Triều đình, cả Đại sứ Cao-ly đều phải công-nhận bài thơ của Mạc-dĩnh-Chi. Đại Sứ « An-Nam-quốc » là hay tuyệt. Mặc dầu hai câu kết có ngụ ý châm biếm, nhưng Vua Tào không thể bắt bẻ được vào đâu.

★ SONG THU



TRUYỆN BA NGƯỜI

● HOÀNG THẮNG

I

Tôi, năm nay b. mười bốn tuổi, có vợ một con, tôi ở trong Bình Chung Nhầy Dù đã tám năm rồi. Đã dự rất nhiều trận, nếu ngồi tính lại, tôi cũng chẳng nhớ rõ là bao nhiêu lần, nhưng chỉ biết chắc là rất nhiều và bị thương soàng cũng lắm. Đời sống nhà binh mệt hết sức, luôn luôn nhớ chữ kỷ luật. Nhưng khoái nhất là lúc ra trận. Bao nhiêu những đồn ăen, những khuôn phép bị phá vỡ hết theo sự hăng say, sự thích thú bắn giết quân thù. Mà quân thù là ai ? Cũng người Việt

mình. Cùng một tiếng nói. Cùng một màu da. Vậy mà tôi vẫn thích thú bắn giết. Nếu không lạnh tay, lạnh mắt, đời mình hai năm mươi ngay. Đó thuộc về cá nhân cái thân xác mình. Còn nói rộng lớn hơn nữa, mình phải giết nó, giết cho thật nhiều thì chiến tranh mới sớm kết liễu. Mình đâu có muốn chiến tranh. Có thắng nào điên lại mong muốn chiến tranh kéo dài ? Nhưng tóm lại, có chiến tranh mới có hòa bình. Nghĩa là phải giết hết chúng. Cho đời sống tự do của chính mình, và lẽ dĩ nhiên cho gia đình mình và cho bao người,

khác. Tôi yêu các bạn đồng đội tôi lắm. Còn gì cảm động bằng, khi tôi bị thương, các bạn tôi đã đưa tôi về hậu cứ để y tá săn sóc, băng bó vết thương. Tôi có nói, khoái nhất là lúc ra trận nhưng còn một cái khác khoái hơn nữa là khi chiến trường đã im bất tiếng súng, đoàn quân ca khúc khải hoàn trở về trại và được nghỉ phép để đi bát phố. Được nhìn lại những hình ảnh quen thuộc, được ngồi thoải mái trong chiếc ghế bành nylon, duỗi thẳng chân, lim dim nghe nhạc nổi trong máy Stéreo hifi, nhấp từng ngụm rượu, và bên cạnh mình lại có một « em » mà mình mến. Đời tươi làm sao !

Hồi ở Hà Nội vào, còn độc thân, có sẵn tiền mang theo, tôi nào tôi cũng vào dancings uống rượu mạnh, nhây đầm. Đêm tàn, với chiếc Peugeot, tôi hết đưa em này đến em khác về. Em em, anh anh. Những mối tình vụn vặt nối tiếp nầy nọ. Nhưng chỉ là chuyện qua đường. Rồi tôi chán ngấy. Tôi bắt đầu nhảy. Chỉ mỗi lần đi trận về, tôi mới tới mà

thôi. Và khi đã chán hết cả tôi lấy vợ. Vợ tôi không đẹp nhưng biết làm ăn buôn bán. Chỉ những người đàn bà biết làm ăn buôn bán mới có thể là người vợ được thôi. Còn những em kia ? Thời gian chỉ là ngồi kẻ lông mày, thoa son, đánh phấn, uốn ẹo trước gương hoặc ngồi vào những sòng bài chiếu bạc để đánh me, si lát, tứ sắc hay chẵn cạ. Chỉ nên coi họ là những bông hoa đẹp bên đường, khi ta đi ngang qua, ta cúi xuống hít vài hơi để ngửi thấy mùi thơm xông rồi bỏ đi là đẹp nhất.

Tuy đã có vợ con rồi, tôi vẫn thích ngồi nhâm nhi ly la de trong một cái quán nhỏ, có nhạc, có một vài em chiêu đãi lượn đi lượn lại trước mặt và thỉnh thoảng uống một bữa thật say cho hả như đêm nay...

2

Tôi, năm nay hai mươi tám tuổi, một vợ bốn con. Tôi mới

nhập trại bốn tháng nay, nhưng chưa tập gì cả vì còn nằm trong bệnh xá. Tôi thuộc lớp tuổi quân dịch. Tôi đang đi làm. Tôi là biên tập viên của một tờ báo nguyệt san. Cả gia đình đều trông vào số lương hàng tháng của tôi. Nhưng tôi vẫn đi. Vì nhiệm vụ của người trai mà. Thú thật, lúc đầu, tôi không muốn đi chút nào hết. Rồi vợ con tôi sẽ ra sao ? Tôi muốn đi Thủ Đức nhưng với mảnh bằng Trung Học làm sao đi được. Cho tới bây giờ tôi vẫn chưa được lãnh lương, nhưng vợ con tôi vẫn sống đầy đủ. Thật đúng như các cụ đã nói : « Trời sinh voi, trời sinh cỏ ». Chẳng chết ai hết. Khi nào tới lãnh rappel thì phải biết, tha hồ mà mua sắm. Nhưng cũng phải trả nợ nữa. Trong lúc bị nhập trại, vợ tôi ở nhà phải đi vay mượn bà con, bạn bè. Mỗi tuần tôi được về thăm nhà vào ngày chủ nhật, thế là vui rồi. Một tháng đầu, nằm trong trại, thật là buồn. Nhớ vợ, nhớ con, nhớ bạn bè, nhớ la de, nhớ đủ thứ và buồn đủ thứ. Nhưng khi được

về phép, điều ngạc nhiên hết sức là thấy thằng con trai đầu lòng đã đọc được báo. Tôi thấy nó cầm tờ báo, ê a đọc lớn tiếng : « Quân ta bao vây a, quân địch a, trong vùng Tam Giác Sắt a, nơi máy bay a, B 52 a, mới ném hàng trăm tấn bom a, xuống đó a... ». Trời, tôi trợn mắt, tim đập mạnh, mắt rung rung lệ. Mới một tháng trời xa cách đó. Một biến chuyển lớn. Tôi ôm ghì thằng nhỏ trong lòng, hôn hít nó. Tương lai của vợ chồng tôi đó. Giòng giới của tôi đó. Nó sẽ là tôi của mấy chục năm sau rồi giống giống cứ kế tiếp liên tục. Thằng nhỏ đầu có biết tôi đang nghĩ gì, nó kêu toáng lên : « Bố ghì con đau quá, bố ! ». Tôi cười khi dặt nó ra tiệt kem, bao nó một châu, mua thêm mấy chiếc nữa, nhờ cô chủ quán gói vào túi nylon rồi biếu thằng nhỏ về trước. Tôi muốn đi uống lade một bữa cho đã. Và tuần nào cũng như tuần nào, khi màn đêm của chiều thứ bảy buông xuống, tôi lại tới đây ngồi uống...

Dùng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/B.Y.T./DPDC.

Dùng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/B.Y.T./DPDC.

3

Tôi năm nay ba mươi sáu tuổi, chưa vợ và chưa có người yêu. Kể ra thì có đủ cả hai thứ rồi nhưng là của những năm về trước. Lấy vợ rồi bằng lòng cả hai xa nhau. Người yêu, chỉ là những mối tình tạm bợ trong ít lâu rồi quay lưng không luyến tiếc. Cả hai. Chưa có mối tình lớn nào. Ba mươi sáu tuổi, còn trẻ hay là sắp già? Ôi thôi, chuyện đó bỏ, chỉ biết đang sống độc thân đây. Ai bảo sống độc thân là khổ? Không! Độc thân sướng lắm chứ! Tôi muốn về nhà vào giờ nào cũng được, 7g, 8g, 10g, hay 12g đêm cũng được hết. Có ai cần nhần tôi đâu. Mở cửa, bật đèn chỉ có chiếc bàn, chiếc giường im lặng chờ đợi. Nhưng tôi vẫn thích. Tôi mới đi uống về. Dư âm của những lời tán gẫu với các em hãy còn văng vẳng và tôi ngủ ngon. Để chờ một ngày mới, như vậy.

Đã có một thời gian tôi ở trong quân đội, vào lúc tuổi đôi mươi. Tôi chiến đấu để bảo vệ quê hương yêu dấu. Nhờ cuộc

kháng chiến, tôi đã biết thế nào là «nhà quê», là người nông dân chất phác. Nhờ kháng chiến, tôi được biết rất nhiều khoảng đất trời, mà hồi trước, tôi chỉ biết qua sách vở học trò.

Nhưng tôi đã bị phản bội. Cũng như các bạn bè tôi bị phản bội. Tại sao lại «giai cấp đấu tranh» nhỉ? Tôi là «thanh niên trí thức tiểu tư sản thành thị» ư? Tôi lại kiêm «địa chủ» nữa ư? Với mấy mẫu ruộng cha mẹ tôi chia cho, mà tôi chẳng biết vất vả gì ra sao. Hình vuông, hình chữ nhật, hình thang? Nó nằm chỗ nào nơi làng tôi? Ai là người lãnh cấy ruộng của tôi? Hạt thóc của những thửa ruộng đó ra sao? Tôi đi kháng chiến mà tôi bị kết tội như vậy. Chúng khơi niềm căm thù giữa người và người. Người trong gia đình lối xóm trong làng chúng rêu rao giải phóng con người nhưng giải phóng kiểu gì mà vợ rình chồng con rình cha mẹ, chờ đợi một sự phát ngôn vô ý để đi báo cáo, tâng công để cho chính người thân của mình phải bị khổ sở, có khi

mất mạng. Giải phóng con người cái gì mà chính con người lại bị coi như một cái máy, còn khổ hơn cái máy vì con người còn có tư tưởng mà cái tư tưởng đó không được thả lỏng. Chỉ biết nghe. Chỉ biết hùng hục làm. Tôi đâu có phải là con vật. Tôi đâu có phải là cái máy. Tôi bỏ về. Và tôi vào đây.

Tôi đang có một cái ham muốn lớn. Được dự các cuộc hành quân. Để tai nghe, mắt thấy. Tôi muốn tôi là một cái máy chụp hình, một cái máy ghi âm. Tôi thu hết hình ảnh của chiến trường, tôi ghi nhận mọi tiếng động của phi cơ, của xe tank, của tiếng đạn đại bác, tiếng đạn của loại súng liên thanh, súng trường. Tôi sẽ ghi từng nét mặt kiêu hùng của các người lính đang dăm dăm chĩa súng ngắm địch để hạ từng tên địch. Tôi muốn thu những tiếng cười hóm hờ khoái trá của người chiến binh khi đi thu dọn chiến trường, đếm chiến lợi phẩm và tác quân thù. Nhưng tôi không có điều kiện để hoàn thành cái mộng ước đó. Đành để dành cho những

người bạn khác, may mắn hơn. Và những giờ nhàn rỗi còn lại của tôi, tôi dành cho cái sở thích riêng tư của chính tôi. Lade là bạn tôi. Và các cô chiêu đãi là những cánh bướm màu sắc sặc sỡ bay lượn trong không gian pha trộn khói thuốc và hơi rượu. Hôm nào tôi cũng uống. Và thỉnh thoảng cũng thêm một bữa say. Như đêm nay...

4

Từng bước từng bước thăm
Hoa vòng rừng tuyết trắng
Rặng thông già lặng câm
Em yêu gì xa vắng
Từng bước từng bước thăm
Mưa giăng mùa tháng năm
Tay đan sầu kỷ niệm
Gió rét về lạnh căm
Từng bước chân âm thầm
Anh yêu tình nở muộn
Chiều tìm mẫu mền thương
Mắt bế sầu lặng đọng
Đèn thấp mờ bóng đêm
Từng bước từng bước thăm

Phân phối bởi

NEUROTONIC

BỔ CƯỜNG TRÍ NHỚ

575 ĐYT 20-11-89

Đúng midol

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

575/ĐYT/ĐPDC

*Khi người yêu không đến
Tuổi xanh buồn lặng câm
Đi trong chiều mưa hoang
Đời hết ai thương mình.*

Hoàng đang mơ màng theo bản nhạc mà anh thích thì giật mình vì tiếng nói lớn của Nhân:

— Cái bác này uống đi chứ, ngồi nghe hoài!

Hoàng cười:

— Tôi uống. Tôi đâu có ngán. Nhưng bản nhạc này tên gì nhỉ?

Hoài lên tiếng:

— Tôi thấy cậu hỏi mấy lần rồi mà không nhớ sao?

— Ờ, mình hay quên quá. Chỉ nhớ có câu *khi người yêu không đến*.

Nhân bước vào chỗ để đàn đĩa, lục tìm cái vỏ mang ra:

— Đây bạn. Đọc đi. Những bước chân âm thầm.

Hoàng nói nhỏ:

— Những bước chân âm thầm. Khi người yêu không đến thật là buồn. Tôi ghét nhất những người hẹn mà không đến. Thà đừng hẹn. Để rồi thắc mắc, chờ đợi. Khi mà thì giờ.

Nhân xua tay:

— Tôi hỏi chuyện đó bỏ đi, đừng nói tới nữa. Chính tôi cũng ghét nhất cái lối hẹn đó. Mình đừng nên hẹn với ai hết, có bao nhiêu tiền, cứ ăn uống cho no say rồi về ngủ là sướng nhất. Đừng giữ kỷ để làm giàu. Có ai giàu như vua Ngô không? *Vua Ngô ba mươi sáu lần uống. Chết xuống âm phủ chẳng mang được gì. Chưa chớm uống rượu thì*.

Chết xuống âm phủ chẳng kèm gì vua Ngô.

Cả ba người cười xòa.

— Hôm nay chúng mình phải uống một bữa cho ra gì mới được. Nhân nói. Mình mới đi hành quân về xong.

Hoài kêu lên:

— Thế à? Vậy thì uống. Mình còn cả một ngày mai chủ nhật để ở nhà hủ hỉ với vợ con. Sáng thứ hai mới phải tỉnh diện trong bệnh xá.

— Còn tôi thì thế nào cũng được. Uống vừa đủ hay uống thật say cũng vậy thôi. Nhưng hôm nay thì chúng mình cũng nên uống say.

Khỏi, những chai 33 được các em khui kêu bôm bốp. Khỏi nước vàng lóng lánh trong ly. Khỏi thuốc lá quện bay tỏa trong căn phòng mờ mờ ánh sáng màu xanh. Nhạc dịu dịu: *Ngoài hiên giọt mưa thu thánh thót rơi. Trời lặng u buồn mây hắt hiu ngừng trôi...*

— Nếu không có bản Giọt Mưa Thu thì chưa chắc đã có ai biết đến Đặng Thế Phong. Nhân nói.

— Như Gauguin đó, lúc sống thì đói rách, tranh chẳng ai mua rồi thân đã tan rã thành cát, ai ai cũng nói tới ông ta, giá tiền tấm tranh cũng mắc kinh khủng. Hoài tiếp.

— Như Lê Văn Trương đó, lúc sống chẳng ai nói, lúc chết rồi, nào bài viết về cá nhân ông ta, những ngày quen biết với

ông ta cái tài của ông ta. Làm như mình được hân hạnh lắm, mới được biết ông ta. Nhưng, nếu ông ấy còn sống, thì họ chạy tét, vì sợ ông nhờ vả này nọ vì ông bệnh tật, thiếu thốn. Hoàng nổi lời.

Nhân lắng giọng:

— Vì thế, tôi quý nhất là tình bạn hiện tại. Nếu mình mất vợ mình lấy vợ khác. Mình mất con mình sẽ có con khác. Nhưng nếu mất tình bạn thì không sao kiếm được một thứ tình bạn khác. Các bác có nhận thấy như thế không?

Hoài cười:

— Tay này quan niệm theo biện chứng mác-xít quá.

— Bỏ, bỏ. Nhưng tôi hỏi các bác như vậy có đúng không?

Hoàng gật gù:

— Phải, phải.

Nhân hỏi tiếp:

— Tôi lại hỏi thêm hai bác câu này nữa nhé. Các bác có gặp một thằng nhảy dù nào như tôi, trong tình bạn, mà hơn tôi không?

Cả Hoài và Hoàng đều lắc đầu nhanh. Đúng thật như vậy. Cả hai đều quen rất nhiều, nhưng giữa tình bạn của bộ ba này khác biệt hẳn. Cả ba đều biết tính tình nhau, những khao khát, những ước vọng, đều tỏ lộ cho nhau nghe. Mỗi người một đường đi, nhưng nhất định mỗi

tuần phải gặp nhau. Đề hàn huyên, đề nhìn nhau cười nói. Đề thấy nhau vẫn mạnh giỏi và đề rồi cùng nhau uống cho say. Cho quên hết sự mệt mỏi trong công việc của một tuần vừa trôi qua.

Dưới gầm bàn, vỏ chai chắt đông. Hơi men dâng lên hưng hực nóng. Hoàng nhìn đồng hồ. 11 giờ 30, chỉ còn nửa tiếng nữa là tới giờ thiết quân luật. Nhân ở lại. Hoài nhà gần đó. Chỉ có anh là phải về xa.

— Thôi mình về trước kẻo muộn. Hoàng lên tiếng. Hôm nay hơi say đây.

— Ờ, mình cũng về, say rồi. Hoài nói theo.

— Tùy các cậu, nếu thấy cần về. Tôi cũng thấy hơi choáng váng. Nhân tiếp. Thứ bảy tới chứ?

— Sao lại không, Hoàng đáp.

— Chẳng lẽ tôi lại đi ngủ sớm vào một chiều thứ bảy hay sao?

Hoài cười. Có mà điên.

Cả ba bước chập chững ra cửa.

Những bóng đèn hắt xuống đường lấp lánh ánh nước đọng. Một chiếc xe lambretta chạy tới. Hoài dơ tay vẫy. Hoàng bước lên. Nhân đứng sững như theo.

— Bye! Bye! Bye!

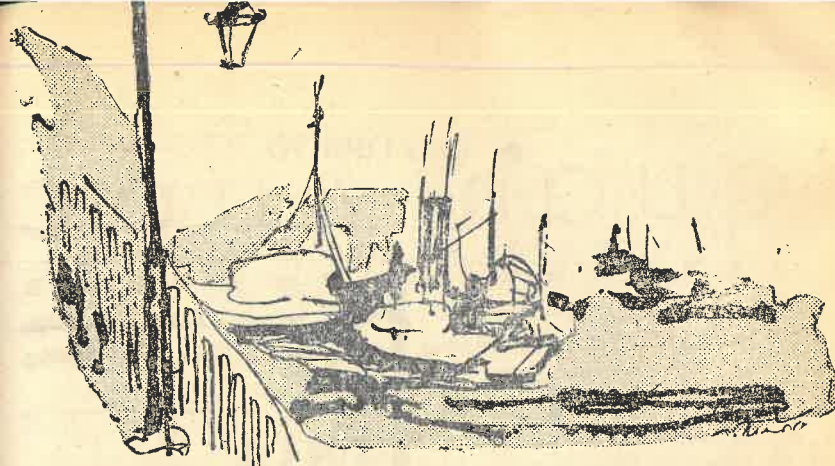
Ba tiếng nói vang lên, hòa theo tiếng động cơ nổ của chiếc xe ba bánh...

quán nước

cùng ghi lại ngày họp mặt giữa : Nguyễn Vương, Trần Tuấn Kiệt,
Lê Ngọc Tuấn, Tống Minh Phụng, Nguyễn Thành Phát, Mạc Tường

Một mái tranh, một chiếc quán nghèo
Xóm yên cây ngủ gió dịu hiu
Phất phơ mây trắng vờn trên mắt
Tóc chảy lưng đồi buồn bao nhiêu
Ở đây đường sá lên màu đỏ
Nư máu tim anh rải giữa đường
Nư tấm lòng anh trên môi nhỏ
Nư lòng cô quán ở quê hương
Ở đây ta nhớ về quê ngoại
Bến ấy dò xưa nước chảy hoài
Con đường vắng khách mười năm cũ
Làn dân trông trời thiếu gió mây

Về đâu ta lại ngồi đây
Ngồi trông trời đất đổi xoay luân hồi
Ngồi đây ngó ánh gương soi
Đời như mái rạ dưới trời gió mưa
Trăm năm gió trở xoay mùa
Có hàng hiu quanh ngọn dừa phất phơ
Hôn mái tóc còn ngờ ai lạ
Đời là đâu đời ngả chiêm bao
Đi hoài đi mãi về đâu
Đi hoài đi mãi đến cầu âm dương



Đời thế đó, đời nguồn vui sướng
Nhậu cho say vất vưởng bên đường
Ngày mai rồi cũng gió sương
Biết em còn có má hường hôm nay
Tin chiến trận gió xoay lòng lốc
Cõi đời nghe dễ khóc canh dài
Lòng buồn gởi với trời Tây
Có con chim én lạc bầy kêu thương
Có chim tha cỏ rơm làm ổ
Mà con người Đất Tổ nơi đâu ?
Quê hương năm tháng thay màu
Ngậm ngùi thế sự biết bao nhiêu tình
Có đã đi thì mình cũng bước
Cuộc đời như quán nước bên đường
Mỗi người về đến một phương
Kẻ xa đồng nội kẻ phương phố vui
Kẻ lẩn thân giữa luân hồi
Kẻ im lìm đứng bên trời đá gieo
Mặc thế cuộc gió vèo thay đổi
Mặc tháng ngày xốc hối liên tai
Ta đi ôm quả tim này
Về chung phố thị, vui vầy có nhau

Tân-Quí-Đong ngày 21-11-1965

CÁ LIA THIA

Ở Miền Nam Việt Nam thú vui tao nhã cho người lớn và trẻ em là thú Đá Cá, Đá Gà, Đá Dế. v.v... Nhưng, chỉ có những người ham mê cờ bạc, gây ăn thua bằng tiền bạc, lại sanh ra lắm nánh khoe lừa đảo tinh vi, vì thế thú vui tao nhã và kiêu hùng trở thành trò gian lận, mất ánh cách tinh thần thượng võ.

Các loại cá Lia-Thia

a) *Cá mang đỏ* : Ở miền Tiền giang, miền Đông Nam phần cá lia thia ta mang đỏ,

nhỏ con. Lúc tự nhiên, màu da cá hơi xanh lục hoặc vàng vàng, điểm vài vẩy ứng xanh, trên vĩ kỳ và chót đuôi có màu đỏ hay tím lợt. Con nào hơi sậm màu gọi là cá da trâu, con nào lợt hơn gọi là cá da Bò đề chỉ hai loại cá kể trên. Những lúc hai con cá Lia thia Trống gặp nhau, chúng «xùng» lên màu sắc bỗng biến đổi, vẩy xanh sậm như màu ve chai, đôi khi còn đậm hơn gần như đen, đôi mắt sáng rực, lóe hào quang, vĩ kỳ đuôi, so đũa ứng màu xanh lục lóng lánh các chỗ nào đỏ thì trở nên đỏ rực hay tím lợt rất tươi.

Khi thua, cá lia-thia tự nhiên xuống nước, mất hết cả màu mè, lưng nổi lên vài ba sọc xanh xanh còn thì trắng hay vàng vàng. Do đó mà ta có tiếng lóng «Sọc rắng», hoặc «Sọc dưa» hay «Xuống nước» để ám chỉ những ai thua kém.

b) *Cá mang xanh* : Ở Hậu giang cá Lia thia ta có Mang màu xanh, khác với cá Lia thia Tiền giang. Thân cá cũng ứng màu xanh đen, đầu vĩ kỳ, chót đuôi và so đũa cũng có màu đỏ hay tím lợt. Khi đá, màu cũng trở xanh hơn và lóng lánh vẩy ứng bạc, màu đỏ cũng rất tươi nhưng khi thua thì cũng «Sọc rắng» hay «Xuống nước».

Cá Mang đỏ không dám cấp với cá mang xanh vì cá mang xanh mạnh hơn nhiều.

c) *Cá Lia thia Phướng* : Lia thia Phướng to con hơn cá ta màu ứng hồng hay tím lợt từ vẩy vĩ kỳ so đũa và chót đuôi thì đỏ hơn. Chẳng những lớn vóc mà cũng to cả vĩ kỳ nên lúc đá chúng quật đuôi rất mạnh,

nếu đá với cá ta thì bị quật tấp vào thành chai, lọ cũng đủ thua còn hơi sức đâu mà đỡ gạt, còn nếu đá đồng sức cá Phướng sẽ thua, thành ra để nuôi mà chơi.

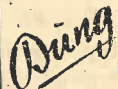
d) *Cá Xiêm* : Lia thia Xiêm có lẽ là gốc ở Xiêm nhập cảng qua xứ ta. To con, mau xanh đậm, nhìn thoáng qua như là đen. Khi «Xùng» vẩy ứng màu xanh lục, lóng lánh sáng bạc. Đuôi, so đũa, vĩ kỳ cân đối và lớn vừa phải chớ không quá to như cá Lia thia Phướng.

e) *Cá Xiêm lát* : Cá Xiêm lại là cá Xiêm mái «ép» với cá ta trông hay ngược lại.

Những người chuyên môn Càng cá, dùng mảnh khốe lái cá nhiều đời, tạo một lớp cá lai giống như cá Rặt, nhờ thế khi đá thường thắng cá ta hơn. Do đó, muốn cấp độ đá cá, phải là một tay nhà nghề mới khỏi bị lừa bịp.

CÀNG CÁ

Càng cá là nuôi cho cá đề rồi nuôi lớn để bán lại cho


midol

tri các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1350/BYT/DPDC

những nhà chuyên chơi cá đá độ hay các tay tài tử mua về làm cảnh trong nhà.

Nhiều người nhờ Càng cá mà làm giàu. Mời các bạn quá bộ lại góc đường Hàm Nghi và Tôn Thất Đạm hay trong các ngõ hẻm ở đường Đồng Khánh của Đô thành Saigon thì thấy người ta bán rất nhiều cá Lia-thia, ta có thể hình dung được sự phát đạt của nghề nuôi và bán cá.

Tài tình thật, họ Càng được đủ loại cá. Từ con cá *lta-thia-Tàu* đen đỏ vàng, bạc đủ màu với con mắt ốc bươu lội đi tha-thướt đến các con cá *Hòa-lan* bé tí teo.

Họ lựa những con cá mái nào có chứa, bụng no tròn, bắt nuôi riêng trong một ve keo, đoạn cho một con cá trống nào mà họ chọn lựa, để kê bên vại ba ngày cho anh chị quen biết nhau, tròng liết nhau, rồi sau đó mới thả chung vào một lọ. Hai anh chị trước còn cự nự cắn nhau tí tí, nhưng vài ba bữa lại khấn khít với nhau. Rồi một ngày nào đó chị cá mới đẻ cho

anh cá « Ép ».

Thời gian hai anh chị được nhau gọi là « Trứng mái », đến chừng nhận thấy triệu chứng trứng đã già thì anh cá trống ép cho chị đẻ. Cá trống uốn cong mình dưới bụng cá mái, ép sát vào bụng, trong lúc ấy trứng từ trong bụng cá mái đẻ ra, trứng nào nổi liền thì thôi, còn trứng nào chìm một phút sau cá trống sẽ hóp đem lên trên bọt nhả vào đó. trứng không chìm nữa. Để một ngày một đêm, chị cá sẽ đẻ làm ba lần, tất cả lối 150 tới 200 trứng. Khi cá mái hết đẻ, cá trống không còn kè tình « Tắm mần » nữa, trằng tay đuôi xua chị cá mái đi đâu thì đi để cho anh một mình « cá trống nuôi con ». Người cang phải vớt cá mái ra, còn con cá trống trong suốt thời kỳ nuôi con, chờ con nở, thỉnh thoảng có trứng nào chìm hoặc cá mới nở chìm chơi-với thì anh ta lập tức hóp ngay và nhả lên trên bọt. Có quan sát kỹ ta mới thấy tình Phụ-tử thiêng-liêng, cá trống thả nhin dõi không dám ăn, vì sợ ăn lầm

con của nó. Nếu ta thả vào vại con tròng chỉ thì cá ta dám ăn vì nó khác biệt với các con, còn bỏ vào vại con lẫn-quần thì không chịu ăn, và lẫn quần còn có thể cắn chết cá con là khác.

Thường thường phải thả cá trống và trứng cá vào một cái bồn, hay hồ rộng, để ít nước thôi độ một tấc, và để chỗ nào khuất gió và ít ánh sáng Độ 5 tới 7 hôm, cá con đã sồi lội qua lại được, cá trống mừng vui thấy rõ, luôn luôn lội theo quanh các con tuần phòng cẩn mật. Lúc ấy những nhà cang cá sẽ tìm thức ăn cho cá con ăn, và thường thường họ dấu nghề, không cho ai biết. Có thể thả lẫn quần thật nhỏ, mới nở, hoặc bột mì trộn tròng đỏ hột gà nhồi một cục phơi khô rồi cạo nhỏ rắc vào cho cá ăn. Cá con thường khó nuôi, cang hai ba đờ chỉ nuôi được một, đó là nói loại tài tử trở nghề cang cá chó nhà chuyên môn thì ở nào cũng được cả bầy.

Khi cá lớn, các con mái thường đi riêng còn các con trống lội theo cá cha và học cách « Phụng mang trợn đẻ ». Lúc qu. t đuôi, lúc uốn lượn rập rờn theo các động tác của Cha trông rất

đẹp mắt.

Khi cá đã trở mả nghĩa là có màu sắc phân biệt, người ta có thể vớt ra nuôi riêng. Những con cá một cha một mẹ thường không chịu đá nhau, nếu đá chỉ đá sơ sơ không thật tình như khác đờ. Cá hót một chỗ cũng thế, chúng có thể đá nhau cả ngày không phân biệt hơn thua hoặc đá vài ba phút là bỏ cuộc.

Hót cá Lia thia

Ở Thủ đầu Một, có nhiều nơi sản xuất cá Lia thia rất hay. Đến mùa mưa lối tháng 7 âm lịch, mưa nhiều, khắp đồng ruộng đều nổi nước, cá lia thia không rõ đã trốn đâu trong suốt mùa nắng ráo, lại thấy xuất hiện. Người đi hót cá lia thia dùng một cái rổ nhỏ lối 20 phân trục kính, đi theo bờ ruộng, đường mương, bờ ao, đầm v.v... tìm bọt cá lia thia để hót. Mỗi con cá trống dờ có đôi bạn hay không đều chịu khó đóng một cái bọt. Chúng hóp hơi rồi thổi thành bong bóng nhỏ nhỏ, chum miệng nhả ra từng cái bọt bé tí teo và không bị tan vỡ lại đóng khít vào nhau trông rất đẹp. Dưới bọt ấy là chú cá lia thia làm tổ ấm. Điều đặc biệt, dù có

NEUROTONIC

Bổ óc
Tăng cường trí não

375 BVT 20-11-65

đôi bạn hay không và đi ăn ở nơi đâu cũng nhớ bọt mà về không hề đi lộn.

Đôi khi những chàng lia thia cũng dám xâm nhập gia cư bất hợp pháp, tìm Gia chủ gạ «Đánh nhau», nếu thua thì bỏ chạy về nhà, còn được thì chiếm luôn bọt, kể cả những bà nội trợ của kẻ chiến bại, và chắc chắn các bà xả ở nhà cũng bị bỏ quên.

Căn cứ vào bọt cá, nếu đóng lâu, bọt trở thành màu vàng ngà ngà, nếu nước có phèn thì vàng đậm hay giống rỉ sắt (sét) mỗi ngày mỗi bồi đắp nên bọt càng lâu càng dày và báo trước đó là cá mạnh k'òe và to con. Khi gặp bọt, dùng rờ hay tay không, bắt từ ngoài hót vô, sẽ thấy cá nằm trong rờ hay trong bụm tay, và ta phân biệt được ngay cá mái nếu có, lợt lạt không màu sắc còn cá trống, đậm hơn. Nhớ nên hót cá vào tảng sáng sớm, trưa nắng hay chiều tối thì mấy chú cá có ở nhà, còn không thì ngao du dã ngoại.

Hót mỗi con cho vào một cái lá khoai môn, lá môn nước, môn ngọt hoặc lá sen, cho vào một ít nước rồi túm lại riêng từng

con, nếu đề chung chúng sẽ đá ngay trong dùm lá môn bé tí ấy, dăm trầy vì tróc vảy hết. Nếu không có lá khoai môn thì cho vào một cái chai miệng rộng và cũng cho vào ít nước mà thôi.

CÁC ĐỊA PHƯƠNG CÓ CÁ HAY

Ở Thủ Dầu Một cá quận Bến cát là cá hay, ở Bà Rịa thì tại Dinh Cố. Nhưng cá địa phương nào thì nuôi ở địa phương ấy tốt hơn. Nếu cá ở Bà Rịa mà đem về Thủ Dầu Một nuôi thường bị «Rỉ nước» khi cấp đ, đá vài ba đòn là bỏ cuộc ngay.

BUNG ÔNG HỒ: ở Bến cát, đi theo tỉnh lộ 21 về phía Minh-Thạnh, đi độ bảy tám cây số rẽ về tay trái, thuộc tả ngạn Rạch Thị-Tính, Xã Long-quyên, xóm Sa-Thiêm, có một cái BUNG gọi là Bung-Ông-Hồ. Cá Lia thia ở đây rất nổi tiếng.

Đến mùa cá ngày nào cũng có vài ba người chiêu cổ đến vùng này để đem về nuôi và đá độ. Đó là nói những năm trước 1945 hiện nay thì không còn ai chơi cá cảm tử như thế nữa.

(kỳ sau tiếp)



• TRUYỆN DÀI •

★ Trần-Quán-Kiệt

(tiếp theo P.T 161)

D UNG im lặng nhìn ngôi mộ người bạn của chồng mình lần chót, và yên lòng trở về căn nhà nàng mới mua. Nàng muốn đi khỏi nơi xảy ra chuyện bất ngờ quá đau đớn vừa rồi. Căn nhà ở ngoại ô, bên cầu chữ Y, và nàng sửa soạn báo tin cho Triệu biết chuyện vừa xảy ra đó.

CHƯƠNG II ĐÊM CUỒNG NHIỆT

Triệu nhảy xuống xe đạp, nhìn hai bên đường. Bây giờ đêm đã tràn ngập, chàng qua khỏi một đoạn đường rất nguy hiểm, mấy lần tiếng súng của địch phục kích bắn xối xả vào xe, nhưng Triệu rất tin ở số mệnh. Nhất là lúc chiến đấu ngoài trận địa. Súng đạn vèo vèo như mắc cửi mà chàng vẫn chẳng hề chi. Chàng thăm nghĩ, có lẽ mình chưa đến số. Vì thế mà nghe vợ báo hung tin, chàng đã vượt qua hàng mấy trăm cây số, một mình về tìm nàng.

Ánh điện bật sáng soi từng khu phố đông. Người đi lại như những cái bóng. Triệu mong tìm gặp người quen. Nhưng từ lâu chàng nhập ngũ. Nét mặt xạm nắng, vàng trán hơi nhăn, khiến ít ai

nhìn ra gương mặt thông thái thuở nào. Điệu nhạc lóc lên. Triệu mới sực nhớ lại đây là khu phố ăn chơi. Từ rừng núi về tới thành thị, Triệu vừa bắt được dây mấy nhà san sát cạnh nhau trong thành phố này chàng đã cảm thấy ấm cúng vô cùng. Nhưng nơi vợ chàng ở chàng chưa thể tìm ra được.

Lòng Triệu băng khuâng. Dường như ở nơi đông đảo này Triệu càng thấy mình cô đơn hơn lúc nào hết. Chàng đã quen với kèm lẹp và súng đạn trong các buổi đóng trại, những phút xông pha dự chiến.

Giờ đây xa lạ tất cả. Triệu cảm thấy buồn tê tái. Chàng cúi mặt nhìn xuống đường, trong một phút hình ảnh vợ con chàng hiện ra. Chắc cũng đang đầm ấm. Chúng đang tươi vui và không thể ngờ chàng về hôm nay. Chàng không muốn về nhà ngay. Chàng lúi vào một nhà hàng trước mặt. Chưa ngồi hẳn xuống bàn, Triệu đã hoang mang về một hình bóng thật quen thuộc, nhưng quá dỗi lòng lấy hiện lên trước bậc gỗ.

— Hoan nghênh nữ ca sĩ đi anh em!

Một người thanh niên già ngồi bên, cạnh chàng hét lên. Và một đám khác, những khách ăn chơi có vẻ nửa sang trọng, nửa đàn điểm cùng nhau nhau, vỗ tay ầm ầm cả lên;

— Hoa khôi hí trường!

— Nữ ca sĩ đẹp nhất!

— Con chim họa mi của nền trời nghệ thuật!

Bao nhiêu tiếng la hét tán dương sôi nổi uyên não của nơi này bốc thành từng luồng bão táp của thứ tình cảm đen tối hắc ám khiến Triệu muốn nôn mửa.

Nhưng rõ thật nàng là một người đẹp. Màu hồng trên sân khấu càng khiến nhan sắc của nàng huyền bí hơn, môi nàng nở hồng mấp máy như muốn nuốt hết tất cả quả tim si tình của khách trong một nụ cười tình.

Bỗng một người khách già đứng bật lên, điệu bộ rất cụ thể nhưng ông ta cố làm vẻ sành điệu lắm:

— Này... yêu cầu cô em cho nghe một khúc tân kỳ. Khách già theo:

— Một khúc em là người yêu của anh.

— Không hay! một bản đàn lòng di!

— Bản đàn người yêu tôi đi!

Một ông khách cắt cớ:

— Bản tình già đi! có không cô!

Trước mọi lời la hét, nàng đã nghe choáng váng! cổ trần tỉnh. Nàng nhón miệng cười và nói:

— Em xin hiến quý khách bản *Tàu về không bến*.

— Bản con thuyền không bến chứ!

— Không! đây là bản đàn riêng của chúng tôi không phải bản *Con Thuyền Không Bến* đâu!

— Còn bản nào *Tàu cập bến*?

Trăm ngàn tiếng cười bắn ra sần sặc, rít lên như cưa kéo. Sự cuồng nhiệt như một tổ ong không lờ.

Triệu bật tức dấm tay xuống bàn; la lớn lên:

— Hát đi, ca đi đừng la hét om sòm nữa.

Mọi người quắc mắt ngó chàng hậm hực, mấy tay cao bồi định nhảy sỏ tới dấm mấy phát vào mặt chàng. Nhưng khi nhìn thấy gương mặt chai sạm, bên sườn mang khâu Colt và boa-nha sáng ngời, chúng mới ngồi yên nhìn chàng.

Trên sân khấu, người ca sĩ đảo mắt nhanh nhìn về chàng, dường như có một sự quen thuộc nào đó khiến nàng nhìn không chớp. Và ông khách già ở xa bất bình cắn nhai:

— Hát đi, sao giới thiệu hát rồi lại im bật thế?

Ở bên trong, hậu trường. Người chủ quán thúc:

— Kìa Huyền Nga, em làm cho khách nóng ruột đấy.

Huyền Nga xoay lại:

— Họ nóng thời họ càng mê-mệt chứ sao?

Người chủ quán lấy làm lạ, tại sao hôm nay Huyền Nga lại nói với giọng vậy.

Ít khi nào Huyền Nga lại nói với giọng khiêm nhã như thế. Và câu trả lời thấm thía một niềm đau xót với mùa mai,

— Huyền Nga nữ ca sĩ, sao im lặng thế?

— Hoa hậu hôm nay khó chịu vậy?

— Hát đi hát đi, tôi phá quán bây giờ.

Bấy giờ nàng mới ra dấu cho đàn nhạc, một tiếng kèn lóc lẻo, tê-tái như một cơn gió lốc thổi buốt tê lòng. Nàng bắt đầu hát lên, lời hát vương cao, lúc trầm như nước mây mờ mịt:

*Trên dòng sông vắng, Con thuyền lặng trôi
Không biết thuyền trôi xuôi. Hay là về ngược
Mà sao mắt ai sầu, Giữa đêm dài giá buốt
Con thuyền trôi về đâu, Bên xưa ai chờ đợi
Con thuyền còn trôi nổi Giữa muôn đợt sóng gào
Con thuyền về đâu, Không còn bến cũ
Thuyền về không bến, Con thuyền lại trôi đi...*

Tiếng hát càng phút càng dăm đuối càng kêu gọi nhớ nhung, càng gây xao xuyến những tâm hồn đã nhiều sương gió ở đời... Triệu cúi mặt lắng nghe như một lời tâm sự của người ca sĩ gửi về ai. Chàng chợt thở dài và chờ đợi đến lúc tàn đêm...

(còn nữa)

Xổ Số Kiến-Thiết Quốc-Gia
Giúp đồng bào ta làm nên cửa nhà

3 LÔ ĐỘC - ĐẮC

1.000.000\$

BÁN GIÁ CHÍNH THỨC:

9\$60 : CHO NGƯỜI BÁN LẺ

10\$: CHO NGƯỜI TIÊU THỤ

TẠI : TỔNG NHA NGÂN-KHỐ

TỔNG NHA THUẾ-VỤ

SỞ XỔ SỐ KIẾN-THIẾT



★ **Cô Nguyễn Thanh Tâm**

Nữ Sinh viên, 62 rue du Bac, Paris 7e

...Được một bức thư, mừng quá, không cần nhìn kỹ thơ gì tôi vội xé ra xem. À ra Ban Chấp Hành Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam Ba-Lê khóa 1964-65 vừa mãn nhiệm kỳ, họ kêu mình đi bầu đây.

Mình nghe phong phanh có liên danh của anh Nguyễn gia Kiêng, gọi nôm na là nhóm *prépara* (*préparation aux grandes Ecoles*) có chương trình làm việc và đã phân công cho nhau xong rồi. Lại nghe có một liên danh khác mới ra đời do nhóm anh chị em sinh viên ở Foyer Lutèce và Foyer Saint Jacques mà đứng đầu là anh Lê tất Thiện, xem ra cũng hấp dẫn lắm. Nhìn kỹ giấy mời, ngày thứ hai 1-11-65, nhằm Toussaint vào 15 h. Thôi được, ráng đi ủng hộ tinh thần anh chị em một phen gọi là « đoàn kết. »

Ngày 1-11-65

Cách Mátro Saint Germain-des-Prés chừng 50 thước, ở đường Rue de Rennes số 44 trước một immeuble hơi cổ, trên vỉa hè, một vài sinh viên đang đứng bàn tán trong khi những người khác, từ nhóm hay đơn độc lần lượt đi vào. Tôi theo chân họ, vừa qua ngưỡng cửa, vào cái hall rộng, tôi thấy trên tường đề một dọc thoi là dài không biết bao nhiêu trường mà nói. Nào là *Ecole des Hautes Etudes Sociales, Ecole des Hautes Etudes Internationales, Ecole Supérieure de Journalisme, Ecole de Secrétariat v.v...* và v.v... Chưa kịp đọc hết, một anh trong Ban Trật-tự đã lại vui vẻ mời tôi lên lầu vào phòng họp vì đã đến giờ rồi.

Trên một khoảng trống chỗ khúc quanh của cầu thang có hai anh chị ngồi sau một bàn to đầy cả giấy bầu và các

bàn chương trình hoạt động của liên danh Nguyễn gia Kiềng. Tay tôi thủ sẵn tấm carte d'étudiant để khi bị hỏi thì trình ra ngay, nhưng anh ngồi sau bàn vui vẻ chào tôi và quay lại chỉ bạn bảo đưa cho tôi lá phiếu. Một nụ cười tươi tắn nở trên môi, chỉ lấy đưa cho tôi. Vừa cầm lấy chưa kịp nói cảm ơn, tôi đã bị đẩy lên mấy cấp bậc thang lầu vì làn sóng người phía sau, định bụng lúc ra về sẽ cảm ơn chị ấy, tôi vào phòng họp.

Trên estrade, ngồi sau một bàn dài lớn trải nắp bàn xanh, 3 đại diện Ban Chấp Hành cũ đang trả lời các câu chất vấn. Quang cảnh có vẻ sôi nổi tuy sinh viên đi bầu không được đông lắm so với năm vừa qua. Chị Suơng thấy tôi đứng nhìn quanh có vẻ như tìm kiếm một cái gì, chị sụt, ra dấu, tôi đến hàng ghế chị thì chị vừa lấy sách và manteau trên ghế kế bên rồi nhìn tôi cười: « Có phải chị kiếm cái này không? ». Tôi cời áo lạnh, ngồi xuống hỏi nhỏ:

— Sao? Chị định bỏ cho liên danh nào?

— Chưa biết, để xem sao đã, buổi họp vừa khai mạc được năm phút thôi, sinh viên còn đang « thanh toán » với Ban Chấp Hành cũ.

Một anh đứng lên hỏi:

— Cuộc họp báo của một chị sinh viên ở Pháp vừa về Việt Nam kỳ hè này làm hại cho tinh thần sinh viên Việt Nam tại Pháp, tại sao Ban Chấp Hành lại không đính chính? Vậy Ban Chấp Hành cử ra để làm gì, nếu không thay mặt cho anh em sinh viên bênh vực danh dự và quyền lợi cho họ?

Chị đại diện trả lời:

— Vì Ban Chấp Hành đang tổ chức trại hè ở Espagne không có mặt tại Paris nên không hay biết, mà nếu chị ấy có tuyên bố những gì có đụng chạm đến danh dự chung của sinh viên, thì bản phận của cùng sinh viên là phải đứng ra bênh vực, chứ tại sao lại phải đợi đến Tổng Hội mới làm được việc ấy (1).

Sinh viên chất vấn về quán Monge, đại diện Ban Chấp Hành trả lời đã chết sức tranh đấu với Tòa Đại-sứ nên được Tòa Đại-sứ giao cho Tổng Hội được trọn quyền xử dụng Câu lạc bộ ở trên quán Monge để làm nơi gặp gỡ của sinh viên. Còn quán ăn thì

tòa Đại-sứ sẽ cộng tác với Tổng Hội dưới hình thức này hay một hình thức khác và sau sẽ bàn.

Một anh hỏi: « Câu lạc bộ được giao hồi nào và đã mở cửa chưa? »

Trả lời: « Giao lâu rồi nhưng vì còn sửa chữa nên đến tháng 10-1965, Tòa Đại-Sứ mới đưa chìa khóa cho Ban Chấp hành.

Hỏi:

— Tôi nhớ cái ngày đại diện Tổng Hội mở cửa Câu lạc bộ có tôi, tôi thấy những thư từ văn kiện gửi đến Ban chấp hành đề tháng 4 mà đến tháng 10 mới đến lấy. Tại sao?

— Ban Chấp hành chịu là có thiếu sót trong công việc.

Hỏi:

— Tại sao 1/3 nhân viên trong Ban chấp hành từ chức, trong đó có cả anh Chủ tịch mà Ban Chấp-hành không triệu tập đại hội bầu lại?

Trả lời:

— Vì nhằm mùa thi, Ban chấp hành sợ « làm rộn » anh chị em nên những nhân viên còn lại phải « hy sinh » cùng nhau, ráng sức làm việc để anh chị em rảnh rảnh tâm trí mà học.

Đã hơn 4 giờ nên Ban chấp hành tuyên bố qua phần thứ hai của chương trình: giới thiệu hai liên danh.

Liên danh anh Nguyễn gia Kiềng có 11 anh và 1 chị.

Liên danh anh Lê — tất Thiện có 6 anh và 6 chị.

Sau khi giới thiệu, anh Lê tất Thiện xin phép cho các anh chị trong liên danh anh xuống hàng ghế vì trên estrade chật quá.

Trước khi anh Nguyễn gia Kiềng trình bày chương trình, anh Lê tất Thiện xin tuyên bố rút tên liên danh của anh. Phòng họp xôn xao và sinh viên xin anh cho biết lý do. Anh trả lời rằng vì lý do



riêng, sinh viên kêu nài, anh bảo sẽ trả lời ngoài phòng họp với ai muốn chất vấn anh.

CHƯƠNG TRÌNH LIÊN DANH NGUYỄN GIA KIỀNG

« Cố gắng đoàn kết sinh viên Việt Nam, gạt bỏ mọi chính kiến và Tôn giáo.

Kế hoạch : Mời những ai muốn tham dự trực tiếp vào việc thúc đẩy phong trào sinh viên, thấu nhận mọi ý kiến.

Tài chánh : Quản trị quán Monge đề Tổng Hội có một đời sống kinh tế và do đó một hoạt động độc lập, đồng thời sinh viên có một địa điểm gặp gỡ.

Xã hội : Thúc đẩy tinh thần tương trợ, giúp sinh viên gặp khó khăn, bệnh vực quyền lợi những sinh viên bị đàn áp.

Văn hóa, báo chí : Từ sinh viên sẽ phát hành mỗi tháng với nội dung vui vẻ, phóng sự, điều tra về đời sống sinh viên.

Du lịch, thể thao : Tổ chức các cuộc thi bóng bàn, bóng chuyền, bơi lội và đi chơi chung.

Văn nghệ : Tổ chức đêm Tết, đêm Hà, những buổi ca nhạc chiếu phim...

Ngoại giao : Liên lạc với các tổ chức sinh viên Pháp và ngoại quốc.

Sau khi anh Nguyễn gia Kiềng trình bày xong, một sinh viên hỏi :

— Anh bảo không làm chính trị vậy anh hợp tác với UNEF trên phương diện nào? và quán Monge theo như chỉ đại diện Ban Chấp Hành cũ là một sự hợp tác giữa Tòa Đại sứ và Tổng Hội, mà đời sống kinh tế của Tổng Hội lại trực thuộc vào

quán Monge, như thế tức nhiên nó chịu ảnh hưởng của Tòa Đại Sứ thì tinh thần độc lập của Tổng Hội ở đâu?

Hai câu hỏi đó làm cho anh Kiềng hơi lúng túng. Một nhóm sinh viên ra về.

PHẦN THỨ BA : BỎ PHIẾU KÍN

Sau khi đã đi hết các hàng ghế, thùng phiếu được đưa lên bàn, vài sinh viên tự nguyện lên giúp ban chủ tọa, phiếu được lần lượt đổ ra. Kết quả, liên danh Nguyễn gia Kiềng được 156 phiếu trên 195.

Anh Kiềng thay mặt liên danh anh cảm ơn các bạn sinh viên có lòng tin nhiệm liên danh anh, đồng thời anh cũng cảm ơn những bạn không tin nhiệm, như thế chứng tỏ rằng liên danh anh còn nhiều khuyết điểm, anh mong rằng trong niên khóa 1965-66 các bạn anh và anh sẽ cố gắng phục vụ Tổng Hội và sinh viên.

Đây chỉ là một bài tường thuật ngày Đại Hội bầu Ban chấp hành Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam tại Ba La khóa 1965-66. Người viết bài này không có ý hoan nghênh liên danh này hay đã đảo liên danh khác, và nếu có một ý gì ấy là lòng mong mỗi phong trào sinh viên năm nay cao hơn, đoàn kết hơn những năm vừa qua.

NGUYỄN THANH TÂM

Đây là Ban chấp hành niên khóa 1965-66, vừa được đắc cử với 78% số phiếu :

Chủ tịch : M. Nguyễn gia Kiềng (Ecole Centrale). Tổng thư ký : M. Võ văn Thành (Faculté des Sciences). Thủ quỹ : M. Trần khắc Căn (Faculté des Sciences). Trưởng ban nội vụ : Mille Phạm thiêu Tu (Ecole Polytechnique féminine). Trưởng ban kế hoạch : M. Vu thiên

(1) Anh Nguyễn Đương, Tổng thư ký «Phong trào Sinh viên quốc gia Việt Nam» có gửi bài đính chánh đăng trong tạp chí Phổ-Thông ở Saigon số 158, ra ngày 1-10.1965.

Dũng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/B.Y.T./RDPC.

Hân (Ecole des Télécommunications). Trưởng ban đối ngoại : M. Nguyễn ngọc Danh (Ecole Centrale). Trưởng ban tài chánh : M. Trương vinh Tân (Ecole Supérieure de Commerce). Trưởng ban xã hội : M. Phan ngọc Khai (Ecole Centrale). Trưởng ban văn hóa : M. Nguyễn nhu Hai (médecine). Trưởng ban văn nghệ : M. Vũ hồng Phan (Faculté des Sciences). Trưởng ban thể thao : M. Huỳnh hưu Thanh (Ecole Supérieure Aéro). Trưởng ban báo chí : M. Hoàng minh Tri (Faculté des Sciences).

★ Ô. Nguyễn Tấn Minh

1911 đường Trần Hoàn, Tam Kỳ

Quốc kỳ và Hoa hậu

... Chúng tôi là độc giả có nhiều cảm tình với Phở Thông vì Phở Thông đã tận tình phục vụ bạn đọc... nhứt là trả lời những chỗ mà độc giả gửi thư đến nhờ giải bày, làm cho đa số độc giả đã thỏa mãn những điều thắc mắc...

Sau đây xin ông vui lòng cho chúng tôi trình bày một ý kiến sau đây :

Vừa rồi ở đây đọc tạp chí *Phụ Nữ Ngày Mai* số 17, ra ngày 1 đến 7-11-1965. Thấy trang bìa trước có in hình 4 Phụ nữ đã được bầu làm Hoa Hậu và Á Hậu 1965, phía trong Phòng có đề 3 lá Quốc Kỳ lớn bự ! Độc giả thắc mắc : Các chiến sĩ có công lao với Quốc gia, khi được ân thưởng... hay các Tướng Lãnh khi được vinh thăng, ít thấy tồ chức oai nghiêm như thế ? Đáng ra khi trình bày Quốc kỳ thì nên trình bày khi Quốc lễ. Còn như bầu Hoa Hậu mà đề Quốc Kỳ, dưới 4 mỹ nữ như thế, rất khó coi. Bạn đọc Phở Thông nghĩ sao ?

● Ô. Phạm văn Liêm, Vũng-Tàu

Bác sĩ Đại-Hàn cứu bệnh nhân Việt-Nam

...Một bữa nọ có một thanh niên xăm xúi vào phòng bác sĩ Đại hàn ở Vũng tàu, nhờ bà thông ngôn thưa lại xin khám bệnh, thanh thiếu niên đó mặc quần xanh, áo trắng hơi cụt vạt sau, dị hợm, được bác sĩ khám kỹ lưỡng và trị bệnh.

Tôi hiểu bác sĩ hiểu rõ căn bệnh ly kỳ bí mật của tôi hơn ai hết và chính bác sĩ đã giúp tôi một phần lớn.

Lần đầu tôi vào khám bệnh, bác sĩ không hỏi «giấy tờ» mà chỉ chăm chỉ lo cho căn bệnh trạng của tôi. Điều đó tôi vô cùng cảm kích.

Nhiều lần tôi muốn ngỏ lời biết ơn nhưng ngôn ngữ bất đồng khó gây được thông cảm.

Hôm nay tôi viết lên lời chân thành biết ơn, nhờ tạp chí Phở Thông là một tạp chí có uy tín quốc tế đăng giùm.

Dù ở hoàn cảnh nào, nhân dân thế giới nói chung, nhân dân Việt Nam nói riêng, không một ai có quyền phủ nhận công ơn của phái đoàn y sĩ Đại hàn đang hoạt động tại Việt Nam.

Nhờ đó mà sự thương vong, tật bệnh cùng thường dân bị bệnh tật được giảm bớt rất nhiều. Điều đó rất hiển nhiên, hơn nữa, tất cả các y sĩ Đại hàn trong quân y viện Vũng Tàu đều có lương tâm nghề nghiệp. Điều đó được thể hiện trong sự làm việc, cho thuốc, khám bệnh, bắn bó, mổ sẻ v.v... một mực đều tỉ mỉ cẩn thận. Điều đó tôi thấy rõ và tất cả bệnh nhân Việt Nam đều thấy rõ và vô cùng biết ơn.

Chúng tôi sẽ ghi giữ sự biết ơn này đối với những người bạn y sĩ Đại Hàn tận tâm đáng mến nhất là đối với nước Đại Hàn cùng chung cảnh ngộ, đồng hội, đồng thuyền.

Nhân dân Việt Nam đau khổ cũng như nhân dân Đại Hàn đau khổ. Trong cùng hoàn cảnh đất nước bị chia cắt, chiến tranh gây tan tóe, điêu tàn, chết chóc, bệnh hoạn tàn tật, hoang điều tàn thảm hại v.v... cùng bao nhiêu tệ đoan kinh khủng khác. Cả hai dân tộc đều có chung cùng nguyện vọng : thống nhất đất nước, chấm dứt chiến tranh, hòa bình độc lập tự do được văn hồi

**DUNG midol**
1360/BYT/BRDC

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Công - Ty Bảo - Hiểm

« LE SECOURS »

Công-Ty Bảo-Hiểm và Liên-Hiệp Bảo-Hiểm những tai-nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa, trộm cắp và tất cả các rủi ro

Trụ sở chánh :

30-32, đường Laffite — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông

16, đại-lộ Nguyễn-Huệ (Charner cũ) Saigon

Điện-Thoại : 20.461

- Bồi thường mau lẹ
- Nghi thức giản tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại — Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiểm.

Thuốc bổ huyết điều kinh của Phụ-Nữ

PHỤ-NỮ **HỒI - XUÂN - TỔ** DI-AN-HÒA

Trị : Kinh nguyệt bất điều, tháng trời tháng sụt; khi có ít khi có nhiều, hay dây dưa hoặc mới có hay đau bụng, tử cung hư hàn hư nhiệt, giây chằng yếu, bạch đới hạ khí huyết suy kém xanh xao mặt nhợt, khó thọ thai, hay bị tiểu sản. Quý Bà dùng Phụ-Nữ : **HỒI-XUÂN-TỔ** để mau lại sức, ăn ngủ ngon, điều kinh sửa huyết, có tháng đúng ngày, trị hết bệnh bạch đới tử cung và đau bụng. — (C bán ở các tiệm thuốc Bắc.

Tổng Phát Hành : **Nhà thuốc : DI-AN-HÒA.**

252 A Lê-thánh-Tôn Saigon

K.N. B.Y.T. Số : 1.188 Ngày 9-6-65



GLUCOCÉ

TÉVÉTÉ

KEO SINH TỐ

CHỐNG MỆT-MỎI THỂ XÁC và TRÍ-ÓC
NGỪA NHIỄM-ĐỘC VI-TRÙNG
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRƯ ẦU-DƯỢC

Số 252 BYT.QCDP/18-10.62



POLYVIT C_a

TÉVÉTÉ

DẪN BÀ ĐƯỠNG THAI và THỜI KỲ CHO CON BÚ
TRẺ EM ỒM-YẾU, ÉO-ỢT, CHẬM MỌC RĂNG
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM TRƯ ẦU-DƯỢC

K.N. số 251 BYT-QCDP 18-10 62

Bệnh Kiết

Đau bụng trần thốn khó chịu, Kiết lỵ
dùng **Kim Xiên-Đơn** hiệu « con Ve » mau hết.

● AI BỊ BỆNH HỒ :

Ho cảm, Ho khan tắt tiếng, Ho rang tức ngực, uống thuốc ho **Chỉ Khái Hoàn** hiệu **Con Ve Ve** trừ đàm bồ phôi dứt cơn ho.

Phát hành : DI-SANH-ĐUỠNG, số 153 đường Lê-văn-Duyệt Saigon, các tiệm thuốc bắc có bán.

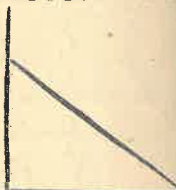


K.N. số 500 ngày 20-6-63

KINH - LÝ VĂN - PHONG

ĐD. đại lý Nguyễn-Huệ — Saigon

Điện-thoại 23.187



Phạm - văn - Lăng

Giám-Định Trắc-địa-sư

Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản

SAIGON

Giấy phép số 292 CDVITT/NĐ ngày 9-10-1961

Quản nhiệm : NGUYỄN-VỸ

In tại THƯ LÂM Á - THƯ QUÁN
231-231, Phạm Ngũ-Lão — Saigon